# PHẦN 1: TRỒNG TRỌT.
# CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT TRỒNG TRỌT
## Tiết 1: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA TRỒNG TRỌT.
## KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN CỦA ĐẤT TRỒNG.

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- Nêu được vai trò quan trọng của trồng trọt đối với đời sống con người, với việc phát triển ngành chăn nuôi, ngành công nghiệp chế biến, ngành thương mại. Lấy được VD minh họa.
- Trình bày được các nhiệm vụ cơ bản của ngành trồng trọt trong giai đoạn hiện nay.
- Nêu và giải thích được những biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt.
- Nêu được khái niệm đất trồng , vai trò và các thành phần của đất đối với cây trồng

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn.
- Rèn luyện được khả năng quan sát, phân tích đất qua từng thao tác.

**3. Thái độ:**

- Coi trọng việc sản xuất trồng trọt.
- Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt. Có ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên môi trường đất .

**4. Năng lực**:

**- Năng lực chung** : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**- Năng lực chuyên biệt** : Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: phiếu học tập, tư liệu về nhiệm vụ của nông nghiệp trong giai đoạn tới, hình 1, 2 sgk

2. Chuẩn bị của học sinh:

Sgk, vở ghi, xem trước bài 1, 2 sgk.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu:  Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các vấn đề trong bài học.
2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động
**** Chuyển giao nhiệm vụ***
- GV yêu cầu: Hãy vận dụng những kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân về trồng trọt để trả lời câu hỏi sau:
1. Trong nông nghiệp có những loại cây trồng nào? Kể tên những sản phẩm cây trồng nông nghiệp chủ yếu ở địa phương em và nước ta.
2. Trồng trọt có vai trò như thế nào?
3. Làm thế nào để trồng trọt đạt kết quả?
4. Đất trồng là gì ? Kể tên các loại đất trồng mà em biết ?
5. Đất trồng có vai trò như thế nào đối với cây trồng ?
- HS tiếp nhận
****Thực hiện nhiệm vụ***
- HS suy nghĩ thảo luận trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:
Hs trình bày theo ý hiểu của mình.
**** Báo cáo kết quả***
- Đại diện nhóm trình bày
**** Đánh giá kết quả***
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trồng trọt là lĩnh vực sản xuất quan trọng của nền nông nghiệp ở nước ta. Vậy trồng trọt có vai trò và nhiệm vụ như thế nào? Các thành phần và tính chất của đất trồng ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 1 và bài 2 để hiểu rõ vấn đề này .
-> Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

## B. Hoạt động hình thành kiến thức.

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **<u>HĐ1: Tìm hiểu vai trò của ngành trồng trọt trong nền kinh tế. 7'</u>**<br>1. Mục tiêu: Nêu được vai trò quan trọng của trồng trọt đối với đời sống con người, với việc phát triển ngành Chăn nuôi, ngành Công nghiệp chế biến, ngành Thương mại. Lấy được VD minh họa.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động:<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV: Giới thiệu hình 1 SGK cho học sinh.<br>GV yêu cầu: Quan sát Hình 1- SGK trang 5 em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận: Trồng trọt có vai trò gì trong nền kinh tế? Cho ví dụ về cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp? Liên hệ với nông nghiệp địa phương?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ thảo luận trả lời câu hỏi<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến trả lời:<br>- Vai trò: ->:<br>- VD:<br>Cây lương thực: Lúa, ngô, khoai, sắn...<br>Cây thực phẩm: Bắp cải, su hào, cà rốt...<br>Cây công nghiệp: Bạch đàn, keo, cà phê, cao su....<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | **<u>I. Vai trò của trồng trọt</u>**<br>- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.<br>- Cung cấp nguyên liệu cho CN.<br>- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.<br>- Cung cấp nông sản cho xuất khẩu. |

| | |
|---|---|
| **Tích hợp:** Trồng trọt có vai trò rất lớn trong điều hòa không khí và cải tạo môi trường. | |
| **<u>HĐ2. Tìm hiểu nhiệm vụ của trồng trọt: 8’</u>**<br>1. Mục tiêu: Trình bày được các nhiệm vụ cơ bản của ngành Trồng trọt trong giai đoạn hiện nay.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ cặp đôi<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu HS đọc bài tập trang 6 sgk, thảo luận và hoàn thành bài tập<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS thảo luận làm bài tập<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm<br>- Dự kiến sản phẩm: 1,2,4,6<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>? Tại sao nhiệm vụ 3, 5 ko phải là nhiệm vụ của trồng trọt ( đó là nhiệm vụ phát triển của nghành chăn nuôi và nghành lâm nghiệp)<br>G: tổng hợp kết quả thảo luận của các nhóm tóm tắt thành nhiệm vụ của trồng trọt và ghi bảng. | **<u>II. Nhiệm vụ của trồng trọt</u>**<br>- Nhiệm vụ 1,2,4,6<br><br>-> KL: + Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống nhân dân, phát triển chăn nuôi và xuất khẩu.<br>+ Phát triển cây công nghiệp, xuất khẩu. |
| **<u>HĐ3. Tìm hiểu các biện pháp thực hiện nhiệm vụ của ngành trồng trọt. 8’</u>**<br><br>1. Mục tiêu: Nêu và giải thích được những biện pháp để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân | **<u>III. Để thực hiện nhiệm vụ của trồng trọt cần sử dụng những biện pháp gì?</u>**<br>- Khai hoang, lấn biển để tăng diện tích |

| | |
|---|---|
| 3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV thông báo viết lên bảng: Sản lượng cây trồng trong 1 năm = năng xuất cây trồng/vụ/đơn vị diện tích x Số vụ trong năm x diện tích đất trồng trọt<br>? Em hãy đề xuất, làm thế nào làm thế nào để tăng năng xuất cây trồng trong vụ? Làm thế nào để có đc nhiều vụ trong năm ? Làm thế nào để tăng diện tích đất canh tác?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân tự do đề xuất<br>- GV: quan sát<br>- Dự kiến sản phẩm: Khai hoang lấn biển, dùng giống ngắn ngày, sử dụng kt tiên tiến...<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- hs trình bày kết quả<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**<u>HĐ4: Tìm hiểu khái niệm về đất trồng: 5'</u>**<br>1. Mục tiêu: Nêu được khái niệm đất trồng, vai trò của đất đối với cây trồng<br>2. Phương thức thực hiện: Hoạt động cặp đôi<br>3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập cặp đôi<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | - Dùng giống ngắn ngày để tăng vụ<br>- Sử dụng kĩ thuật tiên tiến để nâng cao năng suất.<br><br>**<u>IV. Khái niệm về đất trồng</u>**<br><u>1. Đất trồng là gì?</u> |

| | |
|---|---|
| - Giáo viên yêu cầu: Đọc thông tin phần I/ trang 7/ sgk thảo luận trả lời câu hỏi:<br>1. Đất trồng là gì?<br>2. Đất có tầm quan trọng như thế nào đối với cây trồng?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi<br>- Giáo viên quan sát các nhóm tl<br>- Dự kiến sản phẩm: -><br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>Mở rộng:<br>1. Lớp than đá tơi xốp có phải là đất trồng không? Tại sao? ( ko phải vì thực vật không thể sinh sống trên lớp than đá được).<br>GV: Giảng giải cho hs hiểu đc đá đc chuyển thành đất như thế nào?( Đất là sản phẩm biến đổi của đá dưới tác động của các yếu tố: khí hậu, sinh vật và con người. Dưới tác động của các yếu tố khí hậu ( nhiệt độ, lượng mưa...) đá bị vỡ vụn thành những mảnh có kích thước khác nhau. Dưới tác động của nước, các mảnh đá vỡ vụn nêu trên bị phân hủy và giải phóng ra chất khoáng. Đây chính là nguồn thức ăn đầu tiên cho các SV bậc thấp như VK, địa y, rêu, các SV này sống trên bề mặt các mảnh đá sau khi chết đi chúng để lại trên bề mặt các mảnh đá 1 lớp chất hữu cơ. Các chất hữu cơ này là nguồn nguyên liệu tổng hợp lên chất mùn – chất hữu cơ đặc trưng của đất, làm cho đất khác hẳn với đá)<br>2. Ngoài đất ra cây trồng có thể sống ở môi trường nào? ( môi trường nước có giá đỡ) | - Đất trồng là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó cây trồng có thể sinh sống và sản xuất ra sản phẩm<br><br><u>2. Vai trò của đất trồng</u><br>- Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, ôxi cho cây và giữ cho cây đứng vững. |

<table>
<tr>
<td>

**<u>HĐ5. Thành phần của đất trồng: 5’</u>**

1. Mục tiêu: Nêu được các thành phần của đất trồng

2. Phương thức thực hiện: Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.
- Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động.

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu HS đọc mục II SGK/7 hoạt động nhóm trong thời gian 4 phút để hoàn thành phiếu học tập.

| Các thành phần của đất trồng | Vai trò đối với cây trồng |
|---|---|
| | |
| | |
| | |

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi
- Giáo viên quan sát các nhóm tl
- Dự kiến sản phẩm: ->

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

- GV khái quát bài học.

</td>
<td>

**<u>V. Thành phần của đất trồng.</u>**

Gồm 3 phần: phần rắn, phần khí, phần lỏng.

- Phần khí (Nitơ, oxi, cacbonic): cung cấp oxi cho cây.
- Phần rắn( gồm thành phần vô cơ, và hữu cơ): cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.
- Phần lỏng (nước): cung cấp nước cho cây.

</td>
</tr>
</table>

## C. Hoạt động luyện tập: 3’

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động : Câu trả lời của học sinh.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau.

- Gv đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động.

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi

Câu 1: Hãy cho biết trồng trọt có vai trò gì trong đời sống nhân dân và nền kinh tế ở địa phương em?

Câu 2: Đất trồng có tầm quan trọng như thế nào đối với đời sống cây trồng?

Câu 3: Đất trồng gồm những thành phần nào? Vai trò của từng thành phần đó đối với cây trồng?

- Hs tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh.

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**GV:** chiếu kết quả.

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân.

3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :
- Hãy chia sẻ với cha mẹ và mọi người trong gia đình những hiểu biết của em về vai trò của đất trồng, thành phần của đất trồng.
- Tìm hiểu xem ở địa phương em trồng trọt có vai trò, nhiệm vụ quan trọng như thế nào ?
- Hs tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, về nhà thực hiện

***Báo cáo kết quả:***

Hs báo cáo kết quả vào tiết học sau

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 1’

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức.
2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm.
3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của HS vào vở.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá.
- Gv đánh giá vào tiết học sau.

5. Tiến trình hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv yêu cầu về nhà :

Tìm hiểu và tự thảo luận với các bạn về các vấn đề sau : Làm thí nghiệm thế nào để chứng minh được: Đất có nước ? Đất có không khí ? Đất có chất rắn ?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.

* Thực hiện nhiệm vụ.

+ Đọc yêu cầu.

+ Về nhà làm thí nghiệm chứng minh.

- Đọc và xem trước bài 3/sgk/9: Một số tính chất chính của đất trồng.
- Tìm sự khác nhau giữa thành phần cơ giới và thành phần của đất.

*** Rút kinh nghiệm:**

**Tuần 2**

Ngày soạn : 28/ 08/ .

Ngày dạy : **7A**: /9/; **7B**: /9/; **7C**: /9/

## Tiết 2. Bài 3: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG.

### I. MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức**:

- Trình bày được thành phần cơ giới của đất trồng.
- Nêu được các trị số PH của đất chua, đất kiềm và đất trung tính.
- Trình bày được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất trồng . So sánh khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng của đất cát, đất thịt, đất sét.
- Trình bày được khái niệm độ phì nhiêu của đất, nêu được vai trò độ phì nhiêu của đất đối với năng suất cây trồng.

**2**. **Kỹ năng:**

- Có khả năng phân biệt được các loại đất.
- Có các biện pháp canh tác thích hợp.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích và hoạt động nhóm.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức bảo vệ, duy trì và nâng cao độ phì nhiêu của đất.

**4. Năng lực**:

**- Năng lực chung** : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**- Năng lực chuyên biệt** : Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

### II. CHUẨN BỊ:

***1. Chuẩn bị của giáo viên***:

- Kế hoạch bài học
- Đất sét được nghiền nhỏ, đất thịt, đất cát, cốc nhựa, cốc thủy tinh, nước cất, giấy quỳ tím, thang màu pH chuẩn.
- Phiếu học tập dủ phát cho học sinh.

***2. Chuẩn bị của học sinh:***

Sgk, vở ghi, xem trước bài 3 SGK, sưu tầm các loại đất ở địa phương.

### III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

**A. Hoạt động khởi động: 3’**

1. Mục tiêu:  Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức mới, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các vấn đề trong bài học.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động
**** Chuyển giao nhiệm vụ***
- GV yêu cầu:
- Đất trồng có tầm quan trọng như thế nào đối với đời sống cây trồng?
- Đất trồng có những tính chất chính nào?
- HS tiếp nhận.
****Thực hiện nhiệm vụ***
- HS suy nghĩ trả lời.
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn.
- Dự kiến sản phẩm: - Đất trồng là môi trường cung cấp nước, chất dinh dưỡng, ôxi cho cây và giữ cho cây đứng vững
- Một số tính chất chính của đất trồng.....
**** Báo cáo kết quả***
- Hs trình bày
**** Đánh giá kết quả***
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đất trồng là môi trường sống của cây. Do đó ta cần biết đất có những tính chất chính nào để từ đó ta có biện pháp sử dụng và cải tạo hợp lí. Đó là nội dung của bài học hôm nay.
->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***HĐ1: Tìm hiểu thành phần cơ giới của đất là gì? (7')***<br>1. Mục tiêu: Trình bày được thành phần cơ giới của đất trồng.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau | **I. Thành phần cơ giới của đất là gì**? |

| | |
|---|---|
| - Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động:<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- Gv yêu cầu HS đọc mục I SGK/9 hoạt động nhóm 5 phút sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn cho biết phần rắn của đất bao gồm những thành phần nào? Phần vô cơ của đất có những gì? Thế nào là thành phần cơ giới của đất? Căn cứ vào đâu để phân loại đất và phân loại như thế nào?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ thảo luận trả lời câu hỏi<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến trả lời:<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>***<u>HĐ2. Tìm hiểu độ chua, độ kiềm của đất (8')</u>***<br>1. Mục tiêu: Nêu được các trị số PH của đất chua, đất kiềm và đất trung tính.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động.<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ.***<br>- Gv yêu cầu HS nghiên cứu mục II SGK/9-> Phát hiện kiến thức hoạt động cá nhân cho biết:<br>Độ pH dùng để đo cái gì?<br>Trị số PH dao động trong phạm vi nào?<br>Với các giá trị nào của PH thì đất được gọi là chua, kiềm và trung tính? -> Ý nghĩa gì với sản xuất? | - Tỉ lệ phần trăm các loại hạt cát, limon, sét trong đất là thành phần cơ giới của đất<br>- Tùy tỉ lệ từng loại hạt trong đất mà chia đất thành đất cát, đất thịt, đất sét.<br>**<u>II. Độ chua, độ kiềm của đất.</u>** |

| | |
|---|---|
| - HS tiếp nhận.<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS suy nghĩ trả lời<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm<br>- Dự kiến sản phẩm: -><br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Hs trình bày.<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>G: tổng hợp kết quả thảo luận của các nhóm tóm tắt thành nhiệm vụ của trồng trọt và ghi bảng.<br>***<u>HĐ3. Tìm hiểu khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất. (7')</u>***<br>1. Mục tiêu: Trình bày được khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất trồng. So sánh khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng của đất cát, đất thịt, đất sét.<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV nêu vấn đề: Đất sét, đất thịt, đất cát thì đất nào giữ nước tốt hơn? Làm thế nào xác định được?<br>- GV giới thiệu mẫu đất để trong các cốc từ 1->3, giới thiệu dụng cụ thí nghiệm, gợi ý những vấn đề cần quan sát và rút ra kết luận điền vào bảng bài tập SGK/9 (Đất sét giữ nước và chất dinh dưỡng tốt nhất, đất thịt trung bình, đất cát kém)<br>- Vì sao đất giữ được nước và chất dinh dưỡng?<br>- So sánh khả năng giữ nước của đất sét, thịt và cát?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc nhóm | Độ chua, kiềm của đất được đo bằng độ PH<br>- Đất chua: pH < 6,5<br>- Đất trung tính: pH = 6,6 - 7,5<br>- Đất kiềm: pH > 7,5<br><br>**<u>III. Khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng của đất</u>**:<br><br>+ Đất giữ đc nước và các chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn<br>+ Khả năng giữ nước của đất sét tốt nhất, đất thịt trung bình, đất cát kém. |

| | |
|---|---|
| - GV: quan sát<br>- Dự kiến sản phẩm: -><br>***Báo cáo kết quả:***<br>- hs trình bày kết quả<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV: *Hạt càng bé thì khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng càng tốt*<br>***HĐ4: Tìm hiểu độ phì nhiêu của đất là gì ( 8')***<br>1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm độ phì nhiêu của đất, nêu được vai trò độ phì nhiêu của đất đối với năng suất cây trồng.<br>2. Phương thức thực hiện:<br>- Hoạt động cặp đôi<br>3. Sản phẩm hoạt động: Phiếu học tập cặp đôi<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV chiếu 1 đoạn vi deo ngắn nói về sự sinh trưởng của cây trồng trên các môi trường đất khác nhau yêu cầu HS sau khi xem vi deo xong thì hoạt động nhóm 5 phút cho biết tình hình đất , nước, phát triển cây…?<br>- Ở đất thiếu nước, thiếu dinh dưỡng thì cây phát triển như thế nào?<br>- Ở đất đủ nước, dinh dưỡng cây trồng phát triển như thế nào?<br>- Khi bón thật nhiều phân đạm cho su hào-> Cây phát triển như thế nào?<br>- Thế nào là độ phì nhiêu của đất?<br>- Ngoài đất còn yếu tố nào ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ*** | **IV. Độ phì nhiêu của đất là gì?** |

| | |
|---|---|
| - Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi<br>- Giáo viên quan sát các nhóm tl<br>- Dự kiến sản phẩm: -><br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>- GV khái quát bài học. | Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi, chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đồng thời không chứa các chất có hại cho cây.<br>Các yếu tố khác như: Thời tiết thuận lợi, giống tốt và chăm sóc tốt. |

**C. Hoạt động luyện tập: 5’**

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động : Câu trả lời của học sinh
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi

Câu 1: Thành phần cơ giới của đất là gì?

Câu 2: Thế nào là đất chua, đất kiềm, đất trung tính?

Câu 3: Vì sao đất giữ đc nước và chất dinh dưỡng?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân
3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu:
- Hãy chia sẻ với cha mẹ và mọi người trong gia đình những hiểu biết của em về thành phần của đất trồng
- Tìm hiểu xem ở địa phương em đất trồng có những loại đất nào, đất trồng có vai trò quan trọng như thế nào  đối với người dân ở địa phương ?
- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, về nhà thực hiện

***Báo cáo kết quả:***

Hs báo cáo kết quả vào tiết học sau

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2'**

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2. Phương thức thực hiện: Hđ nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: Câu trả lời của Hs vào vở
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

- Gv yêu cầu về nhà

Tìm hiểu và dự thảo với các bạn về các vấn đề sau: Thế nào là đất tốt ? Điều gì sẽ xẩy ra khi một số cây trồng bị ngập nước ?

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

**** Thực hiện nhiệm vụ***

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà làm thí nghiệm chứng minh

- Đọc và xem trước bài 3/sgk/9: Một số tính chất chính của đất trồng
- Tìm sự khác nhau giữa thành phần cơ giới và thành phần của đất

**Tuần 3**

Ngày soạn : 05/ 09/ .

Ngày dạy : **7A**: /9/; **7B**: /9/; **7C**: /9/

## Tiêt 3: Biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất.

**I/Muc tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh cần:

***1.Kiến thức***:

- Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng đất hợp lý.
- Biết các biện pháp cải tạo và bảo vệ đất.

***2.Kĩ năng***:

- Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.

***3.Thái độ***:

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ tài nguyên môi trường đất.

**4. Năng lực, phẩm chất :**

- **Năng lực:** Phát triển năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực giao tiếp.
- **Phẩm chất**: Trung thực, tự tin.

**II.Chuẩn bị :**

- GV: Bảng phụ, tranh: ruộng bậc thang, trồng xen cây...
- HS: Đọc SGK, tìm hiểu biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất ở địa phương.

**III.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

*1.Mục tiêu* : Huy động kiến thức,tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

*2.Phương thức thực hiện*: HĐ cá nhân

*3.Sản phẩm* : Đáp án trả lời của HS

*4.Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

*5.Tiến trình*

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi :

Câu hỏi 1: Vì sao đất giữ được nước và chất dinh dưỡng?

Câu hỏi 2: Độ phì nhiêu của đất là gì?

Câu hỏi 3: Vì sao khi trồng cây ở vùng đất đồng bằng cây phát triển tốt hơn ở vùng đất đồi núi?

- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS: suy nghĩ trả lời.
- GV : quan sát
- Dự kiến sản phẩm:

C1: Đất giữ được nước và chất dinh dưỡng là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn.

C2: Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, oxi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đảm bảo năng suất cao, đồng thời không chứa các chất gây hại cho cây.

C3: Vì đất đồi núi dễ bị rửa trôi xói mòn và thoái hóa nhanh hơn đất đồng bằng.

***Báo cáo kết quả***

HS: Trả lời đáp án của mình

***Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV dẫn dắt vào bài

Có những biện pháp nào sử dụng hợp lí tài nguyên đất. Chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1. Tìm hiểu vì sao phải sử dụng đất hợp lí?( 15')**<br>1.Mục tiêu: Hiểu được vì sao phải sử dụng đất hợp lý. Phân tích được mục đích của từng biện pháp sử dụng đất.<br>2.Phương thức: Hoạt động nhóm.<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV**: Yêu cầu hs nghiên cứu thông tin SGK, HĐN trả lời các câu hỏi sau:<br>1.Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?<br>2. Nêu các biện pháp sử dụng đất hợp lý? Nói rõ mục đích của từng biện pháp?<br>- Hs tiếp nhận nhiệm vụ<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ làm việc việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời.<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>1. Do nhu cầu lương thực, thực phẩm ngày càng tăng mà diện tích đất trồng có hạn vì vậy phải sử dụng đất trồng hợp lí.<br>2. | **I.<u>Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?</u>**<br>- Do nhu cầu lương thực, thực phẩm ngày càng tăng mà diện tích đất trồng có hạn vì vậy phải sử dụng đất trồng hợp lí.<br>*Mục đích của các biện pháp sử dụng đất:<br>- Thâm canh tăng vụ: Không để đất trống, tăng sản lượng, sản phẩm được thu.<br>- Không bỏ đất hoang: Tăng đơn vị diện tích đất canh tác.<br>- Chọn cây trồng phù hợp với đất: Cây sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao.<br>- Vừa sử dụng, vừa cải tạo: Tăng độ phì nhiêu của đất. |

| | |
|---|---|
| - Thâm canh tăng vụ: Không để đất trống, tăng sản lượng, sản phẩm được thu.<br>- Không bỏ đất hoang: Tăng đơn vị diện tích đất canh tác.<br>- Chọn cây trồng phù hợp với đất: Cây sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao.<br>- Vừa sử dụng, vừa cải tạo: Tăng độ phì nhiêu của đất<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm trình bày<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV lấy ví dụ giải thích thêm cho hs hiểu rõ. Biện pháp vừa sử dụng vừa cải tạo ,biện pháp này áp dụng đối với đất vừa khai hoang hoặc mới lấn ra biển<br>VD: Khi khai hoang lấn biển xong nhân dân thường trồng cói .Sau vài năm đỡ mặn họ trồng lúa chịu mặn và tiếp tục rửa mặn khi hết mặn sẽ trồng giống lúa mới.<br>**2.Tìm hiểu biện pháp cải tạo và bảo vệ đất( 15')**<br>1.Mục tiêu: Hiểu và phân tích được mục đích của từng biện pháp cải tạo và bảo vệ đất. Biết được từng biện pháp được áp dụng cho loại đất nào.<br>2.Phương thức: đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề, HĐ cá nhân, hoạt động nhóm.<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ*** | **II.Biện pháp cải tạo và bảo vệ đất.**<br><br>- Cày sâu bừa kỹ, bón phân hữu cơ: Tăng bề dày lớp đất canh tác (tầng đất mỏng, nghèo dinh dưỡng ) |

<table>
<tr>
<td>
GV: Giới thiệu một số loại đất cần cải tạo ở nước ta. Đất xám bạc màu, đất mặn,đất phèn...<br>
+ Đất xám bạc màu: Nghèo chất dinh dưỡng, tầng dất mặn rất mỏng,đất thường chua<br>
+ Đất mặn: có nồng độ muối tan tương đối cao cây trồng không sống được trừ các loại cây chịu được mặn<br>
+ Đất phèn: Chứa nhiều muối phèn gây độc hại cho cây trồng<br>
GV: Yêu cầu hs nghiên cứu thông tin SGK, quan sát H3,H4,H5; HĐN trả hoàn thành bảng sau:
<table>
<tr><th>BP cải tạo và bảo vệ đất</th><th>Mục đích</th><th>Áp dụng cho loại đất</th></tr>
<tr><td>1.<br>2.<br>3.<br>4.<br>5.</td><td></td><td></td></tr>
</table>
- Hs tiếp nhận nhiệm vụ<br>
*Thực hiện nhiệm vụ:<br>
- HS suy nghĩ làm việc việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời.<br>
- GV theo dõi<br>
- Dự kiến trả lời:<br>
1. Cày sâu bừa kỹ, bón phân hữu cơ: Tăng bề dày lớp đất canh tác (tầng đất mỏng, nghèo dinh dưỡng )<br>
2. Làm ruộng bậc thang: Hạn chế dòng nước chảy, hạn chế xói mòn, rửa trôi ( đất dốc, đồi núi)<br>
3. Trồng xen cây nông nhiệp giữa các băng cây phân xanh: Tăng độ che phủ, chống xói mòn ( chống xói mòn, cải tạo đất)<br>
4. Cày nông bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên: Không xới đất phèn, hoà tan chất phèn trong nước, tạo môi trường yếm khí,
</td>
<td>
- Làm ruộng bậc thang: Hạn chế dòng nước chảy, hạn chế xói mòn, rửa trôi ( đất dốc, đồi núi)<br>
- Trồng xen cây nông nhiệp giữa các băng cây phân xanh: Tăng độ che phủ, chống xói mòn ( chống xói mòn, cải tạo đất)<br>
- Cày nông bừa sục, giữ nước liên tục, thay nước thường xuyên: Không xới đất phèn, hoà tan chất phèn trong nước, tạo môi trường yếm khí, tháo nước phèn thay thế bằng nước ngọt. ( đất phèn).<br>
- Bón vôi: Khử chua, áp dụng đối với đất chua.
</td>
</tr>
</table>

| | |
|---|---|
| tháo nước phèn thay thế bằng nước ngọt. ( đất phèn).<br>5. Bón vôi: Khử chua, áp dụng đối với đất chua.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm trình bày<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, trả lời câu hỏi..

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Vì sao phải cải tạo đất? Nêu các biện pháp sử dụng và cải tạo đất?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV:

? Ở địa phương em cải tạo đất bằng phương pháp nào?

? Con người có thể biến đổi đất chua tốt thành đất tốt được không? Bằng biện pháp nào

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi.
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: - Dùng biện pháp thủy lợi ,bón phân hợp lí, các biện pháp canh tác

***Báo cáo kết quả:***

HS báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả.

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự  đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Chuẩn bị mẫu vật tiết sau thực hành:  Lấy 3 mẫu đất khác nhau ( bằng nắm tay) đất phải khô(hơi ẩm) sạch cỏ, đá...đựng trong túi nilon. Ghi rõ mẫu đất số...ngày lấy, nơi lấy, người lấy mẫu.

*** Rút kinh nghiệm:**

**Tuần 4**

Ngày soạn : 11/ 09/ .

Ngày dạy : **7A**: /9/; **7B**: /9/; **7C**: /9/

**Tiết 4: Bài 4 + Bài 5 : Thực hành**

**XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT**

**BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐƠN GIẢN**

**XÁC ĐỊNH ĐỘ pH ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO MÀU.**

## I. MỤC TIÊU:

### 1. Kiến thức:

- Biết cách xác định được thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp đơn giản
- Biết cách xác định được độ pH của đất bằng phương pháp đơn giản ( so màu )

### 2. Kĩ năng:

- Xác định được thành phần cơ giới và độ pH của đất bằng phương pháp đơn giản
- Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

### 3.Thái độ:

- Có ý thức nghiêm túc trong khi thực hành, vận dụng được kiến thức vào thực tế.

### 4. Năng lực :

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực thực hành

## II.CHUẨN BỊ :

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập: Bản mô tả qui trình thực hành.
- Chất chỉ thị màu tổng hợp, thang màu pH chuẩn, thìa nhỏ.
- Tranh vẽ qui trình xử lý hạt giống bằng nước nóng (sgk/42).

2. Chuẩn bị của HS:

- Chuẩn bị các mẫu đất
- Kẻ sẵn mẫu báo cáo thực hành

## III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

### A. Hoạt động khởi động: 5’

1. Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu về phương pháp xác định thành phần cơ giới của đất.
2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu: Dựa vào những kiến thức đã học, kiến thức thực tế suy nghĩ trả lời câu hỏi

? Vì sao phải sử dụng đất hợp lí? Nêu biện pháp cải tạo và bảo vệ đất?

- HS Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

Dự kiến sản phẩm:

- Sử dụng đất hợp lý để tăng năng suất cây trồng và duy trì độ phì nhiêu của đất
- Các biện pháp sử dụng đất gồm:

+Thâm canh tăng vụ

+ Không bỏ đất hoang

+ Chọn cây trồng phù hợp với từng loại đất

+ Vừa sử dụng, vừa cải tạo đất

**** Báo cáo kết quả***

Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: GV: Để giúp các em có được kỹ năng xác định thành phần cơ giới của đất chúng ta cùng làm bài TH

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học, nội quy thực hành và phân công các nhóm làm thực hành, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh...

**B. Hoạt động hình thành kĩ năng, luyện tập.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|

| | |
|---|---|
| ***HĐ1. Tìm hiểu vật liệu và dụng cụ cần thiết. (5')***<br>1. Mục tiêu: Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ cần thiết cho bài TH.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: tìm hiểu nội dung phần I (sgk/10) và cho biết để xác định thành phần cơ giới của đất các em cần chuẩn bị ntn về vật liệu và dụng cụ?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS suy nghĩ trả lời<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến sản phẩm: nội dung phần I – sgk/10<br>**** Báo cáo kết quả***<br>1 HS trả lời<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>G: Chốt kiến thức và ghi bảng( chiếu kết quả)<br>***HĐ2. Tìm hiểu quy trình thực hành: 7'***<br>1. Mục tiêu: Biết cách xác định thành phần cơ giới của đất<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết (sgk/10)**<br><br>**II. Qui trình thực hành.**<br>**1. Xác định thành phần cơ giới của đất.**<br>- Gồm 4 bước<br>+ Lấy một ít đất bằng viên bi cho vào lòng bàn tay.<br>+ Nhỏ vài giọt nước cho đủ ẩm<br>+ Dùng hai tay vê đất thành thỏi có đường kính khoảng 3mm<br>+ Uốn thỏi đất thành vòng tròn có đường kính khoảng 3cm<br><br>**2. Xác định độ pH của đất bằng phương pháp so màu.** |

| | |
|---|---|
| 5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: GV chiếu các bước thực hành<br>Câu 1: Nêu qui trình xác định thành phần cơ giới của đất? Mô tả các bước trong qui trình đó<br>Câu 2: Nêu qui trình xác định độ pH của đất bằng phương pháp so màu?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Câu 1: 4 bước (sgk/11)<br>+ Câu 2: 3 bước (sgk/12)<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV: Làm mẫu vừa làm vừa giới thiệu bằng lời, kĩ thuật thực hiện từng thao tác<br>Hs: lắng nghe, quan sát<br>GV: gọi 2 Hs lên làm thử sau đó nhận xét rút kinh nghiệm<br>***HĐ3. Thực hành.***: 20’<br>1. Mục tiêu :<br>- Xác định thành phần cơ giới của đất băng phương pháp đơn giản | - Lấy một lượng đất bằng hạt ngô cho vào thìa<br>- Nhỏ từ từ chất chỉ thị màu tổng hợp vào mẫu đất cho đến khi dư thừa 1 giọt<br>- Sau 1 phút, nghiêng thìa cho chất chỉ thì màu chảy ra và so màu với thang màu pH chuẩn.<br><br>**III. Thực hành.** |

| | |
|---|---|
| - Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: kết quả TH<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: mỗi nhóm xác định 3 mẫu đất khác nhau theo quy trình.<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: TH theo nhóm đã phân công.<br>- GV theo dõi kỹ thuật thực hiện của HS và nhắc nhở, giúp đỡ.<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs báo cáo lại cách làm và kết quả.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>+ nhận xét kỹ năng thực hiện.<br>+ Kết quả thực hiện của từng nhóm.<br>+ Cho điểm nhóm hay cá nhân tuỳ GV.<br>- GV bổ sung nếu HS còn sai sót, nhắc nhở vệ sinh môi trường | |

**C. Hoạt động vận dụng: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu

Vì sao phải xác định thành phần cơ giới của đất

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

-HS: Làm việc cá nhân: đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- GV theo dõi

***Báo cáo kết quả:***

2 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3'**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu xem ở gia đình, địa phương em hay xác định thành phần cơ giới của đất bằng cách nào?

* Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Tác dụng của phân bón trong trồng trọt.

*** Rút kinh nghiệm:**

.

**Tuần 5**

Ngày soạn : 18/ 09/ .

Ngày dạy : **7A**: 28 /9/; **7B**: 28/9/; **7C**: 25/9/

**TIẾT 5:**

**TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN TRONG TRỒNG TRỌT.**

**I. Mục tiêu:**

1. ***Kiến thức:***

**-** Biết được các loại phân bón thường dùng và tác dụng của phân bón đối với đất, cây trồng.

**2. *Kĩ năng:***

**-** Rèn kĩ năng quan sát, phân tích.

***3.Thái độ*:**

- Có ý thức tận dụng các sản phẩm phụ ( thân, cành, lá) cây hoang dại để làm phân bón..

***4. Năng lực, phẩm chất :***

- **Năng lực:** Phát triển năng lực tự học; Năng lực hợp tác; Năng lực khái quát hóa; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực giao tiếp.
- **Phẩm chất**: Trung thực, tự tin.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Một số loại phân bón thường dùng.

Bảng phụ (sơ đồ 2 sgk)

- HS: Tìm hiểu biện pháp sử dụng phân bón ở địa phương.

**III.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

*1.Mục tiêu* : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho HS. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

*2.Phương thức thực hiện*: HĐ cá nhân

*3.Sản phẩm* : Đáp án trả lời của HS

*4.Kiểm tra, đánh giá:*

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

*5.Tiến trình*

****Chuyển giao nhiệm vụ***

- Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:
Nêu các biện pháp cải tạo và bảo vệ đất?
- Hs: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS: suy nghĩ trả lời.
- GV : quan sát
- Dự kiến sản phẩm:
- Tăng bề dày lớp đất canh tác (tầng đất mỏng, nghèo dinh dưỡng )
- Hạn chế dòng nước chảy, hạn chế xói mòn, rửa trôi ( đất dốc, đồi núi)
- Tăng độ che phủ, chống xói mòn ( chống xói mòn, cải tạo đất)
- Không xới đất phèn, hoà tan chất phèn trong nước, tạo môi trường yếm khí, tháo nước phèn thay thế bằng nước ngọt. ( đất phèn).
- Khử chua, áp dụng đối với đất chua.

***Báo cáo kết quả***

HS: Trả lời đáp án của mình.

***Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

***GV yêu cầu hs liên hệ thực tế:***

Ngay từ xa xưa ông cha ta đã nói "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Câu tục ngữ này phần nào nói lên tầm quan trọng của phân bón trong trồng trọt. Em hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ trên.

HS trả lời.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Để kiểm chứng câu tục ngữ trên có đúng hoàn toàn không chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức.**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***HĐ1*. Tìm hiểu phân bón là gì? 10'**<br>1.Mục tiêu : Hiểu được phân bón là gì và biết được các loại phân bón thông thường.<br>2.Phương thức: hoạt động nhóm.<br>3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá | **1.Phân bón là gì?**<br><br>- Phân bón là "thức ăn" do con người bổ sung cho cây trồng.<br><br>- Gồm 3 nhóm chính: phân hữu cơ, phân hoá học và phân vi sinh. |

| | |
|---|---|
| 5.Tiến trình.<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV**: Yêu cầu hs nghiên cứu thông tin SGK, quan sát sơ đồ 2, HĐN trả lời các câu hỏi sau:<br>1. Phân bón là gì? Phân bón gồm những loại nào?<br>2. Kể tên một số loại phân hữu cơ, vô cơ,vi sinh mà em biết?<br>- Hs tiếp nhận nhiệm vụ<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ làm việc việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời.<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>1. Phân bón là "thức ăn" do con người bổ sung cho cây trồng.<br>2. + Phân hữu cơ:<br>- Phân xanh, phân chuồng, phân rác, than bùn, khô dầu ...<br>+ Phân hoá học:<br>- Phân NPK, phân vi lượng...<br>+ Phân vi sinh:<br>- Phân có chứa vi sinh vật chuyển hoá đạm, vi sinh vật chuyển hoá lân...<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm trình bày<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>***HĐ*2.Tìm hiểu tác dụng của phân bón: 20'**<br>1.Mục tiêu: Biết được tác dụng của phân bón đối với đất, cây trồng.<br>2.Phương thức: Hoạt động nhóm.<br>3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh | + Phân hữu cơ:<br>- Phân xanh, phân chuồng, phân rác, than bùn, khô dầu ...<br>+ Phân hoá học:<br>- Phân NPK, phân vi lượng...<br>+ Phân vi sinh:<br>- Phân có chứa vi sinh vật chuyển hoá đạm, vi sinh vật chuyển hoá lân...<br><br>**II. <u>Tác dụng của phân bón.</u>** |

| | |
|---|---|
| 4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV**: Yêu cầu học sinh quan sát hình 6 SGK thảo luận trả lời câu hỏi.<br>? Phân bón có ảnh hưởng như thế nào tới đất, năng suất cây trồng và chất lượng nông sản?<br>- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ làm việc việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời.<br>- GV theo dõi.<br>- Dự kiến trả lời:<br>Nhờ có phân bón, đất phì nhiêu hơn, có nhiều chất dinh dưỡng, cây trồng phát triển, sinh trưởng tốt cho năng suất cao, chất lượng tốt.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm trình bày.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV:** Giảng giải cho học sinh thấy nếu bón quá nhiều, sai chủng loại, năng suất không tăng- mà giảm. Giới thiệu những sản phẩm nông nghiệp sử dụng phân bón hữu cơ<br>GV lấy VD: Cam bón ít phân thì quả nhỏ ít nước ,ăn nhạt. | - Nhờ có phân bón, đất phì nhiêu hơn, có nhiều chất dinh dưỡng, cây trồng phát triển, sinh trưởng tốt cho năng suất cao, chất lượng tốt. |

**C. Hoạt động luyện tập: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, trả lời câu hỏi..

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau.
- Gv đánh giá.

5.Tiến trình hoạt động.

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

1. Dựa vào sơ đồ 2 SGK, em hãy sắp xếp các loại phân bón dưới đây vào các nhóm thích hợp:

Phân chuồng; phân trâu, bò; phân ure; phân lợn; phân lân; phân đạm; phân NPK; phân xanh; khô dầu dừa; phân bón có chứa vi sinh vật chuyển hóa lân; Phân bắc; Khô dầu đậu tương; Nitragin ( chứa vi sinh vật chuyển hóa đạm).

| Phân hữu cơ | Phân hóa học | Phân vi sinh |
|---|---|---|
| | | |

2. Giải thích mối liên quan giữa phân bón, năng suất, chất lượng nông sản, độ phì nhiêu của đất.

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động vận dụng: 3’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV:

1. Vì sao không bón phân chuồng tươi mà phải ủ cho hoai mục?

2. Theo em mỗi gia đình làm nông nghiệp có thể sản xuất ra loại phân bón gì?

3. Cây rất cần đạm trong nước tiểu có nhiều đạm tại sao tưới nước tiểu vào cây thì cây lại chết?

- Hs tiếp nhận.

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi.
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

1. Vì khi bón tươi cây trồng k hấp thu được làm ô nhiễm môi trường nước không khí

2. Có thể sản xuất ra các loại phân như phân hữu cơ như phân chuồng phân xanh, có thể sản xuất phân từ rác thải của gia đình

3. Bón quà nhiều cây không hút được gây mất nước ở rễ làm cây chết.

***Báo cáo kết quả:***

HS báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức.

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân.

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động.

Gv yêu cầu hs về nhà tìm hiểu thực tiễn, tìm hiểu qua sách báo, người thân trả lời các câu hỏi sau vào vở để tiết học sau chia sẻ với thầy cô, bạn bè...

? Theo em nên sử dụng loại phân nào để đảm bảo an toàn cho cây trồng và đất? Em lấy VD cụ thể .

? Em có biện pháp nào để sản xuất ra nhiều loại phân hữu cơ và cách giữ vệ sinh môi trường?

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

GV dặn dò:

- Đọc và xem trước bài 9 SGK, tìm hiểu cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón. và chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm.

*** Rút kinh nghiệm:**

**Tuần 6**

Ngày soạn : 24/ 09/ .

Ngày dạy : **7A**: / 10/; **7B**: /10/; **7C**: /10/

## TIẾT 6 :CÁCH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG

**I. Mục tiêu:**

**1**. **Kiến thức**:

- Hiểu được các cách bón phân, cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường.

**2**. **Kĩ năng**:

- Rèn kĩ năng phân tích, quan sát.

**3**. **Thái độ**

-Giáo dục: Có ý thức tiết kiệm, bảo đảm an toàn lao động và bảo vệ môi trường khi sử dụng

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.<u>Chuẩn bị</u> :**

-GV:Soạn giáo án

Bảng phụ

Sưu tầm tranh phóng to các cách bón phân.

- HS : Sưu tầm tranh ảnh các cách bón phân

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu: Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường

2. Phương thức: Hđ nhóm, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày vào phiếu học tập

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

? Em hãy cho biết tên và đặc điểm của một số loại phân bón hiện nay

HS tiếp nhận nhiệm vụ

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

+ Phân hữu cơ gồm: Phân chuồng, phân bắc, phân rác, phân xanh, than bùn

+ Phân hoá học:

- Phân NPK, phân vi lượng...

+ Phân vi sinh:

- Phân có chứa vi sinh vật chuyển hoá đạm, vi sinh vật chuyển hoá lân...

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV đặt vấn đề: Chúng ta đã làm quen với một số loại phân bón thường dùng trong nông nghiệp. Vậy bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu cách sử dụng các loại phân bón đó, sao cho có thể thu được năng suất cao, tiết kiệm được phân bón.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***HĐ 1: Tìm hiểu về Cách bón phân: 10'***<br>1.Mục tiêu: Nêu được các cách bón phân. Nêu được ví dụ minh hoạ.<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân, Hđ nhóm<br>3.Sản phẩm: Phiếu học tập<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV y/c HS n/c nội dung phần I SGK và trả lời câu hỏi sau:<br>?Chúng ta bón phân cho cây trồng nhằm mđ gì<br>**?**Căn cứ vào thời kỳ bón phân người ta chia làm mấy cách bón phân?Thế nào là bón lót? Thế nào là bón thúc?<br>? Căn cứ vào hình thức bón người ta chia thành những cách bón nào?<br>**GV**: Yêu cầu học sinh quan sát hình vẽ SGK- phân biệt cách bón phân và thảo luận theo nhóm và hoàn thành bài tập sau<br>- Quan sát các cách bón phân hãy cho biết tên của các cách bón phân. Hãy chọn các câu dưới đây để nêu ưu nhược điểm của từng cách bón<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Bón lót: Là bón phân vào đất trước khi gieo trồng, nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay khi mới mọc, mới bén rễ. | **<u>I.Cách bón phân:</u>**<br>- Căn cứ vào thời kì bón:<br>+ Bón lót: Là bón phân vào đất trước khi gieo trồng, nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay khi mới mọc, mới bén rễ.<br>+ Bón thúc: Là bón phân trong thời gian sinh trưởng, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.<br>*Căn cứ vào cách bón có:<br>- Bón theo hốc, theo hàng:<br>+ Ưu điểm: Cây dễ sử dụng, cần dụng cụ đơn giản.<br>+ Nhược điểm: Phân bón ít bị chuyển thành chất khó tan do hạn chế tiếp xúc với đất.<br>- Bón vãi:<br>+ Ưu điểm: dễ thực hiện, cần dụng cụ đơn giản.<br>+ Nhược điểm: Phân bón ít bị chuyển thành chất khó tan do hạn chế tiếp xúc với đất.<br>- Phun trên lá:<br>+ ưu điểm: Cây dễ sử dụng, Phân bón không bị chuyển thành chất khó tan do |

| | |
|---|---|
| + Bón thúc: Là bón phân trong thời gian sinh trưởng, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.<br>*Căn cứ vào cách bón có:<br>- Bón theo hốc, theo hang, bón vãi, phun lên lá<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày lên bảng<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br><br>***HĐ 2: Tìm hiểu về Cách sử dụng các loại phân bón thông thường: 10'***<br>1.Mục tiêu : Nêu được cách sử dụng các loại phân bón thông thường<br>2.Phương thức: Hđ nhóm<br>3.Sản phẩm: Phiếu học tập<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:** Yêu cầu học sinh đọc y/c bài tập trong SGK sau đó thảo luận nhóm và hoàn thành bài tập<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Phân hữu cơ dùng để bón lót<br>+ Phân đạm, kali và phân hỗn hợp dùng bón thúc<br>+ Phân lân dùng bón lót<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày<br>***Đánh giá kết quả:*** | không tiếp xúc với đất. tiết kiệm phân bón<br>+ Nhược điểm: Có dụng cụ máy móc phức tạp.<br><br>**II.Cách sử dụng các loại phân bón thông thường.**<br><br>- Phân hữu cơ thường dùng để bón lót.<br>- Phân đạm, kali, hỗn hợp, thương dùng để bón thúc, nếu bón lót thì chỉ bón lượng nhỏ<br>- Phân lân thường dùng để bón lót |

| | |
|---|---|
| - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br><br>***HĐ 3: Tìm hiểu về Bảo quản các loại phân bón thông thường: 10'***<br>1.Mục tiêu: Nêu được cách bảo quản các loại phân bón thông thường<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân<br>3.Sản phẩm: trình bày miệng<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV**: Yêu cầu học sinh đọc SGK và trả lời câu hỏi.<br>? Em hãy nêu các cách bảo quản các loại phân bón thông thường<br>**GV**: Vì sao không để lẫn lộn các loại phân với nhau?<br>Vì sao phải dùng bùn ao để phủ kín đống phân ủ?<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Đối với phân hóa học: Đựng trong chum vại đậy kín hoặc gói trong bao nilong, đế nơi cao ráo thoáng mát, không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau<br>+ Đối với phân chuồng có thể bảo quản tại chuồng nuôi hoặc lấy ra ủ thành đống dùng bùn ao trát kín bên ngoài<br>+ Vì khi để lẫn các loại phân với nhau dễ xảy ra các phản ứng hóa học<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày | **<u>III.Bảo quản các loại phân bón thông thường</u>**<br><br>+ Đối với phân hóa học : Đựng trong chum vại đậy kín hoặc gói trong bao nilong, đế nơi cao ráo thoáng mát, không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau<br>+ Đối với phân chuồng có thể bảo quản tại chuồng nuôi hoặc lấy ra ủ thành đống dùng bùn ao trát kín bên ngoài |

| | |
|---|---|
| ***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

C. **Hoạt động luyện tập: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

Câu 1: Thế nào là bón lót và bón thúc?

Câu 2: Phân hữu cơ, phân lân dùng đề bón lót hay bón thúc vì sao?

Câu 3: Phân đạm ,phân kali dùng để bón lót hay bón thúc ? Vì sao?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động vận dụng : 3’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV y/c HS làm bài tập sau

Hãy xác định cách sử dụng của từng loại phân bón cho phù hợp với từng loại cây và ghi vào bảng sau cho phù hợp

| Loại phân<br><br>Loại cây | Lân | Đạm | Kali | Phân chuồng |
|---|---|---|---|---|
| Lúa nước | | | | |
| Khoai lang | | | | |
| Cam | | | | |

Câu 2: Tìm loại phân bón hay cây trồng thích hợp điền vào chỗ chấm

a. Phân .....Cần bón 1 lượng rất nhỏ( vi lượng)
b. Phân..... có thể bón lót và bón thúc cho lúa (phân chuồng)
c. Phân .....cần trộn lẫn với phân hữu cơ để bón lót cho ngô(phân lân)
d. Các loại cây .....cần dùng phân đạm để tưới cho cây thường xuyên(rau)

C3: Ở các hộ chăn nuôi theo mô hình trang trại lượng phân thải của vật nuôi rất nhiều em có biện pháp nào để cải thiện tình hình ô nhiễm ở các khu trang trại

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

C1: Lúa nước dùng được tất cả các loại phân nhưng lưu ý la mỗi loại dùng ở các giai đoạn khác nhau

+ Khoai lang là loại lấy củ nên dùng lân ,kali,phân chuồng

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng : 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự  đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

<u>C1?em tìm hiểu về sản phẩm orangnic. ở đia phương em đã áp dụng cách làm này chưa? Em hãy kể tên những sản phẩm được trồng và chăn nuôi theo mô hình này</u>

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

*** Thực hiện nhiệm vụ**

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Vai trò của giống và phương pháp chọn tạo giống

***Rút kinh nghiệm:**

**Tuần 7**

Ngày soạn : 2/ 10/ .

Ngày dạy : **7A**: 10 / 10/; **7B**: 12 /10/; **7C**: 8/10/

***Tiết 7:*** **Thực hành: nhận biết một số loại phân hoá học thông thường**

**I. Mục tiêu bài học:**

KT: Phân biệt được một số loại phân bón thường dùng.

KN: - Thực hành đúng thao tác trong từng bước của quy trình.

Rèn kỹ năng quan sát, phân tích

TĐ: - Rèn luyện tính chính xác, khoa học trong học tập. Cú ý thức đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Định hướng năng lực: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy.

**II. Chuẩn bị**

- GV: Một số mẫu phân hóa học, ống nghiệm, cồn, than củi, thìa nhỏ, nước sạch, bật lửa

- HS: Một số mẫu phân hóa học

**III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.**

***Kiểm tra 15'**

Câu 1: Thế nào là phân bón?

Câu 2: Thế nào là bón lót, bón thúc? Phân đạm và phân kali được dùng để bón lót hay bón thúc? Vì sao?

**Đáp án và biểu điểm**

**Câu 1: (4 điểm)**

- Phân bón là thức ăn do con người bổ sung cho cây trồng: 2đ

- Trong phân bón có chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng, như:….2đ

**Câu 2: (6 điểm)**

- Khái niệm bón lót: 2đ

- Khái niệm bón thúc: 2đ

- Đạm, kali dùng để bón thúc vì chúng dễ và nhanh chóng hòa tan…: 2đ

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'**

**-** ***Mục tiêu****:* Tạo tâm thế, thu hút sự quan tâm chú ý của học sinh vào bài mới.

**-** ***Nhiệm vụ****:* Trả lời câu hỏi

**-** ***Phương thức thực hiện****:* Tổ chức trò chơi tiếp sức.

**- Sản phẩm**: HS liệt kê các loại phân..

**- Gợi ý tiến trình**: GV chia lớp làm 2 đội. Các đội cử từng bạn lên viết tên một loại phân bón trong trồng trọt, bạn viết xong một tên thì bạn khác trong đội mới được lên viết..

Kết quả: Nhóm nào không phạm quy, liệt kê được nhiều sẽ là đội chiến thắng.

## B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

*Mục tiêu* : HS ôn lại kiến thức và phân biệt được một số loại phân bón thồn thường.

*Nhiệm vụ* : HS trả lời các câu hỏi GV đưa ra, trao đổi thảo luận nhóm

*Phương thức hoạt động* : hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

*Sản phẩm* : Nội dung câu trả lời cá nhân của HS, sản phẩm của nhóm ghi vào phiếu học tập

*Gợi ý tiến trình hoạt động*

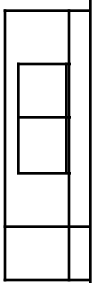
* Hoạt đông 1: Vật liệu và dụng cụ cần thiết: 3’

Yêu cầu: Biết được những vật liệu và dụng cụ cần thiết cho thực hành.

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
|---|---|---|
| _ Yêu cầu 1 học sinh đọc to phần I trang 18 SGK.<br>_ Giáo viên đem dụng cụ thực hành ra và giới thiệu. | _ Một học sinh đọc to phần I.<br>_ Học sinh lắng nghe giáo viên giải thích.<br>. | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết**:<br>_ Mẫu phân hóa học, ống nghiệm.<br>_ Đèn cồn, than củi.<br>_ Kẹp sắt gấp than, thìa nhỏ.<br>_ Diêm, nước sạch. |

* Hoạt động 2: Quy trình thực hành: 7’

Yêu cầu: Nắm vững các bước trong quy trình thực hành.

| | | | |
|---|---|---|---|
|  | | | |
| | | | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** | |

| | | |
|---|---|---|
| _ Yêu cầu học sinh đọc 3 bước phần 1 SGK trang 18.<br>_ Giáo viên làm mẫu cho học sinh xem sau đó yêu cầu các nhóm làm.<br>_ Yêu cầu học sinh xác định nhóm phân hòa tan và không hòa tan.<br><br><br><br>_ Yêu cầu học sinh đọc 2 bước ở mục 2 SGK trang 19.<br>_ Giáo viên làm mẫu. Sau đó yêu cầu các nhóm xác định phân nào là phân đạm và phân nào là phân kali.<br>_ Yêu cầu học sinh đọc to phần 3 trang 19.<br>_ Yêu cầu học sinh xem mẫu và nhận dạng ống nghiệm nào chứa phân lân, ống nghiệm nào chứa vôi.<br>_ Yêu cầu học sinh viết vào tập | _ Một học sinh đọc to 3 bước.<br>_ Học sinh quan sát và tiến hành thực hành.<br>_ Học sinh xác định.<br><br><br><br><br>_ Học sinh đọc to phần 2.<br><br>_ Học sinh quan sát và làm theo.<br><br><br><br><br>_ Một học sinh đọc to thông tin mục 3<br>_ Các nhóm thực hành và xác định.<br>_ Học sinh kẻ bảng và nộp bài thu hoạch cho giáo viên. | **II. Quy trình thực hành Bài 8**<br>1.Phân biệt nhóm phân bón hòa tan và nhóm ít hoặc không hòa tan:<br>_ Bước 1: Lấy một lượng phân bón bằng hạt ngô cho vào ống nghiệm.<br>_ Bước 2: Cho 10- 15 ml nước sạch vào và lắc mạnh trong vòng 1 phút.<br>_ Bước 3: Để lắng 1-2 phút. Quan sát mức độ hòa tan để phân biệt phân<br>2. Phân biệt trong nhóm phân bón hòa tan:<br>_ Bước 1: Đốt cục than củi trên đèn cồn đến khi nóng đỏ.<br>_ Bước 2: Lấy một ít phân bón khô rắc lên cục than củi đã nóng đỏ.<br>+ Nếu có mùi khai: đó là đạm.<br>+ Nếu không có mùi khai đó là phân kali.<br>3. Phân biệt trong nhóm phân bón ít hoặc không hòa tan:<br>Quan sát màu sắc:<br>_ Nếu phân bón có màu nâu, nâu sẫm hoặc trắng xám như ximăng, đó là phân lân.<br>_ Nếu phân bón có màu trắng đó là vôi. |

**C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 10’**

*Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để thực hành.

*Nhiệm vụ* : HS làm bài tập mà Gv giao cho.

*Phương thức hoạt động* : HĐ cá nhân

*Sản phẩm* : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở

*Gợi ý tiến trình hoạt động*

| | | |
|---|---|---|
| 2. Thực hành. | - GV cho HS thực hành xác định mẫu phân bón.<br>** GV theo dõi, uốn nắn ý thức thực hành, quy trình thực hành.* | - HS tiến hành thực hành theo nhóm, ghi kết quả từng loại phân bón theo bảng báo cáo TH của mình đã chuẩn bị. *(mỗi mẫu đặt vào một túi nilon và ghi kết quả)* |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TÌM TÒI MỞ RỘNG KIẾN THỨC: 5’**

*Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để trả lời câu hỏi.

*Nhiệm vụ* : Thực hiện yêu cầu các câu hỏi GV giao cho.

*Phương thức hoạt động* : HĐ nhóm

*Sản phẩm* : Câu trả lời được ghi trên phiếu học tập.

*Gợi ý tiến trình hoạt động*

| | | |
|---|---|---|
| GV nhận xét và đánh giá (cho điểm) kết quả thực hành của một số em theo mục tiêu bài học,thu dọn vật liệu và vệ sinh lớp học,<br>- Yêu cầu HS sưu tầm, hướng dẫn mọi người trong nhà cách phân biệt một số loại phân bón. | - GV yêu cầu HS thu dọn vật liệu và vệ sinh lớp học, vệ sinh cá nhân.<br><br>- HS về nhà làm việc cá nhân. | - HS thực hiện vệ sinh lớp và vệ sinh cá nhân. |

**** Rút kinh nghiệm***

**Tuần 8**

Ngày soạn : 10/ 10/ .

Ngày dạy : **7A**: 17 / 10/; **7B**: 19 /10/; **7C**: 15/10/

## TIẾT 8: VAI TRÒ CỦA GIỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN TẠO GIỐNG CÂY TRỒNG

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức*:**

-Sau khi học xong học sinh cần hiểu được vai trò của giống cây trồng và các phương pháp chọn tạo giống cây trồng.

***2. Kĩ năng*:**

- Rèn kĩ năng quan sát, phân tích.

***3. Thái độ***:

- Có ý thức quý trọng, bảo vệ các gống cây trồng quý hiếm trong sản xuất ở địa phương..

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị :**

**1.GV**: Soạn giáo án

Tranh vẽ minh hoạ: Vai trò của giống cây trồng, phương pháp lai, phương pháp chọn lọc, phương pháp nuôi cấy mô.

Bảng phụ

**2.HS:**

Tìm hiểu vai trò giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp.

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu: Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**- GV nêu vấn đề:**

Kinh nghiệm sản xuất của nhân dân ta đã phản ánh trong câu ca dao

Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"

? Em hãy giải thích ý nghĩa của câu ca dao trên

- HS: Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời

- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

- Dự kiến sản phẩm:

Hs trình bày theo ý hiểu của mình:

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Trong hệ thống các biện pháp kĩ thuật trồng trọt, giống cây trồng chiếm vị trí hàng đầu. Phân bón, thuốc trừ sâu…là những thứ cần thiết nhưng không phải là yếu tố trước tiêncủa hoạt động trồng trọt. Không có giống cây trồng là không có hoạt động trồng trọt. Bài này giúp chúng ta hiểu rõ vai trò của giống cây trồng trong trồng trọt.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| 1.Mục tiêu: Hiểu được vai trò của giống cây trồng lấy ví dụ minh hoạ.<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm: Trình bày miệng<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Treo tranh.yêu cầu học sinh quan sát hình 11: Vai trò của giống cây trồng, sau đó trả lời các câu hỏi sau<br>?Thay giống cũ bằng giống mới năng suất cao có tác dụng gì?<br>? Sử dụng giống mới ngắn ngày có tác dụng gì đến các vụ gieo trồng trong năm?<br>? Sử dụng giống mới ngắn ngày có ảnh hưởng như thế nào đến cơ cấu cây trồng?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Tăng năng suất<br>+ Tăng vụ<br>+ Tăng chất lượng nông sản<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV**: Theo em giống cây trồng có vai trò như thế nào trong trồng trọt? | **I.Vai trò của giống cây trồng tốt:( 10p)**<br><br>- Giống tốt làm tăng năng suất, chất lượng nông sản, tăng vụ,thay đổi cơ cấu cây trồng. |

| | |
|---|---|
| HS trả lời<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br><br>1.Mục tiêu : Nắm được các tiêu chí của giống cây trồng<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm : Trình bày miệng<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Theo em một giống tốt cần đạt tiêu chí nào sau đây?<br>(**Gv** treo bảng phụ lên bảng để cho HS lựa chọn các tiêu chí đúng)<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu, đất đai và trình độ canh tác của địa phương.<br>+Có chất lượng tốt<br>+ Có năng suất cao và ổn định.<br>+ Chống chịu được sâu bệnh.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV**: Giảng giải giống có năng suất cao, năng suất ổn định:năng suất cao được duy trì qua các vụ | **II.Tiêu chí của giống cây tốt.(9p)**<br><br>- Sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu, đất đai và trình độ canh tác của địa phương.<br>- Có chất lượng tốt<br>- Có năng suất cao và ổn định.<br>- Chống chịu được sâu bệnh. |

+Giống có chất lượng tốt là đáp ứng nhu cầu kinh tế và những đặc điểm chất lượng đó ở địa phương chưa có hoặc có ở mức thấp .

***Báo cáo kết quả:***

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

1.Mục tiêu: Biết được các phương pháp chọn tạo giống cây trồng

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm: Trình bày phiếu học tập

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV y/c nghiên cứu nội dụng mục 123 SGK hoàn thành các câu hỏi sau vào phiếu học tập

?Thế nào là phương pháp chọn lọc, phương pháp lai, phương pháp đột biến

| Tên phương pháp | Đặc điểm của các pp |
|---|---|
| Phương pháp chọn lọc | |
| Phươn pháp lai | |
| Phương háp gây đột biến | |

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV theo dõi
- Dự kiến trả lời:

**III.<u>Phương pháp chọn tạo giống cây trồng(15p)</u>**

**1.Phương pháp chọn lọc**

Từ nguồn giống khởi đầu chọn cây có đăc tính tốt thu lấy hạt gieo hạt của cây đã chọn sau đó ss với giống khởi đầu và giống địa phương.Nếu đạt được những tiêu chí của giống cho sản xuất đại trà

**2.Phương pháp lai:**

Lấy phấn hoa của cây làm bố thụ phấn với nhụy cây mẹ gieo trồng ta được cây lai

3.Phương pháp gây đột biến :Sử dụng các tác nhân vật lí hoặc tác nhân hóa học để xử lí các bộ phận của cây dùng bộ phận của cây đã xử li tạo ra những cây đột biến

| | | |
|---|---|---|
| Tên phương pháp | Đặc điểm<br>ủ<br>các pp | chọn những cây đột biến làm giống |
| Phương pháp chọn lọc | Từ nguồn giống khởi đầu chọn cây có đăc tính tốt thu lấy hạt gieo hạt của cây đã chọn sau đó ss với giống khởi đầu và giống địa phương.Nếu đạt được những tiêu chí của giống cho sản xuất đại trà | |
| Phương pháp lai | Lấy phấn hoa của cây làm bố thụ phấn với nhụy cây mẹ gieo trồng ta được cây lai | |
| Phương pháp gây đột biến | Sử dụng các tác nhân vật lí hoặc tác nhân hóa học để xử lí các bộ phận của cây dùng bộ phận của cây đã xử li tạo ra những cây đột biến chọn những cây đột biến làm giống | |
| ***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>GV chốt kiến thức và ghi bảng | | |

C. **Hoạt động luyện tập: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

? Giống cây trồng có vai trò như thế nào trong trồng trọt?

? Thế nào là tạo giống bằng phương pháp chọn lọc?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D.Hoạt động vận dụng : 4'**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV y/c HS làm bài tập sau:

Bài 1: Chọn đúng sai

a. Tăng thêm vụ trong 1 năm là nhờ giống mới ngắn ngày
b. Phải tích cực chăm bón mới tăng thêm vụ trong 1 năm
c. Muốn có chất lượng tốt phải tạo được giống mới
d. Tạo giống mới là biện pháp đưa năng suất cây trồng lên cao
e. Chọn lọc là phương pháp tạo giống mới

Bài 2: Chọn các cụm từ thích hợp vào chỗ chấm

Các cụm từ: Năng suất cao, chất lượng tốt, tăng chất lượng, tăng sản lượng, tăng vụ, năng suất cao và ổn định, chống chịu được sâu bệnh, chọn lọc, lai

+ Giống cây trồng có vai trò lớn trong sản xuất như.....

+ Để đánh giá một giống cây trồng tốt người ta dựa vào.....

+ Bằng các phương pháp ..... người ta đã tạo ra nhiều loại giống cây trồng tốt
+ Lấy hạt của cây tốt trong quần thể đem gieo ở vụ sau và so sánh với giống khởi đầu và giống địa phương là phương pháp .....
+ Lấy hạt nảy mầm đặt trong tia phóng xạ trong điều kiện nhất định rồi đem trồng, chọn lọc là phương pháp.....

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng : 2'**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân
3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở
4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

GV y/c HS vẽ sơ đồ như hình 11c về các giống cây trồng trong 1 năm trên đất trồng của nhà em
Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ
* thực hiện nhiệm vụ
+ Đọc yêu cầu
+ Về nhà suy nghĩ trả lời
- Đọc và xem trước bài 11 SGK sản xuất và bảo quản giống cây trồng.
- Tìm hiểu Sản xuất giống cây trồng bằng hạt được tiến hành theo trình tự nào?

***Rút kinh nghiệm:**

**Tuần 9**

Ngày soạn : 16/ 10/ .
Ngày dạy : **7A**: 24 / 10/; **7B**: 26 /10/; **7C**: 22/10/

# TIẾT 9 : SẢN XUẤT VÀ BẢO QUẢN GIỐNG CÂY TRỒNG

## I. Mục tiêu:

**1. *Kiến thức*:**

- Hiểu được quy trình sản xuất giống cây trồng.
- Biết cách bảo quản hạt, có ý thức bảo quản con giống, cây trồng, nhất là các giống quý đặc sản.

**2. *Kĩ năng*:**

- Rèn kĩ năng phan tích, tổng hợp

**3.*Thái độ:***

- Có ý thức quý trọng, bảo vệ các gống cây trồng quý hiếm trong sản xuất ở địa phương

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

## II.Chuẩn bị :

- GV:

Nghiên cứu SGK,soạn giáo án

Bảng phụ: sơ đồ sản xuất giống cây trồng bằng hạt

- HS:

Tìm hiểu qui trình sản xuất giống cây trồng, cách bảo quản giống cây trồng.

## III. Tiến trình tổ chức các hoạt động học.

### A. Hoạt động khởi động: 5’

1. Mục tiêu: Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu cách sản xuất và bảo quản giống cây trồng
2. Phương thức: Hđ nhóm, HĐ cả lớp
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày vào phiếu học tập
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

Câu hỏi 1**:** Giống cây trồng có vai trò như thế nào trong trồng trọt? Có những tiêu chí nào để đánh giá giống cây trồng tốt?

Câu hỏi 2:Nêu các phương pháp chọn tạo giống cây trồng?

HS tiếp nhận nhiệm vụ

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

- Dự kiến sản phẩm:

Câu 1 :Giống tốt làm tăng năng suất, chất lượng nông sản, tăng vụ,thay đổi cơ cấu cây trồng.

Tiêu chí :

+ Sinh trưởng trong khí hậu đất đai và trình độ canh tác của địa phương

+ Có năng suất cao và ổn định

+ Có chất lượng tốt

+ Chịu được sâu bệnh

Câu 2:Có những phương pháp chọn tạo giống cây trồng :

- Phương pháp chọn lọc
- Phương pháp lai
- Phương pháp gây đột biến

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

****Đặt vấn đề**:* Chúng ta đã biết giống cây trồng là yếu tố quan trọng quyết định năng suất chất lượng nông sản. Muốn có nhiều hạt giống cây trồng tốt phục vụ sản xuất đại trà, chúng ta phải biết qui trình sản xuất giốngvà làm tốt công tác bảo quản giống cây trồng.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

| Hoạt đông của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| Hđ 1: Tìm hiểu về quy trình sản xuất giống cây trồng: 15’<br>1.Mục tiêu: Biết được quy trình sản xuất giống cây trồng<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân, Hđ nhóm<br>3.Sản phẩm: Phiếu học tập<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | **I. Sản xuất giống cây trồng:**<br>**1.Sản xuất giống cây bằng hạt.**<br>- Năm thứ nhất: Gieo hạt giống đã phục tráng, chọn cây tốt. |

| | |
|---|---|
| ? Sản xuất giống cây trồng khác chọn tạo giống như thế nào?<br>**GV**: Treo tranh, hướng dẫn học sinh quan sát sơ đồ sản xuất giống bằng hạt và đặt câu hỏi theo nhóm.<br>**?** Quy trình sản xuất giống cây trồng bằng hạt được tiến hành trong mấy năm?<br>? Công việc năm thứ nhất, năm thứ hai…là gì?<br>? Các ô màu vàng từ số 1- 5 diễn tả điều gì?<br>**GV:** Đến các nhóm hướng dẫn thêm<br>**GV:** Vẽ lại sơ đồ để khắc sâu kiến thức.<br>**GV**: Giải thích hạt giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng.<br>? Em hãy cho biết hạt giống nguyên chủng và hạt giống sản xuất đại trà khác nhau thế nào ?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Chọn tạo giống là tạo ra giống mới còn sản xuất là tăng số lượng của giống và duy trì chất lượng<br>+ Thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi của GV.<br>+ Ô trồng các cá thể con được chọn từ giống đã phục tráng<br>+ Tiêu chuẩn chất lượng hạt giống nguyên chủng cao hơn hạt giống sản xuất đại trà nhưng chất lượng hạn chế<br>***Chuyển giao nhiệm vụ:**<br>**GV**: Cho học sinh quan sát Sơ đồ nhân giống vô tính ở cây trồng.<br>**GV**: Yêu cầu hs qs hình vẽ và ghi vào vở bài tập đặc điểm của các phương pháp giâm cành, chiết cành, ghép mắt. | - Năm thứ hai: hạt cây tốt gieo thành dòng, lấy hạt của dòng tốt nhất hợp thành giống siêu nguyên chủng.<br>- Năm thứ ba: từ giống siêu nguyên chủng nhân thành giống nguyên chủng.<br>-Năm thứ tư: Từ giống nguyên chủng nhân thành giống sản xuất đại trà.<br><br>**2. Sản xuất giống cây trồng bằng phương pháp nhân giống vô tính.**<br><br>- Giâm cành: Từ 1 đoạn cành cắt rời khỏi thân mẹ đem giâm vào cát ẩm sau một thời gian từ cành giâm hình thành rễ.<br>- Ghép mắt: Lấy mắt ghép, ghép vào một cây khác.<br>- Chiết cành:Bóc một khoanh vỏ của cành, sau đó bó đất. |

| | |
|---|---|
| **?** Tại sao khi chiết cành phải dùng nilon bó kín bầu?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ giữ ẩm cho đất bó bầu, hạn chế được sâu bệnh.<br>**GV**: lấy thêm ví dụ nuôi cấy mô: tách lấy mô hoặc tế bào sống của cây, nuôi cấy trong môi trường đặc biệt sau một thời gian hình thành cây mới.<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày lên bảng<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>***Hđ 2: Tìm hiểu về Bảo quản hạt giống cây trồng: 15'***<br>1.Mục tiêu: Nêu được cách bảo quản hạt giống<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân<br>3.Sản phẩm: trình bày miệng<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV**: Giảng giải cho học sinh hiểu nguyên nhân gây ra hao hụt về số lượng, chất lượng hạt giống trong quá trình bảo quản. Do hô hấp của hạt, sâu, mọt, bị chuột ăn… sau đó đưa câu hỏi để học sinh trả lời.<br>? Muốn bảo quản hạt giống tốt phải đảm bảo các điều kiện nào?<br>**?** Tại sao hạt giống đem bảo quản phải khô? | Khi cành đã ra rễ thì cắt khỏi cây mẹ và trồng xuống đất.<br><br>**II. Bảo quản hạt giống cây trồng**<br><br>- Hạt giống bảo quản: Khô, mẩy, không lẫn tạp chất, Không sâu bệnh.<br><br>- Nơi cất giữ phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm. |

| | |
|---|---|
| ? Tại sao hạt giống đem bảo quản phải sạch, không lẫn tạp chất<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Hạt giống phải đạt chuẩn<br>+ Nơi cất giữ phải đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm<br>+ Thường xuyên phải kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày lên bảng<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

## C. **Hoạt động luyện tập: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

Câu 1: Có thể nhân giống bằng những cách nào?

Câu 2: Làm thế nào để có giống hạt tốt, hạt giống có chất lượng?

- Hs tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

****Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

****Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: phiếu học tập .

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra các bài tập

Bài 1: Ghép các số thứ tự từ 1-4 với các câu a- d cho phù hợp

| | |
|---|---|
| 1. Chọn tạo giống | a. Tạo nhiều hạt cây giống |
| 2. Sản xuất giống | b. Dùng chum, vại, túi linong |
| 3. Bảo quản hạt giống | c. Chặt cành từng đoạn nhỏ đem giâm xuống đất |
| 4. Nhân giống vô tính | d. Tạo ra quần thể có đặc điểm khác quần thể ban đầu |

Bài 2: Nhân giống vô tính có theo quy trình như nhân giống bằng hạt không?Vì sao

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Hs trả lời

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- GV nêu câu hỏi củng cố HS suy nghĩ lựa chọn phương án trả lời
- Tìm hiểu thế nào là bệnh cây? dấu hiệu thường gặp ở cây bị sâu?

* RÚT KINH NGHIỆM:

**Tuần 10**

Ngày soạn : 23/ 10/ .

Ngày dạy : **7A**: 31 / 10/; **7B**: 1 /11/; **7C**: 29/10/

## TIẾT 10 : SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh cần:

**1. Kiến thức:**

- Biết được tác hại của sâu bệnh, các dấu hiệu của cây khi bị sâu bệnh phá hoại.
- Hiểu được khái niệm về côn trùng bệnh cây.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức chăm sóc bảo vệ cây trồng thường xuyên để hạn chế tác hại của sâu bệnh

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị :**

- GV: Tranh hình 18, 19. Biến thái hoàn toàn, biến thái không hoàn toàn
  Tranh hình 20. Những dấu hiệu cây bị hại.
- HS: Tìm hiểu tác hại của sâu bệnh...

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động học.**

### A. Hoạt động khởi động: 5’

1. Mục tiêu: Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu cách sản xuất và bảo quản giống cây trồng
2. Phương thức: Hđ nhóm, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày vào phiếu học tập

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

Câu hỏi:Sản xuất giống cây trồng bằng hạt được tiến hành theo trình tự nào?

HS tiếp nhận nhiệm vụ

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS thảo luận nhóm suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

+ Năm thứ nhất: Gieo hạt giống đã phục tráng, chọn cây tốt.

+ Năm thứ hai: hạt cây tốt gieo thành dòng, lấy hạt của dòng tốt nhất hợp thành giống siêu nguyên chủng.

+ Năm thứ ba: từ giống siêu nguyên chủng nhân thành giống nguyên chủng.

+ Năm thứ tư: Từ giống nguyên chủng nhân thành giống sản xuất đại trà.

**** Báo cáo kết quả***

- Các nhóm cử đại diện trình bày.

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**. Đặt vấn đề:*Trong trồng trọt có nhiều nhân tố làm giảm năng suất cây trồng và chất lượng sản phẩm .Trong đó sâu bệnh là nhân tố gây hại cho cây trồng nhiều nhất .Để hạn chế sâu bệnh hại cây trồng ta cần nắm vững đặc điểm của sâu bệnh hại .Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu nội dung này

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **Hđ 1: Tìm hiểu về tác hại của sâu bệnh : 10’**<br>1.Mục tiêu : Biết được tác hại của sâu bệnh<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân, Hđ nhóm<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình | **I.Tác hại của sâu bệnh.** |

| | |
|---|---|
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:** Yêu cầu học sinh đọc TT SGK.<br>**GV:** Cho HS quan sát hình vẽ<br>+Lúa bị vàng lá<br>+Ngô bị châu chấu ăn<br>+Sâu ăn lá<br>**?** Quan sát các hình bị sâu bệnh em hãy cho biết sâu bệnh đã gây hại ntn cho cây trồng?<br><br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cây,giảm năng suất và chất lượng nông sản<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày lên bảng<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**Hđ 2: Tìm hiểu về Khái niệm về côn trùng và bệnh cây: 20'**<br>1.Mục tiêu: Nêu được khái niệm về côn trùng và bệnh cây<br>- Nhận biết được dấu hiệu của cây khi bị sâu, bệnh phá hại<br>2.Phương thức: HĐ cá nhân, nhóm.<br>3.Sản phẩm: trình bày miệng<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ*** | - Sâu bệnh có ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng, phát triển của cây,chậm phát triển, năng suất cây trồng giảm, chất lượng nông sản thấp.<br><br>**II. Khái niệm về côn trùng và bệnh cây**. |

| | |
|---|---|
| **Gv:** Đưa vd như châu chấu,ruồi.Những con vật này người ta gọi là côn trùng<br>**GV**:Cho HS quan sát vật mô phỏng con châu chấu<br>**?** Qua quan sát ta thấy có mấy bộ phận.<br>**?**Vậy thì thế nào là côn trùng ?<br>? Sinh trưởng và phát dục của sâu hại diễn ra ntn?<br>GV :Quá trình như vậy người ta gọi là vòng đời của côn trùng ?Vậy theo em thế nào là vòng đời của côn trùng<br>GV:Giới thiệu :Trong vòng đời của côn trùng trải qua nhiều giai đoạn str và ptr khác nhau có cấu tạo hình thái khac nhau và sự thay đổi cấu tạo và hình thái trong vòng đời người ta gọi là biến thái<br>? Qua quan sát thế nào là biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn<br>Gv cho hs hoạt động nhóm trả lời câu hỏi sau:<br>? Em hãy nêu những điểm giống nhau và khác nhau giữa biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn ?<br>GV:Em hãy kể tên một số côn trùng là sâu hại và một số côn trùng không là sâu hại (thiên địch )<br>? Trong các giai đoạn str và ptr của sâu hại ,gđ nào sâu hại phá hoại mạnh nhất?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ 3phần :Đầu ngực và bụng ,nhực mang 3 đôi chân,2đôi cánh<br>,đầu có một đôi râu | ***1.Khái niệm về côn trùng.***<br><br>- Côn trùng (sâu bọ) là lớp động vật chân khớp, cơ thể chia làm 3 phần: đầu, ngực, bụng.Ngực mang 3đôi chân và thường có 2 đôi cánh ,đầu có 1 đôi râu<br><br>-Khoảng thời gian từ gđ trứng đến côn trùng trưởng thành và lại đẻ trứng được gọi là vòng đời<br><br>-Trong vòng đời của côn trùng trải qua nhiều giai đoạn str và ptr khác nhau có cấu tạo hình thái khác nhau.Sự thay đổi hình thái cấu tạo của côn trùng trong vòng đời gọi là biến thái gồm 2 kiểu biến thái ,biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn<br><br>*Chú ý :<br>-côn trùng có thể có lợi hoặc có hại<br>+Côn trùng gây hại có kiểu biến thái hoàn toàn ở giai đoạn sâu non phá hại mạnh nhất<br>+Côn trùng gây hại có kiểu biến thái không hoàn toàn ở giai đoạn sâu trưởng thành chúng phá hoại mạnh nhất |

| | |
|---|---|
| + Khoảng thời gian từ gđ trứng đến côn trùng trưởng thành và lại đẻ trứng được gọi là vòng đời<br>+ Côn trùng có hại: Châu chấu ,bọ xít,sâu bướm. Côn trùng không hại: Ong vàng ,họ bọ rùa ,bọ ngựa<br>+ Sâu non<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:**Y/C hs quan sát 1 số loại cây trồng bị bệnh<br>?Thế nào là bệnh cây<br>?Những nguyên nhân nào gây nên.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>- Bệnh của cây là trạng thái không bình thường về chức năng, sinh lí, cấu tạo... của cây dưới tác động của vi sinh vật gây bệnh và điều kiện sống không thuận lợi.<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:** Yêu cầu học sinh quan sát hình 20 thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:<br>**?** Em hãy cho biết hình nào bị sâu phá hại hình nào bị bệnh ?Nguyên nhân gây bệnh ?<br>?Cây bị sâu khác cây bị bệnh ntn?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Sâu phá từng bộ phận ,bệnh rối loạn chức năng sinh lí của cây<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày lên bảng | ***2.Khái niệm về bệnh cây.***<br>- Bệnh của cây là trạng thái không bình thường về chức năng, sinh lí, cấu tạo... của cây dưới tác động của vi sinh vật gây bệnh và điều kiện sống không thuận lợi.<br>***3.Một số dấu hiệu khi cây trồng bị sâu bệnh phá hại.***<br>- Khi bị sâu bệnh phá hại cây trồng thường thay đổi.<br>+ Cấu tạo, hình thái: Biến dạng lá, quả, gãy cành, thối củ, thân cành sần sùi...<br>+ Màu sắc: Trên lá, quả, có đốm đen, nâu vàng... |

| | |
|---|---|
| ***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | +Trạng thái: Cây bị héo rũ... |

## C. **Hoạt động luyện tập: 5’**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

+ Sâu bệnh có tác hại như thế nào đối với cây trồng?

+ Côn trùng là loại sinh vật có lợi hay hại đối với cây trồng?

+ Cây bị bệnh có biểu hiện ntn?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cặp đôi.

3.Sản phẩm: phiếu học tập của cặp đôi.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu các bài tập

Bài 1: Chọn dáp án đúng

1. Sâu phá hoại mạnh nhất ở giai đoạn nào
   a. Nhộng
   b. Sâu non
   c. Trứng
   d. Sâu trưởng thành
2. Bộ phận của cây bị thối do nguyên nhân:
   a. Nhiệt độ cao
   b. Vi rút
   c. Nấm
   d. Vi khuẩn

Bài 2: Sửa lại các ý sau bằng cách viết thêm tử mới cần thay hay thêm vào ô ở câu tương ứng

1. Sâu hại có 3 kiểu biến thái
2. Côn trùng có mấy đôi chân
3. Bệnh cây là trạng thái bình thường của cây do vi sinh vật hay điều kiện sống bất lợi gây nên
4. Bệnh xoắn lá cà chua là do nấm gây nên

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Hs trả lời

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Đọc và xem trước bài 13 SGK cách phòng trị sâu bệnh hại, nguyên tắc phòng trừ, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh ở địa phương.

*** <u>Rút kinh nghiệm:</u>**

**Tuần 11**

Ngày soạn : 30/ 10/ .

Ngày dạy : **7A**: 7 / 11/; **7B**: 9 /11/; **7C**: 5/11/

**Tiết 11: Phòng trừ sâu, bệnh hại.**

**<u>I. Mục tiêu:</u>**

***1. Kiến thức*:**

- Hiểu được những nguyên tắc và biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.
- Biết vận dụng những biện pháp đã học vào việc phòng trừ sâu bệnh tại vườn trường hay ở gia đình.

***2. Kĩ năng*:**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.

***3.Thái độ*:**

- Có ý thức chăm sóc bảo vệ cây trồng thường xuyên để hạn chế tác hại của sâu bệnh

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**III.Chuẩn bị :**

- GV: Tranh vẽ: Các biện pháp thủ công (bẫy đèn), cách sử dụng thuốc hoá học trừ sâu bệnh.
- HS: Tìm hiểu các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại ở địa phương.

**III. Tổ chức hoạt động dạy học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu: Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng.
2. Phương thức: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**- GV nêu vấn đề:** Em hãy nêu tác hại của sâu bệnh hại cây trồng?

- HS: Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

Hs trình bày theo ý hiểu của mình: Sâu bệnh có ảnh hưởng sấu đến sự sinh trưởng, phát triển của cây,chậm phát triển, năng suất cây trồng giảm, chất lượng nông sản thấp.

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Hàng năm ở nước ta sâu bệnh đã làm thiệt hại tới 10 – 12% sản lượng thu hoạch nông sản. Nhiều nơi sản lượng thu hoạch được rất ít hoặc mất trắn. Do đó việc phòng trừ sâu bệnh hại phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời.vậy làm thế nào để khắc phục tình trạng đó chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay

**B. Hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***Hđ 1: Tìm hiểu về nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại.: 10'***<br>1.Mục tiêu: Nêu được nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>+Phòng trừ sâu bệnh hại phải đảm bảo những nguyên tắc nào?<br>+Tại sao lấy nguyên tắc phòng là chính để phòng trừ sâu bệnh hại?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+Phòng là chính, trừ sớm, kịp thời, nhanh chóng….<br>+ ít tốn công, cây sinh trưởng tốt, sâu bệnh ít giá thành thấp.<br>***Báo cáo kết quả:*** | **I.Nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh hại.**<br><br><br><

| | |
|---|---|
| - Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>***Hđ 2: Tìm hiểu về các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại:; 20'***<br>1. Mục tiêu: Hiểu được những nguyên tắc và biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.<br>- Biết vận dụng những biện pháp đã học vào việc phòng trừ sâu bệnh tại vườn trường hay ở gia đình.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm theo bàn, hđ cá nhân.<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận lựa chọn nội dung đúng về các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại<br>Yêu cầu hs thảo luận nhóm, ghi vào vở bài tập tác dụng phòng trừ sâu, bệnh hại của biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh theo bảng(sgk)<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm: - Vi sinh – Làm đất- Trừ mầm mống sâu bệnh nơi ẩn nấp.<br>- Gieo trồng…- tránh thời kỳ sâu bệnh phát sinh. | **II. Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.**<br>***1.Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh hại.***<br>- Vi sinh – Làm đất- Trừ mầm mống sâu bệnh nơi ẩn nấp.<br>- Gieo trồng…- tránh thời kỳ sâu bệnh phát sinh.<br>- Luân phiên- thay đổi thức ăn điều kiện sống của sâu. |

| | |
|---|---|
| - Luân phiên- thay đổi thức ăn điều kiện sống của sâu.<br><br>- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện.<br>- Nhược điểm: Tốn công.<br><br>- Ưu điểm: diệt sâu bệnh nhanh<br>- Nhược điểm: Dễ gây ngộ độc cho người, cây trồng, vật nuôi... ô nhiễm môi trường, giết chết các sinh vật khác.<br><br>- Sử dụng một số sinh vật để diệt sâu hại.<br><br>- Kiểm tra, xử lí nông sản khi xuất, nhập khẩu từ vùng này sang vùng khác, ngăn chặn sự lây lan của sâu bệnh hại nguy hiểm.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>G: Chốt kiến thức và ghi bảng( chiếu kết quả) | ***2.Biện pháp thủ công.***<br><br>- Ưu điểm: Đơn giản, dễ thực hiện.<br>- Nhược điểm: Tốn công.<br>***3.Biện pháp hoá học.***<br>- Ưu điểm: diệt sâu bệnh nhanh<br>- Nhược điểm: Dễ gây ngộ độc cho người, cây trồng, vật nuôi... ô nhiễm môi trường, giết chết các sinh vật khác.<br>***4. Biện pháp sinh học:***<br>- Sử dụng một số sinh vật để diệt sâu hại.<br>***5.Biện pháp kiểm dịch thực vật.***<br>- Kiểm tra, xử lí nông sản khi xuất, nhập khẩu từ vùng này sang vùng khác, ngăn chặn sự lây lan của sâu bệnh hại nguy hiểm. |

## C. Hoạt động luyện tập: 5‘

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

**GV**: Gọi 1-2 học sinh đọc phần ghi nhớ SGK

- Hệ thống lại các nội dung bài học về cách phòng trừ sâu bệnh hại và nêu câu hỏi

Câu 1: Em hãy nêu những nguyên tắc trong phòng trừ sâu bệnh hại

Câu 2: Hãy nêu các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại .Ưu nhược điểm của từng biện pháp

Câu 3: Ở địa phương em đã thực hiện biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại bằng biện pháp nào?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm: phiếu học tập.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu1: Vì sao sử dụng biện pháp canh tác lại được coi là biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại

Câu 2: Vì sao dùng biện pháp sinh học lại có hiệu quả cao và không ô nhiễm môi trường

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm: Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Sưu tầm một số nhãn hiệu thuốc trừ sâu bệnh hại cây trồng thường dùng hiện nay. Hỏi cha mẹ hoặc người xung quanh về các kí hiệu trên nhãn thuốc

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản
- Tìm hiểu cách thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản ở địa phương

*** Rút kinh nghiệm**

**Tuần 12**

Ngày soạn : 6/ 11/ .

Ngày dạy : **7A**: 14 / 11/; **7B**: 16 /11/; **7C**: 12/11/

**Thực hành**

# NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI THUỐC VÀ NHÃN HIỆU CỦA THUỐC TRỪ SÂU, BỆNHHẠI

## I. MỤC TIÊU:

### 1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức sử dụng thuốc hoá học để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng .

2. **Kỹ năng**:

- Nhận biết được độ độc của thuốc qua kí hiệu, biểu thị trên nhãn hiệu thuốc trên bao bì.
- Nhận biết được tên thuốc, hàm lượng chất độc và dạng thuốc qua kí hiệu ghi ở nhãn trên bao bì
- Phát triển kỹ năng phân tích, quan sát và trao đổi nhóm.

### 3. Thái độ:

- Có ý thức bảo đảm an toàn khi sử dụng và bảo vệ môi trường.

### 4. Năng lực :

- Năng lực tự học, năng lực tự nghiên cứu, năng lực ngôn ngữ, hợp tác

## II. CHUẨN BỊ :

### 1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch bài học
- Các mẫu thuốc trừ sâu, bệnh ở dạng hạt, bột hoà tan trong nước, bột thấm nước, sữa.
- Tranh vẽ về độ độc của thuốc và nhãn hiệu của thuốc.

- Nhãn của dạng thuốc thuộc 3 nhóm độc (ít nhất là 7 loại khác nhau) được đánh số từ 1-> 7

**2. Chuẩn bị của Hs:**

- Sưu tầm 1 số nhãn, vỏ gói thuốc, chai thuốc trừ sâu.
- 2 xô nước sạch 10 lít ,2 khăn lau tay.
- Chuẩn bị báo cáo thực hành theo nhóm chấm lấy điểm 15 phút

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu một số loại thuốc trừ sâu, bệnh hại.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu:

+ Nêu những nguyên tắc trong phòng trừ sâu bệnh.

+ Sử dụng thuốc hóa học trừ sâu bệnh bằng cách nào? Cần đảm bảo các yêu cầu gì?

- HS Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của Hs

**** Báo cáo kết quả***

Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Để giúp các em có được kỹ năng nhận biết đc các dạng thuốc và đọc đc nhãn hiệu của thuốc  cta cùng làm bài TH

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh, phân nhóm Th, nhóm trưởng nhận dụng cụ TH...

**B. Hoạt động hình thành kĩ năng, luyện tập**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| 1. Mục tiêu: Nhận biết đc nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại<br>2. Phương thức thực hiện: Hđ cả lớp<br>3. Sản phẩm hoạt động: phân biệt đc độ độc, tên thuốc<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu:<br>+ Tập nhận biết đặc điểm của thuốc qua các chỉ tiêu nêu trong nhãn<br>+ Nhận biết thuốc qua: Dạng thuốc, màu sắc, khả năng hòa tan trong nước<br>- GV: Hướng dẫn HS đọc các chỉ tiêu nêu trong nhãn: **Tên thuốc, nhóm độc, dạng thuốc, khả năng hòa tan trong nước, tỉ lệ hoạt chất, phụ gia, công dụng, địa chỉ sx**<br>Gv đọc mẫu 1 nhãn theo 7 chỉ tiêu trên, sau đó cho Hs tự đọc nhãn khác theo các chỉ tiêu đã nêu<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: lắng nghe<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Hs đọc thử<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: Tiên hành quan sát, trao đổi nhóm | **I. HD thực hành: 10'**<br>1. Nhận biết nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại.<br>* Phân biệt độ độc<br>* Tên thuốc<br>Có 7 chỉ tiêu cần đọc: Tên thuốc, nhóm độc, dạng thuốc, khả năng hòa tan trong nước, tỉ lệ hoạt chất, phụ gia, công dụng, địa chỉ sx<br>2. Quan sát 1 số dạng thuốc ( ko dạy)<br><br>**II. Thực hành: 22'** |

| | |
|---|---|
| + Nhận biết và giải thích các kí hiệu ghi trên nhãn thuốc<br>+ Phân biệt các mẫu thuốc<br>- HS tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: TH theo nhóm đã phân công.<br>- GV theo dõi kỹ thuật thực hiện của HS và nhắc nhở, giúp đỡ.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs báo cáo kết quả hđ của nhóm mình.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>+ nhận xét kỹ năng thực hiện.<br>+ Kết quả thực hiện của từng nhóm.<br>+ Cho điểm nhóm hay cá nhân tuỳ GV.<br>- GV bổ sung nếu HS còn sai sót, nhắc nhở vệ sinh môi trường | Thực hành theo nhóm. |

## C. Hoạt động vận dụng: 5’

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động : Câu trả lời của Hs
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu

- Hãy giải thích và tuyên truyền và giải thích cho mọi người áp dụng đúng cách và tuân thủ các nguyên tắc khi sử dụng thuốc hóa học để phòng trừ sâu bệnh.

- Tham gia các hoạt động phòng trừ sâu bệnh hại ở gia đình, nhà trường và địa phương.

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân tại gđ, đp
- GV theo dõi

***Báo cáo kết quả:***

Hs báo cáo ở tiết học sau

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3'**

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2. Phương thức thực hiện: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân
3. Sản phẩm hoạt động : Câu trả lời của Hs vào vở
4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

+ Tập nhận xét qua nhãn và thuốc ở gia đình hiện có.
+ Hỏi gia đình về cách sử dụng một số loại thuốc và ghi vào vở bài tập.

- Học sinh tiếp nhận

*thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu
+ Về nhà suy nghĩ trả lời
    - Tự nghiên cứu lại bài theo nội dung SGK
    - Liên hệ bài học với thực tế.
    - Ôn tập từ bài 1 tới bài 14 chuẩn bị tốt cho tiết sau ôn tập.

***Rút kinh nghiệm***

**Tuần 13**

Ngày soạn : 13/ 11/ .

Ngày dạy : **7A**: 21 / 11/; **7B**: 23 /11/; **7C**: 19/11/

**TIẾT 13: ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu:**

**1.*Kiến thức*:** Thông qua giờ ôn tập nhằm giúp học sinh củng cố và khắc sâu những kiến thức đã học.

- Hiểu được tác dụng của các phương thức canh tác này.

**2. *Kỹ năng:***

-Rèn kĩ năng vận dụng thực tế vào sản xuất

**3.*Thái độ*:**

-Có ý thức lao động, có kỹ thuật tinh thần chịu khó, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị :**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung SGK, bảng tóm tắt nội dung phần trồng trọt, hệ thống câu hỏi và đáp án ôn tập.
- HS: Đọc câu hỏi SGK chuẩn bị ôn tập.

**III. Tổ chức các hoạt động học:**

A. ***Hoạt động khởi động: 5'***

1. Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm: Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

?Ở gia đình em đã sử dụng thuốc trừ sâu cho những loại cây trồng nào? Thực hiện việc đảm bảo an toàn như thế nào?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

-Sử dụng cho một số loại cây trồng như : Lúa, ngô,.....

- Thực hiện công việc đảm bảo vệ sinh môi trường như : thu hoạch sau khi phun khoảng 15 ngày . Khi phun xong bao bì đựng thuốc phải để đúng nơi quy định

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

B. **Hoạt động hình thành kiến thức**: 35’

| **Hoạt động của GV** | **Nội dung** |
|---|---|
| **GV hệ thống lại kiến thức**<br>*1. Mục tiêu*: Hs hệ thống lại được kiến thức chương<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát hình 44 trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>**Nhóm 1**<br><u>Câu 1:</u> Nêu vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt?<br><br><br><br><br><br><u>Câu 2</u>: Đất trồng là gì? Vì sao phải sử dụng đất hợp lí?<br><u>Câu 3:</u> Độ phì nhiêu của đất là gì?<br>**Nhóm 2:**<br><u>Câu 4:</u> Bón phân vào đất có tác dụng gì? | **<u>Câu1</u>**<br>- Vai trò của trồng trọt gồm 4 vai trò<br>+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.<br>+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi<br>+ Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản.<br>+ Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu<br>- Nhiệm vụ:(4 nv)<br>**<u>Câu 2</u>** .<br>- Đất trồng: Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.<br>- Phải sử dụng đất hợp lí vì: nước ta có tỉ lệ tăng dân số cao, nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng, trong khi đó diện tích đất trồng có hạn, vì vậy phải biết cách sử dụng đất một cách hợp lí cã hiệu quả.<br>**<u>Câu 3:</u>** Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, ô xi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đảm bảo năng suất cao đồng thời không chứa các chất có hại cho cây. |

| | |
|---|---|
| Câu 5: Thế nào là bón lót, bón thúc?<br>Câu 6: Nêu vai trò của giống và phương pháp chọn tạo giống? Điều kiện cần thiết để bảo quản tốt hạt giống?<br><br>**Nhóm 3**<br>Câu 7: Nêu những phương pháp chọn tạo giống cây trồng?<br>Câu 8: Thế nào là giâm cành, chiết cành, ghép mắt?<br>Câu 9. Tại sao lấy nguyên tắc phòng là chính để phòng trừ sâu, bệnh hại? Hãy nêu rõ các nguyên tắc đó?<br>Câu 10 Trình bày khái niệm về sâu bệnh hại cây trồng và các biện pháp phòng trừ?<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>-GV quan sát, giúp đỡ các nhóm còn chậm.<br>Dự kiến trả lời:<br>**Câu1**<br>- Vai trò của trồng trọt gồm 4 vai trò<br>+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.<br>+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi<br>+ Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản.<br>+ Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu<br>- Nhiệm vụ:(4 nv)<br>**Câu 2** . | **Câu 4:** Bón phân vào đất làm tăng độ phì nhiêu của đất, làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.<br>**Câu 5:** Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay sau khi nó mới mọc, mới bén rễ.<br>- Bón thúc là bón phân trobg thời gian sinh trưởng của cây. Bón thúc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển tốt.<br>**Câu 6.** Vai trò của giống cây trồng làm tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, tăng vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng.<br>- Giống cây trồng có thể nhân giống bằng hạt vô tính.<br>- Có hạt giống tốt phải biết bảo quản trong chum, vại bao túi kín hoặc trong các kho lạnh.<br>**Câu 7**. Phương pháp chọn tạo giống: Chọn lọc, lai, gây đột biến.<br>**Câu 8:** Giâm cành: Từ 1 đoạn cành cắt rời khỏi thân mẹ đem giâm vào cát ẩm sau một thời gian từ cành giâm hình thành rễ.<br>- Ghép mắt: Lấy mắt ghép, ghép vào một cây khác.<br>- Chiết cành:Bóc một khoanh vỏ của cành, sau đó bó đất. Khi cành đã ra rễ thì cắt khỏi cây mẹvà trồng xuống đất. |

- Đất trồng: Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.
- Phải sử dụng đất hợp lí vì: nước ta có tỉ lệ tăng dân số cao, nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng, trong khi đó diện tích đất trồng có hạn, vì vậy phải biết cách sử dụng đất một cách hợp lí cã hiệu quả.

**Câu 3:** Độ phì nhiêu của đất là khả năng của đất cung cấp đủ nước, ô xi và chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng đảm bảo năng suất cao đồng thời không chứa các chất có hại cho cây.

**Câu 4:** Bón phân vào đất làm tăng độ phì nhiêu của đất, làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.

**Câu 5:** Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay sau khi nó mới mọc, mới bén rễ.
- Bón thúc là bón phân trobg thời gian sinh trưởng của cây. Bón thúc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển tốt.

**Câu 6.** Vai trò của giống cây trồng làm tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, tăng vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng.
- Giống cây trồng có thể nhân giống bằng hạt vô tính.
- Có hạt giống tốt phải biết bảo quản trong chum, vại bao túi kín hoặc trong các kho lạnh.

**Câu 9.**

Nguyên tắc phòng là chính ít tốn công, cây sinh trưởng tốt, sâu bệnh ít, giá thành thấp.

Nguyên tắc: Phòng là chính,trừ sớm kịp thời, nhanh chóng, triệt để, sử dụng tổng hợp các biện pháp pjòng trừ.

**Câu 10** Khái niệm về sâu bệnh hại côn trùng là lớp động vật thuộc ngành động vật chân khớp.
- Bệnh hại là chức năng không bình thường về sinh lý…
- Các biện pháp phòng trừ: Thủ công, hoá học, sinh học.
- Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh tốn ít công, dễ thực hiện, chi phí ít vì canh tác có thể tránh được những kỳ sâu bệnh phát triển cây phù hợp với điều kiện sống, chống sâu, bệnh hại.
- Tác dụng của các biện pháp làm đất, xáo chộn đất, làm nhỏ đất, thu gom, vùi lấp cỏ dại, dễ chăm sóc.
- Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh

| | |
|---|---|
| **Câu 7**. Phương pháp chọn tạo giống: Chọn lọc, lai, gây đột biến.<br>**Câu 8:** Giâm cành: Từ 1 đoạn cành cắt rời khỏi thân mẹ đem giâm vào cát ẩm sau một thời gian từ cành giâm hình thành rễ.<br>- Ghép mắt: Lấy mắt ghép, ghép vào một cây khác.<br>- Chiết cành:Bóc một khoanh vỏ của cành, sau đó bó đất. Khi cành đã ra rễ thì cắt khỏi cây mẹvà trồng xuống đất.<br>**Câu 9.**<br>Nguyên tắc phòng là chính ít tốn công, cây sinh trưởng tốt, sâu bệnh ít, giá thành thấp.<br>Nguyên tắc: Phòng là chính,trừ sớm kịp thời, nhanh chóng, triệt để, sử dụng tổng hợp các biện pháp pjòng trừ.<br>**Câu 10** Khái niệm về sâu bệnh hại côn trùng là lớp động vật thuộc ngành động vật chân khớp.<br>- Bệnh hại là chức năng không bình thường về sinh lý…<br>- Các biện pháp phòng trừ: Thủ công, hoá học, sinh học.<br>- Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh tốn ít công, dễ thực hiện, chi phí ít vì canh tác có thể tránh được những kỳ sâu bệnh phát triển cây phù hợp với điều kiện sống, chống sâu, bệnh hại.<br>- Tác dụng của các biện pháp làm đất, xáo chộn đất, làm nhỏ đất, thu gom, vùi lấp cỏ dại, dễ chăm sóc. | |

| | |
|---|---|
| - Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh | |

C. **Vận dụng và tìm tòi mở rộng : 5’**

*1. Mục tiêu*: củng cố, vận dụng, tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về Kí thuật trồng trọt

*2. Phương thức*: Cá nhân hệ thống kiến thức, tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân, vận dụng kiến thức.

*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân.

*4. Kiểm tra đánh giá*:

+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.

+ GV đánh giá vào tiết học sau.

*5. Tiến trình hoạt động*:

**** Chuyển giao nhiệm vụ:***

***Gv nêu câu hỏi***

?Theo em khi trồng cây ta sử dụng phân hữu cơ hay phân hoa học tại sao?

?Em hiểu như thế nào về thực phẩm sạch

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

****Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**** Báo cáo kết quả:***

+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

****Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

****Dặn dò*** - Về nhà ôn tập kĩ, chuẩn bị giấy kiểm tra tiết sau kiểm tra 45/

**.Rút kinh nghiệm:**

Tuần 14

Ngày soạn : 20/ 11/ .

Ngày dạy : **7A**: 28 / 11/; **7B**: 30 /11/; **7C**: 26/11/

## TIẾT 14: KIỂM TRA

### I. Mục tiêu:

1. *Về kiến thức :*

- Củng cố và khắc sâu những kiến thức cơ bản chương I, II .

2. *Về kĩ năng* :

- Rèn phương pháp học bài và làm bài.

- HS điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức, trách nhiệm trong học tập, động cơ học tập tốt.

- GV đánh giá kết quả học tập chung cả lớp, cũng nh cá nhân HS, đồng thời điều chỉnh phương pháp daysao cho phù hợp với mức độ nhận thức của học sinh.

3. *Về thái độ* :

Rèn tính cẩn thận, trung thực.

### II.Chuẩn bị của thầy và trò:

1. GV: Đề kiểm tra và đáp án cho bài kiểm tra

2. HS: ôn tập chương I chuẩn bị tốt cho giờ kiểm tra

### III. Tổ chức các hoạt động học:

1. ổn định tổ chức

2.Kiểm tra bài cũ: Không KT

3. Bài kiểm tra:

**Ma trận Đề kiểm tra : Trắc nghiệm và tự luận**

| Cấp độ tư duy / Chủ đề ( nội dung) | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thấp | cao | |
| | TN | TL | TN | TL | | | |
| Chủ đề 1 : Vai trũ của ngành trồng trọt | Nhận biết được Vai trũ của ngành trồng trọt | | | | | | |
| Số câu | 1 | | | | | | 1 |
| Số điểm | **0.5đ** | | | | | | 0.5đ |
| Tỷ lệ % | 5% | | | | | | 5% |
| Chủ đề 2 : Khái niệm về đất trồng và thành phần của đất trồng | | | | - Nêu được thành phần, vai trò của từng thành phần đối với cây trồng | | | |
| Số câu | | | | 1 | | | 1 |
| Số điểm | | | | **2đ** | | | 2đ |
| Tỷ lệ % | | | | 20% | | | 20% |
| Chủ đề 3 : Cách sử dụng và bảo quản các loại phân bón thông thường | - Biết được tác dụng của các loại phân bón | | | | - Nêu và giải thích được cách sử dụng các loại phân bón thông thường | | |
| Số câu | 1 | | | | 1 | | 2 |
| Số điểm | **1đ** | | | | **3 đ** | | 4đ |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tỷ lệ % | 10% | | | | 30% | | 40% |
| Chủ đề 4: Sâu bệnh hại cây trồng | - Nhận biết dấu hiệu của cây bị sâu bệnh | | | Tác hại của thuốc hoá học | | | |
| Số câu | 1 | | | 1 | | | 2 |
| Số điểm | **0.5đ** | | | 3đ | | | 3.5 |
| Tỉ lệ | 5% | | | 30% | | | 35% |
| Tổng số câu | 3 | | | 1 | 1 | 1 | 6 |
| Tổng số điểm | 2 đ | | | 5đ | 3 đ | 1 đ | **10** |
| Tỷ lệ % | 20% | | | 50% | 30% | 10% | **100%** |

## Đề kiểm tra

**I.Phần trắc nghiệm:( 2 điểm )**

**Câu 1**: ***Khoanh tròn vào ý mà em cho là đúng: ( 0.5 điểm )***

***Nghành trồng trọt nước ta có vai trò:***

a. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
b. Cung cấp phân bón cho nghành nông nghiệp
c. Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
d. Cung cấp tôm cá cho người sử sử dụng

**Câu 2**: ***Hãy điền các cụm từ "bón lót, bón thúc" để hoàn thành mệnh đề sau( 1 điểm )***

a. Phân hữu cơ, phân lân chủ yếu dùng để.....
b. Phân đạm, kali chủ yếu dùng để.....

**Câu 3**: ***Khoanh tròn vào đáp án đúng: ( 0.5 điểm )***

***Biểu hiện của cây bị sâu là:***

a. Cành bị gẫy
b. Củ bị thối
c. Lá, quả bị đốm đen
d. Lá bị thủng
e. Thân , cành bị sần sùi
f. Quả bị chẩy nhựa

**II. Phần tự luận: ( 8 điểm )**

Câu 1 (2đ) : Đất trồng gồm những thành phần nào, vai trò của từng thành phần đối với cây trồng ?

Câu 3 ( 3 đ) : Phân hữu cơ, phân lân và phân đạm, phân kali thường dùng để bón lót hay bón thúc? Vì sao?

Câu 4 (3đ): Hãy nêu tác hại của thuốc hóa học trừ sâu, bệnh đối với môi trờng, con ngời và các sinh vật khác? Theo em khi nào thì nên dùng biện pháp hóa học ?

**Đáp án**

**I.Phần trắc nghiệm:( 3 điểm )**

**Câu 1**: ***Khoanh tròn vào ý mà em cho là đúng: ( 0.5 điểm )***

ý đúng là: a – c

**Câu 2**: ***Hãy điền các cụm từ "bón lót, bón thúc" để hoàn thành mệnh đề sau: ( 1 điểm )***

c. Phân hữu cơ, phân lân chủ yếu dùng để... ***bón lót***.....

d. Phân đạm, kali chủ yếu dùng để..... ***bón thúc***.....

**Câu 3**: ***Khoanh tròn vào đáp án đúng: ( 0.5 điểm )***

***Biểu hiện của cây bị sâu là:***

ý đúng là: c – d - f

**II. Phần tự luận: ( 8 điểm )**

**Câu 1 ( 2 đ)** :

- Đất trồng gồm 3 thành phần :
- Phần khí : gồm các khí nitơ, ôxi, cacbonic ***(0.25đ).*** Phần khí cung cấp ôxi cho cây hô hấp ***(0.25đ)***
- Phần rắn bao gồm :

+ Thành phần vô cơ : ( chiếm 92 - 98% khối lượng phần rắn ) : chứa các chất dinh dưỡng như nitơ, photpho, kali. ***( 0.25đ)***

+ Thành phần hữu cơ : bao gồm các sinh vật sống, xác sinh vật đã chết phân huỷ tạo thành các chất hữu cơ đơn giản và chất khoáng. (**0.25đ)**

+ Phần rắn cung cấp chất dinh dưỡng cho cây ***(0.5đ)***

- Phần lỏng : là nước trong đất. Phần lỏng cung cấp nước cho cây và có tác dụng hoà tan các chất dinh dưỡng ***(0.5đ)***

**Câu 2 ( 3đ)** :

- Phân hữu cơ, phân lân thường dùng để bón lót.***(0.5đ)*** Vì Thành phần có nhiều chất dinh dưỡng. Các chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ, phân lân thường ở dạng khó tiêu ( không hoà tan), cây không sử dụng được ngay, phải có thời gian để phân phân huỷ thành các chất hoà tan cây mới sử dụng được. ***(1đ)***

- Phân đạm, kali thường dùng để bón thúc. ***(0.5đ)*** Vì phân đạm, kali có tỉ lệ dinh dưỡng cao, dễ hoà tan nên cây sử dụng được ngay. ***(1đ)***

**Câu 4: (3 điểm)**

-Tác hại của thuốc hóa học :

-Đối với môi trờng : Gây ô nhiễm môi trờng (nước, đất, không khí) (0,5 đ)
-Đối với con ngời : ảnh hởng tiêu cực đến sức khỏe con ngời. (0,5 đ)
-Đối với các sinh vật khác : Gây chết hàng loạt các sinh vật khác như tôm, cá, các loài thiên địch,.. (1 đ)
-Theo em biện pháp hóa học cần hạn chế, dùng biện pháp hóa học khi sâu bệnh phát triển tràn lan mà các biện pháp khác không thể ngăn chặn đợc nữa (1 điểm)

**4. Nhận xét giờ kiểm tra:**

- GV: Thu bài kiểm tra và nhận xét giờ.

**5. Hướng dẫn về nhà.**

+ Yêu cầu HS về nhà học lại kiến thức phần I
+ Đọc trớc bài 22 chuẩn bị bài mới.

***Rút kinh nghiệm.***

Tuần 15
Ngày soạn : 27/ 11/ .
Ngày dạy : **7A**: / 12/; **7B**: /12/; **7C**: /12/

## Tiết 15:Làm đất và bón phân lót

**I. Mục tiêu :** Sau khi học xong bài này học sinh cần:

***1. Kiến thức***:

- Hiểu được mục đích của việc làm đất trong sản xuất trồng trọt nói chung và công việc làm đất cụ thể.
- Biết đượ quy trình và yêu cầu của kĩ thuật làm đất
- Hiểu được mục đích và cách bón phân lót cho cây trồng.

***2.Kĩ năng***:

- Nắm được các yêu cầu kỹ thuật của việc gieo trồng và các phương pháp gieo hạt trồng cây non.
- Biết được quy trình và yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất, mục đích và cách bón phân lót cho cây trồng

***3.Thái độ:***

**-** Ý thức bảo vệ môi trường

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị :**

- GV: Tranh vẽ : Các công việc làm đất, các cách gieo hạt
- HS: Tìm hiểu các công việc làm đất ở địa phươn

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng.
2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**- GV nêu vấn đề:** trong quá trình trồng rau, cây gia đình em thường làm các công việc gì?

- HS: Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

Hs trình bày theo ý hiểu của mình:

làm cho đất tơi xốp,nhặt bỏ cỏ dại,bón phân và sau đó gieo trồng

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV nhận xét và dẫn vào bài

Làm đất, bón phân lót là khâu đầu tiên của quy trình sản xuất cây trồng, làm tốt khâu này sẽ tạo điều kiện cho cây trồng phát triển tốt ngay từ khi mới gieo hạt**…**

**B. Hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|

| | |
|---|---|
| **Hđ 1: Tìm hiểu về làm đất nhằm mục đích gì: 10’**<br>1.Mục tiêu : Hiểu được mục đích của việc làm đất trong sản xuất trồng trọt nói chung và công việc làm đất cụ thể.<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>+Làm đất nhằm mục đích gì?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+Làm cho đất tơi xốp tăng khả năng giữ nước chất dinh dưỡng, diệt cỏ dại và mầm mống sâu bệnh ẩn nấp trong đất.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | **I.<u>Làm đất nhằm mục đích gì:</u>**<br>- Mục đích làm đất: làm cho đất tơi xốp tăng khả năng giữ nước chất dinh dưỡng, diệt cỏ dại và mầm mống sâu bệnh ẩn nấp trong đất. |
| **Hđ 2: Tìm hiểu về các công việc làm đất: 15’**<br>1. Mục tiêu : - Biết đươc quy trình và yêu cầu của kĩ thuật làm đất<br>2. Phương thức: Hđ nhóm theo bàn<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá: | **<u>II .Các công việc làm đất:</u>** |

| | |
|---|---|
| - Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>-Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐN tl câu hỏi<br>? Công việc làm đất gồm có những công việc nào ?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm: - Cày đất, bùă và đập đất,lên luống.<br><br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>G: Chốt kiến thức và ghi bảng( chiếu kết quả)<br><br><br>**Hđ 3: Tìm hiểu về bón phân lót: 7'**<br>1.Mục tiêu : Biết được quy trình và yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất, mục đích và cách bón phân lót cho cây trồng<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá | **<u>1. Cày đất:</u>**<br><br>- Xáo trộn lớp đất mặt làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại.<br><br>**<u>2.Bừa và đập đất.</u>**<br>- Làm cho đất nhỏ,thu gom cỏ dại, trộn đều phân và san phẳng.<br><br>**<u>3.Lên luống.</u>**<br>- Để dễ chăm sóc, chống ngập úng và tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng phát triển.<br>- Quy trình lên luống:SGKT38<br>- Các loại cây trồng lên luống, Ngô, khoai, rau, đậu, đỗ…<br>**<u>III. Bón phân lót.</u>** |

| | |
|---|---|
| 5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>+Nêu các loại phân để sử dụng bón lót.<br>? Em hãy mô tả cách bón cac loại phân em vừa kể<br>-Em hãy kể những loại phân thường dùng bón lót ở địa phương.<br>? Đất trồng lúa người ta bón lót ntn? Dùng loại phân gì<br>? Đất trồng rau bón phân lót ntn? Dùng loại phân nào<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+- Sử dụng phân hữu cơ hoặc phân lân theo quy trình.<br>- Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, theo hốc.<br>- Cày, bừa, lấp đất để vùi phân xuống dưới.<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | - Sử dụng phân hữu cơ hoặc phân lân theo quy trình.<br>- Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, theo hốc.<br>- Cày, bừa, lấp đất để vùi phân xuống dưới. |

## C. Hoạt động luyện tập: 3‘

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

**GV**: Gọi 1-2 học sinh đọc phần ghi nhớ SGK

- Hệ thống lại các nội dung bài học về cách phòng trừ sâu bệnh hại và nêu câu hỏi

Câu 1: Em hãy nêu các công việc làm đất và tác dụng của từng công việc

Câu 2: Em hãy nêu quy trình bón phân lót

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm : phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

Câu 1: Chọn đúng sai

1. Mục đích của việc làm đất là tạo lớp đất mới trên bề mặt
2. Mục đích của việc làm đất là để dễ bón phân
3. Mục đích của việc làm đất là để tăng chất dinh dưỡng

4. Mục đích của việc làm đất là để tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển tốt
5. Mục đích của việc làm đất là tạo cho đất tơi xốp

Câu 2: Ghép các câu từ I đến IV với các câu từ 1-4 cho phù hợp

| | | |
|---|---|---|
| I. | Mục đích làm đất | 1. Làm nhỏ đất và thu gom cỏ dại |
| II. | Cày đất | 2. Dễ thoát nước và dễ chăm sóc |
| III. | Bừa đất | 3. Lật đất sâu lên bề mặt |
| IV. | Lên luống | 4. Làm đất tơi xốp diệt cỏ dại và mầm sâu bệnh tạo điều kiện cây trồng sinh trưởng phát triển |

HS làm bài

GV nhận xét

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

GV y/c HS về nhà tìm hiểu, ghi chép thời vụ gieo trồng lúa và một số loại cây hoa màu nào đó ở địa phương

* thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: gieo trồng cây nông nghiệp

*** Rút kinh nghiệm**

Tuần 16

Ngày soạn : 03/ 12/ .

Ngày dạy : **7A**: / 12/; **7B**: /12/; **7C**: /12/

## Tiết 16: GIEO TRỒNG CÂY NÔNG NGHIỆP

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được khái niệm về thời vụ và những căn cứ để xác định thời vụ gieo trồng. Các vụ gieo trồng chính ở nước ta.

- Hiểu được mục đích của việc kiểm tra , xử lí hạt giống trước khi gieo trồng. Các phương pháp xử lí hạt giống
- Hiểu được các yêu cầu kĩ thuậtcủa việc gieo trồng và các phương pháp gieo hạt giống

**2. Kỹ năng**:

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, trao đổi nhóm.
- Có được những kỹ năng gieo trồng, kiểm tra và xử lí hạt giống.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức tham gia lao động sản xuất ở gia đình

**4. Năng lực**:

- Tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự đánh giá và đánh giá, tổ chức…..

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên**:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
- Hình 27, 28 sgk

**2. Học sinh**:

- Xem trước bài 16, tìm hiểu các biện pháp gieo trồng ở địa phương.

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp gieo trồng cây nông nghiệp.
2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**- GV nêu vấn đề:** Em hãy nêu các công việc làm đất và tác dụng của từng công việc?

- HS: Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

Cày đất : Là xáo trộn lớp đất mặt ở độ sâu từ 20- 30cm, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại.

- Bừa và đập đất: Để làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân và san phẳng mặt ruộng.
- Lên luống: Để dễ chăm sóc, chống ngập úng và tạo tầng đất dầy cho cây sinh trưởng, phát triển.

Hs trình bày theo ý hiểu của mình

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên nêu vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Khi gieo trồng điều quan trọng là phải xác định thời vụ gieo trồng và kiểm tra xử lí hạt giống. Vậy kĩ thuật gieo trồng như thế nào? Để giúp các em có được kiến thức đúng và thực hiện tốt các biện pháp gieo trồng, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học,

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **Hđ 1: Tìm hiểu về thời vụ gieo trồng: 10'**<br>1.Mục tiêu : Xác định được thời vụ gieo trồng<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>? Tại sao phải xác định thời vụ gieo trồng?<br>- Hs tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời: | **I. Thời vụ gieo trồng**<br>- Mỗi cây đều được gieo trồng vào một khoảng thời gian nhất định thời gian đó gọi là thời vụ.<br>***1. Căn cứ để xác định thời vụ gieo trẳng***<br>- Khí hậu , loại cây trồng , tình hình phát sinh sâu, bệnh ở mỗi địa phương<br>***2. Các vụ gieo trồng:***<br>- Vụ đông xuân: Từ tháng 11 đến tháng 4- 5 Năm sau trồng lúa, ngô, đỗ, lạc, rau, khoai, cây ăn quả, cây công nghiệp.<br>- Vụ hè thu: Từ tháng 4 đến tháng 7 trồng lúa, ngô, khoai. |

| | |
|---|---|
| + Khí hậu , loại cây trồng , tình hình phát sinh sâu, bệnh ở mỗi địa phương<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**Hđ 2: Tìm hiểu về kiểm tra sử lý hạt giống: 10'**<br>1. Mục tiêu : Trình bày được mục đích kiểm tra, xử lí hạt giống.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm theo bàn<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận lựa chọn nội dung đúng về mục đích kiểm tra, xử lí hạt giống.<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm: + Tỉ lệ nảy mầm cao<br>+ Không có sâu, bệnh<br>+ Độ ẩm thấp<br>+ Không lẫn giống khác và hạt cỏ dại<br>+ Sức nảy mầm mạnh<br>**** Báo cáo kết quả*** | - Vụ mùa: Từ tháng 6 đến tháng 11 trồng lúa, rau.<br>- Vụ đông: Từ tháng 9 đến tháng 12 trồng ngô, đỗ tương, khoai, rau.<br>**II.Kiểm tra sử lý hạt giống.**<br>***1.Mục đích kiểm tra hạt giống.***<br>- Tiêu chí giống tốt gồm các tiêu chí:<br>+ Tỉ lệ nảy mầm cao<br>+ Không có sâu, bệnh<br>+ Độ ẩm thấp<br>+ Không lẫn giống khác và hạt cỏ dại<br>+ Sức nảy mầm mạnh<br>***2.Mục đích và phương pháp sử lý hạt giống.***<br>-Tác dụng vừa kích thích hạt giống nảy mầm nhanh vừa diệt trừ sâu bệnh có ở hạt .<br>- Xử lí bằng nhiệt độ<br>- Xử lí bằng hóa chất |

| | |
|---|---|
| - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>G: Chốt kiến thức và ghi bảng( chiếu kết quả)<br>GV: Lưu ý<br>**Hđ 3: Tìm hiểu về các phương pháp gieo trồng: 10'**<br>1. Mục tiêu : Hiểu được các phương pháp gieo trồng<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu HS đọc thông tin, thảo luận nhóm:<br>? Gieo trồng phải đảm bảo yêu cầu kĩ thuật như thế nào.<br>? Có mấy phương pháp gieo trồng? Hãy nêu ưu, nhược điểm của các phương pháp gieo trồng?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Đảm bảo các yêu cầu về thời vụ, mật độ , khoảng cách và độ nông sâu.<br>+ Phương pháp gieo trồng.<br>Gieo bằng hạt | **III.Phương pháp gieo trồng.**<br>***1.Yêu cầu kỹ thuật:***<br>- Đảm bảo các yêu cầu về thời vụ, mật độ , khoảng cách và độ nông sâu.<br>***2. Phương pháp gieo trồng.***<br>- Gieo bằng hạt<br>- Trồng bằng cây con |

| | |
|---|---|
| Trồng bằng cây con<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

**C. Hoạt động luyện tập: 5'**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu 1: Vì sao phải gieo trồng đúng thời vụ?

Câu 2: Xử lí hạt giống nhằm mục đích gì?

Câu 3: Hãy nêu ưu, nhược điểm của các phương pháp gieo trồng?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

**D. Hoạt động vận dụng: 3'**

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm : phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Hãy cho biết ưu, nhược điểm của các cách gieo hạt?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu xem ở gđ, đp em ngoài những biện pháp gieo trồng nào?

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Chuẩn bị giờ sau ôn tập

Tuần 17

Ngày soạn : 10/ 12/ .

Ngày dạy : **7A**: / 12/; **7B**: /12/; **7C**: /12/

## Tiết 17: ÔN TẬP

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

-Thông qua giờ ôn tập nhằm giúp học sinh củng cố và khắc sâu những kiến thức đã học trên cơ sở đó học sinh có khả năng vận dụng vào thực tế sản xuất.

- Hiểu được tác dụng của các phương thức canh tác này.

**2. Kỹ năng** :

-Có ý thức lao động, có kỹ thuật tinh thần chịu khó, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

**3. Thái độ:**

-Có ý thức học tập tốt

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của thầy và trò**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung SGK, bảng tóm tắt nội dung phần trồng trọt, hệ thống câu hỏi và đáp án ôn tập.

- HS : Đọc câu hỏi SGK chuẩn bị ôn tập.

**III. Tổ chức các hoạt động học:**

A. ***Hoạt động khởi động : 5'***

- Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
- Phương thức:Hđ cá nhân.
- Sản phẩm : Trình bày miệng.

- Kiểm tra, đánh giá: Hs đánh giá
  Gv đánh giá
- Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

? Nêu mục đích của việc kiểm tra hạt giống?

? Nêu các phương pháp gieo trồng cây nông nghiệp ?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

## B. Hoạt động luyện tập: 35’

| Hoạt động của GV | Nội dung |
|---|---|
| **GV hệ thống lại kiến thức**<br>*1. Mục tiêu*: Hs hệ thống lại được kiến thức chương<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát sơ đồ 4 SGK/52 trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>GV nêu nội dung cần ôn tập | **Câu1**<br>- Vai trò của trồng trọt gồm 4 vai trò<br>+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.<br>+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi<br>+ Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản.<br>+ Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu<br>- Nhiệm vụ:(4 nv)<br>**Câu 2** .<br>- Đất trồng: Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm. |

| | |
|---|---|
| ? Em hãy tóm tắt nội dung kiến thức phần trồng trọt.<br>-GV: yêu cầu hs nhớ lại kiến thức để trả lời câu hỏi:<br>**Nhóm 1**<br>**<u>Câu 1:</u>**Nêu vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt?<br>**<u>Câu 2</u>**: Đất trồng là gì ? Trình bày thành phần và tính chất của đất trồng ?<br>**<u>Câu 3</u>**. Nêu vai trò và cách sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp ?<br>**Nhóm 2**<br>**<u>Câu 4:</u>** Nêu vai trò của giống và phương pháp chọn tạo giống ?<br>**<u>Câu 5:</u>** Trình bày khái niệm về sâu bệnh hại cây trồng và các biện pháp phòng trừ<br>**<u>Câu 6</u>**: Em hãy giải thích tại sao biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh để phòng trừ sâu bệnh, tốn ít công, chi phí ít ?<br>**Nhóm 3**<br>**<u>Câu 7:</u>** Hãy nêu tác dụng của các biện pháp làm đất và bón phân lót đối với cây trồng ?<br>**<u>Câu 8:</u>** Tại sao phải tiến hành kiểm tra, xử lý hạt giống trươc skhi gieo trồng cây nông nghiệp ?<br>**Nhóm 4**<br>**<u>Câu 9:</u>** Em hãy nêu ưu, nhược điểm của phương pháp gieo trồng bằng hạt và bằng cây con.<br>**<u>Câu10:</u>** Em hãy nêu tác dụng của các công việc chăm sóc cây trồng.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>-GV quan sát, giúp đỡ các nhóm còn chậm.<br>Dự kiến trả lời: | - Phải sử dụng đất hợp lí vì: nước ta có tỉ lệ tăng dân số cao, nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng, trong khi đó diện tích đất trồng có hạn, vì vậy phải biết cách sử dụng đất một cách hợp lí cã hiệu quả.<br>**<u>Câu 3:</u>** Bón phân vào đất làm tăng độ phì nhiêu của đất, làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.<br>- Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay sau khi nó mới mọc, mới bén rễ.<br>- Bón thúc là bón phân trobg thời gian sinh trưởng của cây. Bón thúc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển tốt.<br>**<u>Câu 4.</u>** Vai trò của giống cây trồng làm tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, tăng vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng.<br>- Giống cây trồng có thể nhân giống bằng hạt vô tính.<br>- Có hạt giống tốt phải biết bảo quản trong chum, vại bao túi kín hoặc trong các kho lạnh.<br>- Phương pháp chọn tạo giống: Chọn lọc, lai, gây đột biến. |

**Câu1**

- Vai trò của trồng trọt gồm 4 vai trò

+ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

+ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi

+ Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản.

+ Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu

- Nhiệm vụ:(4 nv)

**Câu 2** .

- Đất trồng: Là lớp bề mặt tơi xốp của vỏ trái đất, trên đó thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm.

- Phải sử dụng đất hợp lí vì: nước ta có tỉ lệ tăng dân số cao, nhu cầu về lương thực, thực phẩm tăng, trong khi đó diện tích đất trồng có hạn, vì vậy phải biết cách sử dụng đất một cách hợp lí cã hiệu quả.

**Câu 3:** Bón phân vào đất làm tăng độ phì nhiêu của đất, làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng nông sản.

- Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay sau khi nó mới mọc, mới bén rễ.

- Bón thúc là bón phân trobg thời gian sinh trưởng của cây. Bón thúc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển tốt.

**Câu 4.** Vai trò của giống cây trồng làm tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, tăng vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng.

- Giống cây trồng có thể nhân giống bằng hạt vô tính.

**Câu 5** Khái niệm về sâu bệnh hại côn trùng là lớp động vật thuộc ngành động vật chân khớp.

- Bệnh hại là chức năng không bình thường về sinh lý…

- Các biện pháp phòng trừ: Thủ công, hoá học, sinh học.

**Câu 6:**

- Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh tốn ít công, dễ thực hiện, chi phí ít vì canh tác có thể tránh được những kỳ sâu bệnh phát triển cây phù hợp với điều kiện sống, chống sâu, bệnh hại.

**Câu 7:**

- Tác dụng của các biện pháp làm đất, xáo chộn đất, làm nhỏ đất, thu gom, vùi lấp cỏ dại, dễ chăm sóc.

- Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh

**Câu 8:**

- Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn

| | |
|---|---|
| - Có hạt giống tốt phải biết bảo quản trong chum, vại bao túi kín hoặc trong các kho lạnh.<br>- Phương pháp chọn tạo giống: Chọn lọc, lai, gây đột biến.<br>**Câu 5** Khái niệm về sâu bệnh hại côn trùng là lớp động vật thuộc ngành động vật chân khớp.<br>- Bệnh hại là chức năng không bình thường về sinh lý…<br>- Các biện pháp phòng trừ: Thủ công, hoá học, sinh học.<br>**Câu 6:**<br>- Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu bệnh tốn ít công, dễ thực hiện, chi phí ít vì canh tác có thể tránh được những kỳ sâu bệnh phát triển cây phù hợp với điều kiện sống, chống sâu, bệnh hại.<br>**Câu 7:**<br>- Tác dụng của các biện pháp làm đất, xáo chộn đất, làm nhỏ đất, thu gom, vùi lấp cỏ dại, dễ chăm sóc.<br>- Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh<br>**Câu 8:**<br>- Trước khi gieo trồng cây nông nghiệp phải tiến hành kiểm tra xử lý hạt giống để đảm bảo tỷ lệ nảy mầm cao, không có sâu bệnh hại, độ ẩm thấp, không lẫn tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh.<br>**Câu 9:**<br>* ưu điểm: cây con lâu, nhiều công<br>- Gieo hạt: số lượng hạt nhiều, chăm sóc khó… | tạp và cỏ dại, sức nảy mầm mạnh.<br>**Câu 9:**<br>* ưu điểm: cây con lâu, nhiều công<br>- Gieo hạt: số lượng hạt nhiều, chăm sóc khó…<br>**Câu 10:**<br>- Tia, dặm đảm bảo mật độ và khoảng cách của cây trồng.<br>- Làm cỏ, vun sới để diệt trừ cỏ dại, làm cho đất tơi xốp, hạn chế bốc hơi nước.<br>- Tưới, tiêu nước để tạo điều kiện cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.<br>- Phân bón làm tăng năng xuất cây trồng… |

| | |
|---|---|
| **<u>Câu 10:</u>**<br>- Tia, dặm đảm bảo mật độ và khoảng cách của cây trồng.<br>- Làm cỏ, vun sới để diệt trừ cỏ dại, làm cho đất tơi xốp, hạn chế bốc hơi nước.<br>- Tưới, tiêu nước để tạo điều kiện cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.<br>- Phân bón làm tăng năng xuất cây trồng… | |

**C. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng : 5'**

*1. Mục tiêu*: củng cố, vận dụng, tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về kĩ thuật trồng trọt

*2. Phương thức*: Cá nhân hệ thống kiến thức, tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân, vận dụng kiến thức.

*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân.

*4. Kiểm tra đánh giá*:

+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.

+ GV đánh giá vào tiết học sau.

*5. Tiến trình hoạt động*:

**** Chuyển giao nhiệm vụ:***

***Gv nêu câu hỏi***

**Câu 2:** Phân bón được chia thành các nhóm chính nào ? Hãy nêu cách bảo quản các loại phân bón thông thường.

**Câu 3 :** Hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của biện pháp hóa học. Khi tiếp xúc với thuốc trừ sâu, bệnh phải thực hiện những quy định gì ?

**Câu 4:** Ở địa phương em thường có loại sâu bệnh nào ? Nhân dân ở địa phương thường sử dụng biện pháp nào để phòng trừ loại sâu bệnh đó ? Theo em, người dân đã thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sống của cây trồng chưa ? Tại sao ?

**Câu 5:** Vai trò của trồng trọt là :

a. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
b. Cung cấp thức ăn cho vật nuôi.
c. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp .
d. Cung cấp nông sản cho sản xuất.
e. Tất cả ý trên.

**Câu 6:** *Đâu là cách sắp xếp đúng về khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng từ tốt đến xấu của đất trong các câu dưới đây ?*

a. Đất sét, đất thịt, đất cát. b. Đất thịt, đất sét, đất cát.

b. Đất sét, đất cát, đất thịt. d. Đất cát, đất thịt, đất sét.

**Câu 7:** *Mục đích của việc làm ruộng bậc thang là:*

a.Tăng bề mặt lớp đất trồng. b.Gữi nước liên tục, thay nước thường xuyên.

c. Tăng độ che phủ. d. Hạn chế dòng nước chảy, hạn chế rửa trôi.

**Câu 8 :** *Đâu là nhược điểm của bón phân " phun trên lá " ?*

a. Tiết kiệm phân bón. b. Cần có dụng cụ máy móc phức tạp.

c. Cây dễ sử dụng. d.Phân bón chuyển thành chất khó tan khó sử dụng.

**Câu 5**9: *Cây khoai lang, cây sắn, cây mía được nhân giống theo phương pháp nào dưới đây?*

a. Ghép mắt b. Giâm cành c. Chiết cành. d. Phương pháp khác.

**Câu 10:** *Vệ sinh đồng ruộng có tác dụng gì trong việc phòng trừ sâu, bệnh hại ?*

a. Tăng sức chống chịu cho cây trồng. b. Tránh thời kì sâu bệnh phát triển mạnh.

c. Trừ mầm mống sâu bệnh . d. Không có tác dụng gì.

**Câu 11***: Tiêu chí của giống cây trồng tốt:*

a. Sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu, đất đai và trình độ canh tác của địa phương.
b. Có chât lượng tốt, năng suất cao và ổn định.
c. Chống chịu được sâu, bệnh.
d. Cả 3 ý trên.

**Câu 12:** *Côn trùng phá hoại cây trồng mạnh nhất vào thời kì:*

a. trứng b. sâu non c. nhộng d. trưởng thành.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**** Báo cáo kết quả:***

+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

***Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

***Dặn dò*** - Về nhà ôn tập kĩ, chuẩn bị giấy kiểm tra tiết sau kiểm tra học kì I

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần 18
Ngày soạn : 17/ 12/ .
Ngày dạy : **7A**: / 12/; **7B**: /12/; **7C**: /12/

## TIẾT 18 : KIỂM TRA HỌC KÌ I

**I Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**

- Kiểm tra những kiến thức cơ bản của chương I, II.
- Đánh giá kết quả học tập của hs để từ đó giáo viên có những điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp.

**2.Kĩ năng**

-HS có tư duy và khả năng lam bài độc lập

**3. Thái độ**

-Có ý thức tự giác trong học tập

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II/ Chuẩn bị :**

- Gv : Ma trận đề, đáp án và biểu điểm
- Hs : Ôn lại những nội dung kiến thức của chương I, II.

**III/ Tổ chức các hoạt động học :**

1. ổn định tổ chức

2.Kiểm tra bài cũ: Không KT

3. Bài kiểm tra:

**Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm+ Tự luận**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

| **Cấp độ**<br><br>**Tên Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | | |
| | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| **Sâu bệnh hai cây trồng** | Nắm được khái niệm về côn trùng và bệnh cây | | Hiểu được tác hại của sâu, bệnh và so sánh được BTHT và BTKHT | | | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm***<br>***Tỉ lệ %*** | | | | ***1***<br>***2***<br>***20%*** | | | | | ***1***<br>***2***<br>***20%*** |
| **Cách sử dụng và bảo quản phân bón** | - Biết được khái niệm phân bón là gì ?<br>- Phân loại phân bón | | | | - Biết được các cách bón phân<br>- Biết được ưu nhược điểm của các cách bón phân | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm***<br>***Tỉ lệ %*** | ***1***<br>***0.5***<br>***5%*** | | | | | ***1***<br>***2.5***<br>***25%*** | | | ***2***<br>***3***<br>***30%*** |
| **Khái niệm về đất trồng và thành phần của đất trồng** | Biết được khái niệm đất trồng và thành phần đất trồng Vai trò của đất trồng | | | | | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm*** | | ***1***<br>***1.5*** | | | | | | | ***1***<br>***1.5*** |

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ***Tỉ lệ %*** | | ***15%*** | | | | | | | | | ***15%*** |
| **Liên hệ thực tế: Bảo vệ môi trường** | | | | | *Hs vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn* | | | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm***<br>***Tỉ lệ %*** | | | | | | ***1***<br>***1***<br>***10%*** | | | | | ***1***<br>***1***<br>***10%*** |
| **Một số tính chất của đất trồng** | *Biết được độ chua, độ kiềm của đất* | | | | | | | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm***<br>***Tỉ lệ %*** | ***1***<br>***0.5***<br>***5%*** | | | | | | | | | | ***1***<br>***0.5***<br>***5%*** |
| **Sản xuất và bảo quản giống cây trồng**<br>**Làm đất và bón phân lót** | | | Hiểu được quy trình sàn xuất giống cây trồng bằng hạt | | Biết được cách chọn – sản xuất hạt giống và bảo quản hạt giống<br>Biết được các công việc làm đất | | | | | | |
| ***Số câu***<br>***Số điểm***<br>***Tỉ lệ %*** | | | ***1***<br>***0.5***<br>***5%*** | | ***2***<br>***1.5***<br>***15%*** | | | | | | ***3***<br>***2***<br>***20%*** |
| Tổng số câu<br>Tổng số điểm<br>***Tỉ lệ %*** | ***3***<br>***2.5***<br>***25%*** | | ***2***<br>***2.5***<br>***25%*** | | ***4***<br>***5***<br>***50%*** | | | | | | ***9***<br>***10***<br>***100%*** |

**Đề bài:**

**I. <u>TRẮC NGHIỆM</u>:** ***(3 điểm)***

**A. Khoanh tròn câu trả lời đúng nhất. (2,0đ)**

**1. Đất trung tính có trị số pH dao động trong khoảng nào?**

A. pH = 3-9 B. pH < 6,5 C. pH = 6,6 – 7,5 D. pH >7,5

**2. Nhóm phân nào sau đây là phân hóa học?**

A. Supe lân, phân heo, urê. B. Urê, NPK, Supe lân.

C. Phân trâu, bò; bèo dâu; DAP. D. Cây muồng muồng, khô dầu dừa, NPK.

**3. Công việc làm đất nào có tác dụng dễ chăm sóc, chống ngập úng, tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển tốt?**

A. Cày đất. B .Bừa đất. C.Đập đất. D. Lên luống.

**4. Quy trình sản xuất giống cây trồng bằng hạt là:**

A. Phục tráng – Nhân dòng – Nguyên chủng – Siêu nguyên chủng – Giống đại trà.

B. Phục tráng – Nguyên chủng – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Giống đại trà.

C. Phục tráng – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Nguyên chủng – Giống đại trà.

D. Phục tráng – Giống đại trà – Nhân dòng – Siêu nguyên chủng – Nguyên chủng.

**B.** ***Ghép các câu ở cột A với các câu ở cột B cho phù hợp (1,0đ)***

| A | B | **A + B** |
|---|---|---|
| **1. Chọn tạo giống** | a. Tạo nhiều hạt cây giống | **1 -** |
| **2. Sản xuất giống** | b. Dùng chum, vại, túi nilông | **2 -** |
| **3. bảo quản hạt giống** | c. Chặt cành từng đoạn nhỏ đem giâm xuống đất ẩm | **3 -** |
| **4. Nhân giống vô tính** | d. Tạo ra quần thể có đặc sản khác quần thể ban đầu. | **4 -** |
| **5. Mục đích làm đất** | e. Làm đất nhỏ và thu gom cỏ dại | **5 -** |
| **6. Cày đất** | f. Dễ thoát nước, dễ chăm sóc | **6 -** |
| **7. Bừa đất** | g. Lật đất sâu lên bề mặt | **7 -** |
| **8. Lên luống** | h. Làm cho đất tơi xốp, diệt cỏ dại và mầm sâu, bệnh tạo điều kiện cây trồng phát triển. | **8 -** |

**II. <u>TỰ LUẬN</u>: (*7 điểm)***

**<u>Câu 1:(2.5đ)</u>** Thế nào là bón thúc, bón lót. Trình bày ưu - nhược điểm của các cách bón: bón vãi, bón theo hàng, bón theo hốc, bón phun trên lá?

**<u>Câu 2 :(2đ)</u>**Trình bày khái niệm côn trùng. So sánh sự giống và khác nhau giữa BTHT và BTKHT.

**<u>Câu 3: (1.5đ)</u>** Đất trồng là gì? Đất trồng gồm những thành phần nào? Vai trò từng phần?

**<u>Câu 4: (1.0đ)</u>** Là học sinh em phải làm gì để góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên môi trường đất?

**ĐÁP ÁN**

**I. <u>TRẮC NGHIỆM</u>: (3Đ)**

**<u>A.</u>** Mỗi lựa chọn đúng **0,5** điểm,

| 1 | 2 | 3 | 4 |
|---|---|---|---|
| **C** | **B** | **D** | **D** |

**B.** Mỗi lựa chọn đúng **0,25** điểm,

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **d** | **a** | **b** | **c** | **h** | **g** | **e** | **f** |

**II. TỰ LUẬN: (7Đ)**

**Câu 1: (2.5đ)**

| ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
|---|---|
| - Bón lót: là bón trước khi gieo trồng, nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây khi mới mọc và bén rễ. | 0,5 đ |
| - Bón thúc: Là bón phân trong thời kì cây đang sinh trưởng và phát triển nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu chất dinh dưỡng cho cây. | |
| **Ưu – nhược điểm** | |
| **Bón theo hàng:** | 0,5 đ |
| Ưu điểm: cây dễ sử dụng, dụng cụ đơn giản<br>Nhược điểm: phân bón **có thể** bị chuyển hóa thành chất khó tan do tiếp xúc với đất | 0,5 đ |
| **Bón theo hốc**: ưu và nhược điểm giống bón theo hàng | 0,5 đ |
| **Bón vãi**: ưu điểm: cây dễ sử dụng, dụng cụ đơn giản, tốn ít công lao động<br>Nhược điểm: phân bón **dễ bị** chuyển hóa thành chất khó tan do tiếp xúc với đất | 0,5 đ |
| **Bón phun trên lá**: cây dễ sử dụng, bón được trên diện tích rộng, tốn ít công lao động.<br>Phân bón **không bị** chuyển hóa thành chất khó tan do tiếp xúc với đất<br>Nhược điểm: cần có máy móc phức tạp, chỉ bón được lượng nhỏ phân bón | |

**Câu 2: (2 đ)**

| ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
|---|---|
| Côn trùng thuộc ngành động vật chân khớp.<br>Cơ thể chia làm 3 phần Đầu, ngực, bụng<br>Đầu: mang 1 đôi râu<br>Ngực mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh<br>So sánh:<br>Giống nhau: đều có giai đoạn trứng – sâu non – sâu trưởng thành.<br>Khác nhau: | 1 đ<br>1 đ |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | BTHT | BTKHT | |
| Giai đoạn: | 4 | 3 | |
| Hình thái: thành | sâu non khác sâu trưởng thành | sâu non giống sâu trưởng | |
| Phá hoại : | sâu non | sâu trưởng thành | |

**<u>Câu 3</u> : (1.5đ)**

| ĐÁP ÁN | Điểm |
|---|---|
| Đất trồng là lớp có bề mặt tơi xốp của vỏ Trái Đất, trên đó, thực vật có khả năng sinh sống và sản xuất ra sản phẩm. | 0,5 đ |
| Đất trồng gồm có 3 thành phần : khí, lỏng, rắn | 0,5 đ |
| Vai trò của từng phần : | 0,5 đ |
| Phần khí : cung cấp khí cho cây | |
| Phần rắn gồm chất vô cơ và chất hữu cơ (cung cấp chất dinh dưỡng cho cây) | |
| Phần lỏng: hòa tan chất dinh dưỡng (cung cấp nước) | |

**Câu 4: (1 đ)**

| ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
|---|---|
| Học sinh liên hệ thực tiễn và trả lời theo cách hiểu biết của mình | 1 đ |

Thu bài,nhận xét giờ kiểm tra

**** Rút kinh nghiệm***

Tuần 19
Soạn ngày: 02/01/
Dạy ngày : 08/11/

Tiết 19: **THỰC HÀNH**
**XỬ LÝ HẠT GIỐNG BẰNG NƯỚC ẤM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách xử lý hạt giống bằng nước ấm

**2. Kĩ năng:**

- Chuẩn bị được dụng cụ và xử lý được hạt giống lúa, ngô bằng nước ấm đúng kĩ thuật như:

+ Pha được nước muối để loại bỏ hạt lửng, hạt nép,…

+ Đặt nhiệt kế, đọc nhiệt kế chính xác. Xác định đúng nhiệt độ nước để xử lý lúa hay ngô.

+ Ngâm hạt trong nước nóng đúng yêu cầu.

- Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

**3.Thái độ:**

- Tích cực cùng gia đình xử lý hạt giống như hạt lúa, ngô trước khi ngâm ủ để kích thích tốc độ nảy mầm và góp phần phòng trừ sâu bệnh hại

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực thực hành

**II.CHUẨN BỊ :**

1. Chuẩn bị của GV:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập: Bản mô tả qui trình xử lí hạt giống bằng nước ấm
- Mẫu hạt ngô, lúa mỗi loại 0,3- 0,5 kg/1nhóm, nhiệt kế.
- Tranh vẽ qui trình xử lý hạt giống bằng nước nóng (sgk/42).

2. Chuẩn bị của HS:

- Ngô, lúa mỗi loại 0,3- 0,5 kg/1nhóm, phích nước nóng, chậu, xô đựng nước, nước sạch, rổ( loại nhỏ), một quả trứng gà, 1kg muối.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**A. Hoạt động khởi động: 5'**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu về quy trình xử lí hạt giống bằng nước ấm.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu: Dựa vào những kiến thức đã học, kiến thức thực tế suy nghĩ trả lời câu hỏi

? Vì sao cần xử lí hạt giống trước khi gieo? Xử lí hạt giống bằng cách nào? Nêu qui trình xử lí hạt giống bằng nước ấm

- HS Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

Dự kiến sản phẩm:

- Diệt trừ mầm bệnh, kích thích hạt nảy mầm
- xử lí bằng nhiệt độ và bằng hóa chất
- xử lí bằng nước ấm: Hs trình bày theo ý hiểu của mình

**** Báo cáo kết quả***

Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: GV: Để giúp các em có được kỹ năng xử lý hạt giống cta cùng làm bài TH

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học, nội quy thực hành và phân công các nhóm làm thực hành, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh...

**B. Hoạt động hình thành kĩ năng, luyện tập: 30'**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| 1. Mục tiêu : Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ cần thiết cho bài TH.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: tìm hiểu nd phần I (sgk/42) và cho biết để xử lí hạt giống bằng nước ấm các em cần chuẩn bị ntn về vật liệu và dụng cụ?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS suy nghĩ trả lời<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến sản phẩm: Nd phần I – sgk/42<br>**** Báo cáo kết quả***<br>1 HS trả lời<br>**** Đánh giá kết quả***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>Bổ sung: 1kg muối, 1 quả trứng gà<br>G: Chốt kiến thức và ghi bảng( chiếu kết quả)<br><br>1. Mục tiêu: Biết cách xử lí hạt giống bằng nước ấm<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm | **I. HD ban đầu**<br>1. Vật liệu và dụng cụ cần thiết (sgk/42)<br><br>2. Qui trình thực hành<br>- Gồm 4 bước<br>+ Cho hạt vào trong nước muối để loại bỏ hạt lép, hạt lửng<br>+ Rửa sạch các hạt chìm |

| | |
|---|---|
| 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: GV chiếu các bước thực hành<br>Câu 1: Nêu qui trình xử lí hạt giống bằng nước ấm? Mô tả các bước trong qui trình đó<br>Câu 2: Vì sao phải dùng nhiệt ở $54^0$C đối với lúa và $40^0$C đối với ngô mà không để ở nhiệt độ cao hơn hay thấp hơn?<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Câu 1: 4 bước (sgk/42)<br>+ Câu 2: ở nhiệt độ này mầm bệnh đã chết, kích thích được hạt nảy mầm, cao hơn thì mầm hạt có thể lại chết, nhỏ hơn thì mầm bệnh không chết.<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV: Làm mẫu vừa làm vừa giới thiệu bằng lời, kĩ thuật thực hiện từng thao tác<br>Hs: lắng nghe, quan sát | + Kiểm tra nhiệt độ nước bằng nhiệt kế trước khi ngâm hạt.<br>+ Ngâm hạt trong nước ấm (lúa $54^oC$) |

| | |
|---|---|
| GV: gọi 2 Hs lên làm thử sau đó nhận xét rút kinh nghiệm<br><br>1. Mục tiêu :<br>- Làm được các thao tác xử lí hạt giống đúng qui trình kĩ thuật<br>- Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: kết quả TH<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu: mỗi nhóm xử lý hai loại hạt lúa, ngô theo quy trình.<br>- HS tiếp nhận<br>****Thực hiện nhiệm vụ***<br>- HS: TH theo nhóm đã phân công.<br>- GV theo dõi kỹ thuật thực hiện của HS và nhắc nhở, giúp đỡ.<br>****Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs báo cáo lại cách làm và kết quả.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>+ nhận xét kỹ năng thực hiện.<br>+ Kết quả thực hiện của từng nhóm.<br>+ Cho điểm nhóm hay cá nhân tuỳ GV.<br>- GV bổ sung nếu HS còn sai sót, nhắc nhở vệ sinh môi trường | **II. HD thường xuyên**<br>3. Thực hành |

## C. Hoạt động vận dụng: 7’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu

Vì sao phải lọc hạt lép, lửng bằng nước muối, sau đó mới xử lí bằng nhiệt? Có thể lọc hạt lép, lửng bằng cách nào khác nữa?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

-HS: Làm việc cá nhân: đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời câu hỏi

- GV theo dõi

***Báo cáo kết quả:***

2 Hs trả lời

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Tìm hiểu xem ở gđ, đp em hay xử lí hạt giống bằng cách nào?
- Xử lí hạt giống bằng nhiệt độ, ngoài cách ngâm hạt trong nước ấm còn cách nào? Mô tả ngắn gọn cách đó?

* Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Các biện pháp chăm sóc cây trồng.
- Tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng ở địa phương em

Rút kinh nghiệm

---

Tuần 19

Ngày soạn: 02/01/

Dạy ngày: 10/11/

## Tiết 20: CÁC BIỆN PHÁP CHĂM SÓC CÂY TRỒNG

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**:

- Nêu được biện pháp tỉa, dặm cây và mục đích của những biện pháp đó trong trồng trọt. Nêu được ví dụ minh hoạ.
- Trình bày được cách làm cỏ cho cây trồng và mục đích của việc làm cỏ. Trình bày được các cách xới xáo đất, vun gốc cho cây trồng và mục đích của việc xới xáo đất, vun gốc. Nêu VD.
- Nêu được vai trò của việc tưới, tiêu nước. Trình bày được các cách tưới nước và nêu VD mỗi cách tưới thường ứng dụng cho loại cây trồng phù hợp.
- Trình bày được cách bón thúc phân cho cây khi cần và nêu được loại phân sử dụng bón thúc có hiệu quả.
- Nêu được một cách khái quát các biện pháp cơ bản trong chăm sóc cây trồng và vai trò của mỗi biện pháp trong hệ thống các biện pháp.

**2. Kỹ năng**:

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, trao đổi nhóm.
- Có được những kỹ năng chăm sóc cây trồng.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức trong việc bảo vệ và chăm sóc cây trồng.

**4. Năng lực**:

- Tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự đánh giá và đánh giá, tổ chức…..

**II. Chuẩn bị**

**1. Giáo viên**:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
- Hình 29, 30 sgk

**2. Học sinh**:

Xem trước bài 19, tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng ở địa phương.

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ cả lớp

3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**- GV nêu vấn đề:** Nhân dân ta có câu: “Công cấy là công bỏ, công làm cỏ là công ăn”. Em hiểu ý nghĩa câu nói trên như thế nào?

- HS: Tiếp nhận

****Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ trả lời
- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn
- Dự kiến sản phẩm:

Hs trình bày theo ý hiểu của mình: Nói lên tầm quan trong của việc chăm sóc cây trồng...

**** Báo cáo kết quả***

- Hs trả lời

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Sau khi gieo trồng điều quan trọng là phải chăm sóc cây mới có thể sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất cao. Vậy kĩ thuật chăm sóc như thế nào? Để giúp các em có được kiến thức đúng và thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc cây trồng, chúng ta tìm hiểu bài hôm nay

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học,

**Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| 1.Mục tiêu : Nêu được biện pháp tỉa, dặm cây và mục đích của những biện pháp đó trong trồng trọt. Nêu được ví dụ minh hoạ.<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân<br>3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>? Tại sao phải tỉa, dặm cây? Nêu nội dung của biện pháp tỉa, dặm cây? Lấy VD minh họa?<br>- Hs tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV theo dõi<br>- Dự kiến trả lời:<br>+ Để đảm bảo khoảng cách, mật độ cây trên ruộng.<br>+ Tỉa cây yếu, bị sâu, bệnh ở chỗ cây mọc dày<br>+ Dặm cây khoẻ vào chỗ hạt không mọc..<br>+ VD...<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | *I.Tỉa, dặm cây: 7'*<br>- Tỉa cây yếu, bị sâu, bệnh ở chỗ cây mọc dày<br>- Dặm cây khoẻ vào chỗ hạt không mọc.. - > đảm bảo khoảng cách, mật độ cây trên ruộng.<br>*II. Làm cỏ, vun xới: 10'*<br>Mục đích: Diệt cỏ dại, làm cho đất tơi xốp, hạn chế bốc hơi nước, bốc mặn, bốc phèn, chống đổ. |

| | |
|---|---|
| 1. Mục tiêu : Trình bày được cách làm cỏ cho cây trồng và mục đích của việc làm cỏ. Trình bày được các cách xới xáo đất, vun gốc cho cây trồng và mục đích của việc xới xáo đất, vun gốc. Nêu VD.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm theo bàn<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá | |
| 1. Mục tiêu : Nêu được vai trò của việc tưới, tiêu nước. Trình bày được các cách tưới nước và nêu VD mỗi cách tưới thường ứng dụng cho loại cây trồng phù hợp.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân, HĐ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 30( sgk/45), thảo luận nhóm:<br>? Tại sao cần tưới, tiêu nước.<br>? Điền tên các phương pháp tưới nước dưới các hình? Mỗi cách tưới thường áp dụng cho loại cây trồng nào? | *III. Tưới, tiêu nước:7'*<br>*1.* <u>Mục đích của việc tưới, tiêu nước</u><br>Tưới, tiêu nước giúp cây trồng có đủ nước để sinh trưởng và phát triển tốt.<br><br><u>2. Phương pháp tưới nước.</u><br>có 4 phương pháp tưới:<br>- Tưới ngập<br>- Tưới vào gốc cây<br>- Tưới thấm |

| | |
|---|---|
| - HS tiếp nhận<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Tưới, tiêu nước giúp cây trồng có đủ nước để sinh trưởng và phát triển tốt.<br>+ Phương pháp tưới:<br>- Tưới ngập (a): lúa, rau muống...<br>- Tưới vào gốc cây (b): ngô...<br>- Tưới thấm (c): lạc, đỗ, khoai, ngô...<br>- Tưới phun mưa (d): rau màu...<br>***Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | - Tưới phun mưa |
| 1. Mục tiêu : Biết được qui trình bón phân thúc<br>2. Phương thức:<br>- *Hoạt động cặp đôi*<br>3. Sản phẩm hoạt động<br>- *Phiếu học tập của cá nhân*<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>- *Học sinh đánh giá lẫn nhau.*<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- *Giáo viên yêu cầu…*<br>? Vì sao phải bón phân hoai<br>? Kể các cách bón phân thúc cho cây<br>? Bón phân thúc theo qui trình nào | *IV. Bón phân thúc: 6’*<br>Qui trình:<br>- Bón phân<br>- Làm cỏ, vun xới, vùi phân vào đất |

| | |
|---|---|
| ***Thực hiện nhiệm vụ***<br>*- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi*<br>*- Giáo viên quan sát các nhóm tl*<br>*- Dự kiến sản phẩm*:<br>1. Chất dinh dưỡng được phân giải ở dạng dễ tiêu, cây hút dễ dàng.<br>2. Bón vãi, bón theo hàng, theo hốc, phun trên lá.<br>3. Qui trình:<br>- Bón phân<br>- Làm cỏ, vun xới, vùi phân vào đất<br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện nhóm hs báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu 1: Chọn đúng sai

a. Lúa sau khi cấy chú ý tỉa dặm cây đảm bảo mật độ và khoảng cách
b. Khi cây ngô lên cao phải chú ý làm cỏ và vun gốc
c. Cây lúa phát triển ở thời kì làm đòng cần vun gốc
d. Khi cây đậu ra hoa cần xới gốc và vun cao
e. Khi lúa, lạc bị sâu, bệnh hại nên bơm nước ngập hết cây sẽ diệt được sâu bệnh hại

Câu 2: Điền tiếp vào các câu sau cho phù hợp

a. Khi cây lúa sắp làm đòng nên bón thúc phân bằng phân.....
b. Dùng phân đạm bón thúc cho rau bằng cách.....

c. Tưới nước cho lúa bằng cách.....còn tưới cho rau bằng cách.....

d. Dụng cụ làm cỏ cho lúa là.....dụng cụ làm cỏ cho rau là.....

Câu 3: Khi bón phân hữu cơ nên bón phân hoai để:

a. Giảm chi phí chăm sóc cây trồng.

b. Chất dinh dưỡng ở dạng dễ phân hủy, cây hút dễ dàng .

c. Tạo điều kiện cho phân tiếp tục hoai mục.

d. Cả a và c.

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 4’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm : phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Hãy cho biết ưu, nhược điểm của các phương pháp tưới nước cho cây?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

1. Phương pháp tưới ngập

- Ưu điểm: Điều hòa nhiệt độ của cây trồng, kìm hãm sự phát triển của cỏ dại, giảm bớt nồng độ các chất có hại.
- Nhược điểm: Giảm độ thoáng khí, giảm hđ của các VSV trong đất, tốn nhiều nước...

2. Tưới thấm

- Ưu điểm: Đất mặt vẫn tơi xốp, kết cấu đất ít bị phá vỡ, đất ít bị bào mòn, chất dinh dưỡng ko bị rửa trôi...
- Nhược điểm: Lãng phí nước ở cuối rãnh, tốn công làm rãnh

3. Tưới vào gốc cây
- Ưu điểm: Đơn giản, nhanh
- Nhược điểm: chỉ áp dụng cho một loại cây nhất định, số lượng cây ít

4. Tưới phun mưa
- Ưu điểm: tiết kiệm nước, thích hợp mọi địa hình, ko gây xói mòn đất, ko phá vỡ kết cấu đất, ...
- Nhược điểm: tốn tiền xây dựng hệ thống, kĩ thuật tưới phức tạp, chất lượng tưới bị ảnh hưởng bởi thời tiết...

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 1’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Tìm hiểu xem ở gđ, đp em ngoài những biện pháp đã học còn biện pháp nào nữa để chăm sóc cây trồng?

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản
- Tìm hiểu cách thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản ở địa phương

*** Rút kinh nghiệm**

Tuần 20
Ngày soạn: 9/1/
Dạy ngày : 15/1/

# Tiết 21: THU HOẠCH, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

## I. Mục tiêu:

**1.Kiến thức**:

- Trình bày được yêu cầu và phương pháp thu hoạch phù hợp với loại sản phẩm để đảm bảo số lượng, chất lượng, đáp ứng mục đích sử dụng.
- Bổ sung được các VD về thu hoạch sản phẩm trồng trọt ở địa phương và nêu được ưu, nhược điểm của mỗi phương pháp đó.
- Nêu được mục đích chung của bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, đk cơ bản về sản phẩm và phương tiện để bảo quản tốt mỗi loại sản phẩm có đặc điểm về thành phần cấu tạo, hoạt động sinh lí khác nhau.
- Nêu các phương pháp bảo quản và giải thích cơ sở khoa học của mỗi phương pháp đó. Lấy VD minh hoạ.
- Trình bày được mục đích cơ bản của việc chế biến sản phẩm trồng trọt, các phương pháp chế biến tương ứng với từng loại sản phẩm. Liên hệ ở địa phương những sản phẩm được chế biến và chỉ ra ưu, nhược điểm của cách chế biến đó.

**2. Kỹ năng**:

- Hình thành được các kỹ thuật thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức cùng gia đình thu hoạch, bảo quản sản phẩm cây rau, màu đúng kĩ thuật để tăng giá trị kinh tế.

**4. Phát triển năng lực**:

- Tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự đánh giá và đánh giá, tổ chức…..

**II. Chuẩn bị.**

**1. Giáo viên**:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
- Hình 31, 32 sgk, sưu tầm tranh vẽ về phương pháp thu hoạch bằng thủ công và cơ giới.

**2. Học sinh**:

Xem trước bài 20, tìm hiểu cách thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản ở địa phương

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy và học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu các biện pháp chăm sóc cây trồng.
2. Phương thức: Hđ nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**-** GV đưa ra tình huống để HS giải quyết: GĐ bạn A có trồng vườn cà chua khi cây đậu quả và chờ cho quả chìn thì thu hoạch. Nhưng GĐ nhà bạn A Không làm vậy mà ngược lại dùng thuốc để phun cho quả nhanh chín và khi chín quả sẽ không bị thối và vỏ quả sẽ đẹp hơn . Theo em cách làm như vậy đúng hay sai? Em hãy giải thích

- HS tiếp nhận

**Thực hiện nhiệm vụ*

- HS thảo luận theo nhóm

- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn

- Dự kiến sản phẩm:

Hs trình bày theo ý hiểu của mình: Nói lên tầm quan trong của việc thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản...

**** Báo cáo kết quả***

Đại diện nhóm trình bày

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Năng xuất cao và phẩm chất tốt của cây trồng là mục tiêu đạt tới của ngành trồng trọt, ngoài yếu tố giống và kỹ thuật canh tác, thì thu hoạch, bảo quản  là khâu cuối cùng quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Vậy thu hoạch, bảo quản, chế biến thế nào có hiệu quả nhất, chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học,

**B.  Hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
|---|---|
| 1. Mục tiêu :  Trình bày được yêu cầu khi thu hoạch<br>2. Phương thức:<br>*- Hoạt động nhóm nhỏ ( theo bàn)*<br>3. Sản phẩm hoạt động<br>*- Phiếu học tập của cá nhân*<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>*- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*<br>5. Tiến trình hoạt động<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>*- Giáo viên yêu cầu…*<br>G đưa bài tập: Cho các cây trồng ở những gđ sau đây:<br>1. Lúa ở các gđ:<br>a. Hạt vừa và chắc<br>b. Hạt chín, vàng đều<br>c. Hạt chín, bông rủ<br>2. Cải bắp ở các gđ: | **<u>I.Thu hoạch: 15’</u>**<br>***1.Yêu cầu:***<br>- Thu hoạch đúng độ chín, nhanh gọn và cẩn thận |

| | |
|---|---|
| a. Vừa cuốn<br>b. Vừa cuốn dầy<br>c. Cuốn dầy, nứt đầu bắp<br>3. Đậu xanh ở các giai đoạn<br>● Quả vàng đều<br>● Qủa chuyển màu đen đều<br>● Quả vàng đen nứt vỏ<br>? Nên thu hoạch ở gđ nào sẽ có ns và chất lượng tốt nhất?<br>? Vì sao không nên thu hoạch ở các giai đoạn còn lại?<br>? Thu hoạch nông sản cần đảm bảo yêu cầu thế nào?<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>*- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi*<br>*- Giáo viên quan sát các nhóm tl*<br>*- Dự kiến sản phẩm*:<br>+ 1b, 2b, 3b.<br>+ Non quá hay già quá đều giảm chất lượng và sản lượng<br>+ Đúng độ chín, nhanh gọn và cẩn thận<br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện nhóm hs báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức<br><br>1. Mục tiêu : - Trình bày được phương pháp thu hoạch phù hợp với loại sản phẩm để đảm bảo số lượng, chất lượng, đáp ứng mục đích sử dụng.<br>2. Phương thức:<br>*- Hoạt động cặp đôi*<br>3. Sản phẩm hoạt động | ***2.Thu hoạch bằng phương pháp nào?***<br>Hái, nhổ, đào, cắt |

| | |
|---|---|
| *- Phiếu học tập của cá nhân*<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>*- Học sinh đánh giá lẫn nhau.*<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>*- Giáo viên yêu cầu…*<br>+ Quan sát Hình 31, điền tên các phương pháp thu hoạch vào vở? cho VD loại cây trồng nào đc thu hoạch theo pp trên?<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>*- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi*<br>*- Giáo viên quan sát các nhóm tl*<br>*- Dự kiến sản phẩm*:<br>a. Hái ( Đỗ, đậu, cam, quýt…)<br>b. Nhổ ( Su hào, sắn…)<br>c. Đào ( Khoai lang, khoai tây)<br>d. Cắt ( Hoa, lúa, bắp cải<br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện nhóm hs báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức<br>GV: Yêu cầu HS<br>HS: Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi theo phiếu học tập.<br>GV: Treo đáp án các câu hỏi đồng thời cho các nhóm chuyển chéo phiếu học tập và nhận xét lẫn nhau.<br>HS: Chuyển phiếu học tập, kiểm tra đáp án, nhận xét nhóm bạn.<br><br>1. Mục tiêu : - Nêu được mục đích chung của bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, đk cơ bản về sản phẩm và phương tiện để bảo quản tốt mỗi loại sản | **II. Bảo quản: 10’**<br>1.Mục đích.<br>- Bảo quản để hạn chế hao hụt về số lượng, giảm sút chất lượng nông sản.<br>2.Các điều kiện để bảo quản tốt. |

| | |
|---|---|
| phẩm có đặc điểm về thành phần cấu tạo, hoạt động sinh lí khác nhau.<br>- Nêu các phương pháp bảo quản và giải thích cơ sở khoa học của mỗi phương pháp đó. Lấy VD minh hoạ.<br>2. Phương thức:<br>- *Hoạt động cá nhân*<br>3. Sản phẩm hoạt động: Trình bày miệng<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>- *Học sinh đánh giá lẫn nhau.*<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- *Giáo viên yêu cầu…*<br>Tìm hiểu thông tin trong sgk trả lời các câu hỏi sau:<br>1. Tại sao phải bảo quản nông sản? Lấy VD minh họa?<br>2. Thường bảo quản nông sản trong điều kiện nào?<br>3. Nêu các cách bảo quản nông sản? Kể tên nông sản áp dụng cách đó?<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>- *Học sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi*<br>- *Giáo viên quan sát*<br>- *Dự kiến sản phẩm*:<br>1.Mục đích.<br>2.Các điều kiện để bảo quản tốt.<br>3.Phương pháp bảo quản.<br>- Bảo quản thông thoáng.<br>- Bảo quản kín.<br>- Bảo quản lạnh<br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện nhóm hs báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | - Đối với các loại hạt phải được phơi, sấy khô để làm giảm lượng nước trong hạt tới mức độ nhất định.<br>- Đối với rau quả phải sạch sẽ, không giập nát.<br>- Kho bảo quản phải khô ráo, thoáng khí, có hệ thống thông gió và được khử trùng.<br><u>3.Phương pháp bảo quản.</u><br>- Bảo quản thông thoáng.<br>- Bảo quản kín.<br>- Bảo quản lạnh.<br><br>**<u>III. Chế biến nông sản: 7’</u>** |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức<br><br>1. Mục tiêu : Trình bày được mục đích cơ bản của việc chế biến sản phẩm trồng trọt, các phương pháp chế biến tương ứng với từng loại sản phẩm.<br>2. Phương thức:<br>- *Hoạt động cặp đôi*<br>3. Sản phẩm hoạt động<br>- *Phiếu học tập*<br>4. Phương án kiểm tra, đánh giá<br>- *Học sinh đánh giá lẫn nhau.*<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- *Giáo viên yêu cầu…*<br>Tìm hiểu thông tin trong sgk thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau:<br>1. Tại sao phải chế biến nông sản? Lấy VD chứng minh nhờ chế biến mà tăng giá trị và kéo dài thời gian bảo quản<br>2. Cần chế biến như thế nào với những sản phẩm sau đây: vải, sắn, ngô, cải...<br>***Thực hiện nhiệm vụ***<br>- *Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi*<br>- *Giáo viên quan sát các cặp tl*<br>- *Dự kiến sản phẩm*:<br>1.Mục đích.<br>- VD: Mận, mơ... chế biến thành xirô, vải chế biến đóng hộp sẽ tăng chất lượng sp và kéo dài thời gian bảo quản so với giữu quả ở dạng tươi.<br>2. Phương pháp chế biến: Sấy khô, chế thành bột, chế xiro...<br>***Báo cáo kết quả:***<br>Đại diện cặp hs báo cáo kết quả.<br>***Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | - Mục đích: Tăng giá trị sản phẩm, kéo dài thời gian bảo quản<br>- Các phương pháp:<br>+ Sấy khô như sắn, nhãn, vải,…<br>+ Chế biến thành bột mịn: Sắn, khoai, ngô, đỗ,…<br>+ Chế biến bằng muối chua: Dưa, cà,…<br>+ Đóng hộp: Dứa, vải, mơ, mận,… |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức | |

## C. Hoạt động luyện tập: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu 1: Chọn câu đúng nhất

Cơ sở của việc bảo quản nông sản là:

a. Giảm thiểu hoạt động sinh lí, sinh hóa trong nông sản
b. Giảm thiểu sự tiếp súc trong không khí
c. Giảm thiểu sự phá hủy của sinh vật với nông sản
d. Giảm thiểu sự phá hủy của sinh vật với nông sản và hoath động sinh hóa của sản phẩm
e. Nâng cao trách nhiệm của người quản lí

Câu 2: Hãy ghi tên các nông sản sao cho phù hợp với các cách bảo quản và chế biến cho phù hợp

1. Bảo quản kín
2. Bảo quản lạnh
3. Sấy khô
4. Muối chua
5. Đóng hộp

Tên các nông sản: thóc, ngô, gạo,cà chua,khoai tây, rau cải, xu hào, mơ, dứa ,nhãn, quả cà phê, dừa, nhãn, sắn, hạt đậu xanh

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Câu trả lời của hs

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

1. Thu hoạch có ảnh hưởng ntn đến việc bảo quản? Bảo quản và chế biến có điểm gì giống và khác nhau.

2. Ở địa phương em còn có pp thu hoạch nào nữa. So sánh với các phương pháp em đã học?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

1. Thu hoạch đạt YCKT tạo thuận lợi cho bảo quản, thu hoạch ko đạt yêu cầu sẽ khó hoặc không bảo quản được

Giống nhau: cùng 1 mục đích

Khác nhau: Bảo quản là giữ nguyên trạng thái sp. Chế biến là thay đổi trạng thái ban đầu, tăng giá trị sử dụng.

2. Thu hoạch bằng máy ( máy gặt)

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Tìm hiểu xem ở gđ em khi thu hoạch và bảo quản, chế biến 1 loại nông sản nhà em làm ra làm như thế nào.

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* Thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài: Luân canh, xen canh, tăng vụ
- Tìm hiểu ở đp xem người ta thường luân canh, xen canh, tăng vụ như thế nào trên một khu đất trong một năm.

*** Rút kinh nghiệm**

---

Tuần 20

Ngày soạn: 9/1/

Dạy ngày : 17/1/

## Tiết 21: LUÂN CANH, XEN CANH, TĂNG VỤ

### I. Mục tiêu bài học.

**1. Kiến thức**:

- Trình bày các khái niệm: luân canh, xen canh, tăng vụ. Nêu được tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ. Lấy được ví dụ về xen canh, luân canh, tăng vụ.
- Nêu được các loại hình luân canh, giải thích được những căn cứ để xác định loại hình luân canh phù hợp, lấy được VD về loại hình luân canh ở địa phương và nhận xét ưu, nhược điểm của loại hình luân canh đã nêu.
- Trình bày được mục đích của xen canh, loại cây trồng có thể xen canh với nhau. Nêu VD cây trồng ở địa phương thường xen canh.
- Trình bày được mục đích, đk để tăng vụ, nêu được VD về các cây có thể trồng trên 1 khu đất để tăng vụ nói chung và ở địa phương nói riêng.

- Xác định được những lợi ích và nhược điểm nảy sinh, đề xuất biện pháp khắc phục khi thực hiện luân canh, xen canh, tăng vụ.

**2. Kỹ năng**:

- Rèn luyện các kỹ năng trong trồng trọt.
- Vận dụng, liên hệ vào thực tế.

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục ý thức không nên trồng một loại cây trồng nào đó liên tục trong nhiều vụ.

**4. Phát triển năng lực**:

- Tự học, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự đánh giá và đánh giá, tổ chức…..

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. GV: N/c SGK, tài liệu tham khảo, chuẩn bị hình 33. Xen canh

   Bảng phụ

2. HS: Đọc SGK liên hệ các cách thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản ở địa phương.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy và học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu về luân canh, xen canh, tăng vụ.
2. Phương thức: Hđ cá nhân
3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng
4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**-** GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi

+ Bảo quản nông sản nhằm mục đích gì và bằng cách nào?

+ Người ta thường chế biến nông sản bằng cách nào cho VD?

- HS tiếp nhận

**Thực hiện nhiệm vụ*

- HS suy nghĩ trả lời

- GV quan sát

- Dự kiến sản phẩm:

+ mục đích và phương pháp bảo quản nông sản

+ các cách chế biến nông sản

**** Báo cáo kết quả***

Hs trình bày nhanh

**** Đánh giá kết quả***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Một trong những nhiệm vụ vủa trồng trọt là tăng số lượng và chất lượng của sản phẩm. Một trong những cách tăng số lượng chất lượng sản phẩm là luân canh xen canh tăng vụ . Vậy luân canh, xen canh, tăng vụ là như thế nào chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **HĐ1.Tìm hiểu các khái niệm về luân canh, xen canh, tăng vụ**<br><br>1. Mục tiêu : - Trình bày được khái niệm luân canh. Lấy được ví dụ về luân canh.<br>- Nêu được các loại hình luân canh, giải thích được những căn cứ để xác định loại hình luân canh phù hợp, lấy được VD về loại hình luân canh ở địa phương và nhận xét ưu, nhược điểm của loại hình luân canh đã nêu.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | **I. Luân canh, xen canh, tăng vụ. 15'**<br>- Là những phương thức canh tác phổ biến trong sản xuất.<br><u>1. Luân canh</u><br>- Tiến hành gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên một đơn vị diện tích.<br>- Tiến hành theo quy trình:<br>+ Luân canh giữa các cây trồng cạn với nhau.<br>+ Luân canh giữa cây trên cạn và cây dưới nước. |

| | |
|---|---|
| - GV yêu cầu: Gv Chiếu bài tập<br>- Khu đất A, trong một năm người ta trồng như sau: Lúa chiêm, lúa mùa<br>-Khu đất B: trong một năm người ta trồng như sau: Khoai lang- lúa xuân- Lúa mùa<br>- Khu đất C, trong một năm người ta trồng như sau: Rau- Đậu- Lúa mùa<br>?Khu đất nào đã trồng luân canh? Vì sao gọi đó là luân canh?<br>? Nêu các loại hình luân canh<br>? Để luân canh một cách hợp lí ta cần chú ý những yếu tố nào? Tại sao<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs thảo luận, cử thư ký ghi lại kết quả thảo luận<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>- Cần chú ý đến các yếu tố: mức độ tiêu thụ chất dinh dưỡng nhiều hay ít và khả năng chống sâu,bệnh của mỗi loại cây trồng.<br>- Vì nếu gieo trồng các loại cây cùng tiêu thụ nhiều chất dinh dưỡng liên tục sẽ làm đất thiếu chất dinh dưỡng không đủ cung cấp cho cây.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức<br>? Qua đó khi gieo trồng cần tránh hình thức nào? Vì sao?<br>- Độc canh. Học sinh nêu ý kiến. | |

| | |
|---|---|
| ? Liên hệ vận dụng: Em hãy nêu ví dụ về loại hình luân canh cây trồng mà em biết?<br>HS: Trả lời.<br><br>1. Mục tiêu : Trình bày được mục đích của xen canh, loại cây trồng có thể xen canh với nhau. Nêu VD cây trồng ở địa phương thường xen canh.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV treo hình vẽ 33 SGK và giới thiệu đây là công thức xen canh giữa ngô và đậu tương.<br>? Em nào cho ví dụ khác về xen canh?<br>?Xen canh là gì? Mục đích của xen canh? Khi xen canh cần chú ý điều gì?<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi<br>- GV quan sát<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Chú ý: Mức độ tiêu thụ chất dinh dưỡng, độ sâu của dễ và tính chịu bóng dâm để đảm bảo cho việc xen canh có hiệu quả.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>HS trả lời.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức | <u>2.Xen canh.</u><br>- Trên cùng 1 diện tích, trồng xen thêm 1 loại cây khác nhằm tận dụng chất dinh dưỡng, ánh sáng và tăng thêm thu hoạch |

| | |
|---|---|
| ? Trên một thửa ruộng người ta trồng một nửa là ớt, một nửa là ngô, có gọi là xen canh không? Vì sao?<br>HS: Không phải là xen canh. Vì không trồng xen và không tăng thêm thu hoạch trên cùng diện tích.<br><br>1. Mục tiêu : Trình bày được mục đích của tăng vụ, đk để tăng vụ, nêu được VD về các cây có thể trồng trên 1 khu đất để tăng vụ nói chung và ở địa phương nói riêng.<br>2. Phương thức: Hđ cá nhân<br>3. Sản phẩm hoạt động: trình bày miệng<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- Gv yêu cầu<br>?Em hãy lấy ví dụ về tăng vụ mà em biết? Vì sao gọi đó là tăng vụ?<br>Thế nào là tăng vụ?<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs suy nghĩ trả lời<br>- GV quan sát<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>- Là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên 1 đt đất.<br>* Báo cáo kết quả<br>1 HS trả lời<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | <u>3.Tăng vụ.</u><br>- Là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên 1 đt đất. |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức<br>?Ở địa phương em trồng được mấy vụ trên năm?<br>**HĐ2.Tìm hiểu về tác dụng của luân canh..**<br>1. Mục tiêu : - Trình bày được tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập của nhóm<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu<br>Các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập (Bài tập SGK/ Trang 51)<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs thảo luận, cử thư ký ghi lại kết quả thảo luận<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ tăng độ phì nhiêu điều hoà dinh dưỡng và giảm sâu bệnh.<br>- đất, ánh sáng và giảm sâu bệnh.<br>- sản phẩm thu hoạch.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức | **II.Tác dụng của luân canh, xen canh tăng vụ: 15’**<br>- Luân canh làm cho đất tăng độ phì nhiêu điều hoà dinh dưỡng và giảm sâu bệnh.<br>- Xen canh sử dụng hợp lý đất, ánh sáng và giảm sâu bệnh.<br>- Tăng vụ góp phần tăng thêm sản phẩm thu hoạch. |

| | |
|---|---|
| | |

## C. Hoạt động luyện tập: 3’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu 1: Em hãy điền các cụm từ thích hợp vào chỗ trống( trước chỉ gieo trồng 1 vụ, nay gieo trồng 2 vụ . Trồng 2 cây trên cùng 1 đơn vị diện tích, cây thứ 2 trồng xen dưới phần đất troongfscuar loại cây thứ nhất ,mỗi vụ trồng 1 loại cây khác nhautreen cùng diện tích

a. .....gọi là luân canh
b. .....gọi là xen canh
c. .....gọi là tăng vụ

Câu 2: Câu nào đúng nhất

Luân canh có tác dụng

a. Tăng chất lượng sản phẩm
b. Tăng độ phì nhiêu của đất
c. Giảm sâu bệnh hại
d. Tận dụng được ánh sáng
e. Điều hòa ding dưỡng, giảm sâu bệnh

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Mỗi vụ trồng một loại cây khác nmhau

Cây thứ 2 trồng xen dưới phần đất trống của cây thứ nhất

Trước chỉ trồng 1 vụ nay trồng 2 vụ

Câu 2: e

Câu trả lời của hs

***Báo cáo kết quả:***

Hs trả lời nhanh

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 6’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm : phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Câu 1: Trên 1 thửa ruộng thu hoạch lúa mùa, trồng ngô, tiếp theo trông khoai lang và đậu xanh trên luống khoai lang, thu hoạch khoai lang xong lại trống lúa mùa. Hãy xác định đặc điểm tăng vụ, xen canh, luân canh

Câu 2: ở địa phương em đã áp dụng các biện pháp luân canh ,xen canh chưa? Nếu đã áp dụng em hãy lấy V D cụ thể ?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm:

+ Trồng lúa ngô khoai là tăng vụ

+ Khoai với đậu trên cùng 1 diện tích là xen canh

+ Vụ trước: lúa, vụ sau ngô, tiếp nữa là khoai lang là luân canh

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs

Về nhà tìm hiểu ở vùng mình đang sống hoặc huyện, xã lân cận xem người ta thường luân canh trên 1 khu đất ntn, xen canh những cây gì với nhau trong 1 vụ, trồng mấy vụ trên 1 khu đất trong 1 năm.

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* Thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Ôn tập lại chương II SGK.

*** Rút kinh nghiệm**:

Tuần 21

Ngày soạn: 16/1/

Ngày dạy: 22/1/

# PHẦN 2: LÂM NGHIỆP

## CHƯƠNG I: KỸ THUẬT GIEO TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY RỪNG

### Bài 22: VAI TRÒ CỦA RỪNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA TRỒNG RỪNG

**I. Mục tiêu bài học.**

**1. Kiến thức**:

- Xác định được các vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường.
- Nêu được thực trạng rừng của nước ta hiện nay về diện tích rừng, độ che phủ, diện tích đồi trọc biến đổi từ năm 1943 đến 1995. liên hệ đến biến đổi về thiên tai trong những năm gần đây, rút ra kết luận về mối quan hệ giữa diện tích rừng che phủ bị giảm và thiên tai xảy ra.
- Nêu được các nhiệm vụ của việc trồng rừng ở nước ta nói chung và ở địa phương nói riêng.

**2. Kỹ năng**:

- Rèn luyện kỹ năng quan sát hình vẽ, đồ thị.

**3. Phẩm chất**:

- Có ý thức trong việc bảo vệ, phát triển rừng và bảo vệ môi trường hiện nay.

**4. Phát triển năng lực**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II. Chuẩn bị.**

**1. Giáo viên**:

- Kế hoạch bài học, phiếu học tập, tài liệu tham khảo.
- Hình 34, 35 sgk, sưu tầm hình ảnh có liên quan đến bài dạy.

**2. Học sinh**:

Xem trước bài 22 .

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học.**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1. Mục tiêu : Huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs, kích thích học sinh tìm hiểu về vai trò của rừng và nhiệm vụ của trồng rừng.
2. Phương thức: Hđ nhóm
3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập
4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

5. Tiến trình hoạt động

**** Chuyển giao nhiệm vụ***

**G:** Ta đã học xong phần Trồng trọt. Hôm nay ta học thêm một phần nữa không kém phần quan trọng. Đó là phần Lâm nghiệp. Em hãy liên hệ với thực tế để trả lời các câu sau:

Phiếu học tập:

**?** Theo em, rừng đem lại những lợi ích gì cho con người và môi trường.

**?** Kể tên các đồ dùng, thực phẩm, thuốc trong gđ có nguồn gốc từ rừng.

**?** Kể tên một số loại cây rừng mà em biết.

H: Tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ***

- HS Hđ nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn

- GV quan sát

Dự kiến sản phẩm:

- Vai trò: Bảo vệ môi trường, cung cấp lâm sản....
- Đồ dùng: bàn ghế...
- Cây rừng: Lim, đước...

**** Báo cáo kết quả***

**-** đại diện một nhóm trả lời

***Đánh giá kết quả***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...* Như chúng ta đã biết, rừng có vai trò rất to lớn đối với đời sống, với sản xuất và kinh tế của mỗi gia đình và quốc gia, giờ hôm nay các em sẽ được nghiên cứu từng vai trò của rừng, thực trạng của rừng nước ta hiện nay, để từ đó thấy đc mỗi cta cần hành động thế nào để phát triển rừng, phục vụ tốt cho cs của mỗi con người.

*->Giáo viên nêu mục tiêu bài học…*

## B. Hoạt động hình thành kiến thức

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bảng** |
|---|---|
| **<u>HĐ1.Tìm hiểu vai trò của rừng và trồng rừng.: 15’</u>**<br>1. Mục tiêu : Xác định được các vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường.<br>2. Phương thức: Hđ nhóm | **<u>I. Vai trò của rừng và trồng rừng.</u>**<br>- Làm sạch môi trường không khí hấp thụ các loại khí độc hại, bụi trong không khí.<br>- Phòng hộ: Chắn gió, cố định cát ven biển, hạn chế tốc độ dòng chảy |

| | |
|---|---|
| 3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu:<br>GV thông báo: Rừng là tài nguyên quý giá của đất nước là bộ phận quan trọng của môi trường sống ảnh hưởng tới đời sống sản xuất của xã hội, tranh hình 34.<br>Dựa vào các hình vẽ ở Hình 34 SGK Em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận về vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất?<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs thảo luận, cử thư ký ghi lại kết quả thảo luận<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+Hình a: làm sạch môi trường không khí: hấp thụ các loại khí cacbonic, bụi trong không khí thải ra khí oxi.<br>+Hình b: chống xói mòn, chắn gió, hạn chế tốc độ dòng chảy.<br>+Hình c: Xuất khẩu.<br>+Hình d: Cung cấp nguyên liệu lâm sản cho gia đình.<br>+Hình e: Phục vụ nghiên cứu.<br>+Hình g: Phục vụ du lịch, giải trí.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.<br>****Đánh giá kết quả:*** | và chống xoáy mòn đất đồi núi, chống lũ lụt.<br>- Cung cấp lâm sản cho gia đình, công sở, giao thông, công cụ sản xuất, nguyên liệu sản xuất, xuất khẩu.<br>- Nghiên cứu khoa học, sinh hoạt văn hoá: Bảo tồn các hệ thống sinh thái rừng tự nhiên, các nguồn gen động, thực vật, di tích lịch sử, tham quan dưỡng bệnh. |

| | |
|---|---|
| - Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức<br>GV thông báo những tác hại to lớn do phá rừng gây ra như lũ lụt hạn hán<br>? Lấy ví dụ về tài nguyên rừng<br>?Vì sao có rừng thì nước mưa không chảy tràn trên mặt đất.<br>? vì sao rừng phát triển hạn chế lũ lụt<br>?Vì sao rừng làm cho không khí trong lành<br>**<u>HĐ2: Tìm hiểu nhiệm vụ của trồng rừng ở nước ta: 15'</u>**<br>1. Mục tiêu : - Nêu được thực trạng rừng của nước ta hiện nay<br>2. Phương thức: Hđ nhóm<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu:<br>GV thông báo: Trước đây rừng chỉ cách thành thăng long vài chục cây số. nay chỉ còn vùng núi cao còn khoảng 10% rừng bao phủ.<br>Gv cho hs quan sát H35, G giải thích diện tích rừng tự nhiên, độ che phủ của rừng, diện tích đồi trọc.<br>? Em thấy diện tích rừng tự nhiên, độ che phủ của rừng và diện tích đồi trọc thay đổi như thế nào từ năm 1943 đến năm 1995?<br>? Điều đó đã chứng minh điều gì? | **<u>II. Nhiệm vụ của trồng rừng ở nước ta.</u>**<br><u>1.Tình hình rừng ở nước ta.</u><br>- Rừng ở nước ta bị tàn phá nghiêm trọng, diện tích và độ che phủ của rừng giảm nhanh.<br>- Diện tích đất hoang, đồi trọc ngày càng tăng. |

| | |
|---|---|
| ? Em có biết rừng bị phá hại, diện tích rừng bị suy giảm là do nguyên nhân nào không?<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs thảo luận, cử thư ký ghi lại kết quả thảo luận<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>- Diện tích rừng tự nhiên và độ che phủ của rừng giảm nhanh còn diện tích đồi trọc càng tăng.<br>- Tình hình rừng ở nước ta trong thời gian qua bị tàn phá nghiêm trọng.<br>- Rừng bị suy giảm là do khai thác bừa bãi, khai thác cạn kiệt, đốt rừng làm nương rẫy và lấy củi, phá rừng khai hoang,…mà không trồng rừng thay thế.<br>* Báo cáo kết quả<br>- Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức<br><br>1. Mục tiêu : Nêu được các nhiệm vụ của việc trồng rừng ở nước ta nói chung và ở địa phương nói riêng.<br>2. Phương thức: Hđ cặp đôi<br>3. Sản phẩm hoạt động: phiếu học tập<br>4. Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- GV đánh giá<br>5. Tiến trình hoạt động | <u>2.Nhiệm vụ của trồng rừng.</u><br>- SGK. |

| | |
|---|---|
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- GV yêu cầu:<br>G: Rừng là lá phổi của trái đất nhưng từ 1943 - 1995 nước ta đã mất khoảng 6 triệu ha rừng.<br>Yêu cầu học sinh đọc phần thông tin mục II.2 và trả lời các câu hỏi:<br>Phiếu học tập:<br>? Phải trồng thêm để luôn phủ xanh bao nhiêu ha rừng so với năm 1995?<br>? Trồng những loại rừng nào? Nói rõ đặc điểm của mỗi loại rừng đó?<br>? Ở địa phương em, nhiệm vụ trồng rừng nào là chủ yếu, vì sao?<br>- Học sinh tiếp nhận<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs thảo luận<br>- GV quan sát giúp đỡ hs gặp khó khăn<br>- Dự kiến sản phẩm:<br>+ Thường xuyên phủ xanh 19,8 ha đất lâm nghiệp.<br>- Trồng rừng sản xuất: Lấy nguyên liệu phục vụ đời sống và sản xuất.<br>- Trồng rừng phòng hộ: đầu nguồn, venbiển.....<br>-Trồng rừng đặc dụng: vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên....<br>- Tuỳ theo địa phương mà các em trả lời<br>**** Báo cáo kết quả***<br>- Đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.<br>****Đánh giá kết quả:***<br>- Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức<br>? hãy nêu 1 số VD về trồng rừng đặc dụng<br>- Ví dụ: vườn quốc gia Cúc Phương, Cát Bà, Cát Tiên,…. | |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

2.Phương thức: Hđ cá nhân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi

1- Rừng và trồng rừng có vai trò như thế nào?

2- Nêu những nhiệm vụ của trồng rừng..

3- Là học sinh em phải làm gì để bảo vệ rừng và môi trường sống?

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: Câu trả lời của hs

Câu 3.

+ Tham gia trồng cây xanh, có ý thức bảo vệ rừng

+ chăm sóc vườn hoa cây cảnh ở trường, gia đình, địa phương.

+ tuyên truyền cho mọi người xung quanh mình về những tác hại của chặt phá rừng, và cần phải bảo vệ rừng

+ Báo cho cơ quan chức năng nếu phát hiện những hành vi chặt phá rừng

***Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chiếu kết quả

## D. Hoạt động vận dụng: 4’

1.Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2.Phương thức: Hđ nhóm

3.Sản phẩm : phiếu học tập của nhóm

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình hoạt động

***Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Viết bài mô tả về đặc điểm và vai trò của rừng tại địa phương:

- Mô tả về đặc điểm rừng tại địa phương: các loại cây chính, giá trị sử dụng của các loại cây.

- Nêu ý nghĩa của rừng đối với đp.

- Nêu những việc cần làm để bảo vệ rừng tại đp.

- Hs tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, thảo luận làm bài
- GV theo dõi
- Dự kiến sản phẩm: tùy theo từng địa phương các e viết bài thu hoạch

***Báo cáo kết quả:***

Đại diện nhóm báo cáo kết quả

***Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chốt kiến thức

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng: 1’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Hđ cá nhân, trao đổi với người thân

3.Sản phẩm : Câu trả lời của Hs vào vở

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình hoạt động

<u>* GV giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Nghiên cứu tài liệu và viết bài về 1 trong số các khu vực rừng tự nhiên quan trọng ở Việt Nam hoặc trên thế giới.

- Đọc có thể em chưa biết sgk/57

Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ

* Thực hiện nhiệm vụ

+ Đọc yêu cầu

+ Về nhà suy nghĩ trả lời

- Đọc và xem trước bài 23 sgk

*** Rút kinh nghiệm**

.

**Tuần 21**

Ngày soạn:15/01/

Ngày dạy: /1/

**Tiết 24 Bài 23:**

**LÀM ĐẤT GIEO ƯƠM CÂY RỪNG**

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Hiểu được các điều kiện khi lập vườn gieo ươm.
- Hiểu được các công việc cơ bản trong quá trình làm đất khai hoang
- Hiểu được cách cải tạo nền đất để gieo ươm cây rừng.

***2. Kĩ năng:***

-Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

***3.Thái độ***:

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 23, phóng to sơ đồ hình 26 SGK
- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động : 5'**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:
Câu 1: Rừng có vai trò gì trong đời sống và sản xuất của xã hội?
Câu 2: Em hãy nêu nhiệm vụ trồng rừng của nước ta trong thời gian tới?
HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.
C1: - Làm sạch môi trường không khí hấp thụ các loại khí độc hại, bụi không khí.
- Phòng hộ: Chắn gió, cố định cát ven biển, hạn chế tốc độ dòng chảy và chống xoáy mòn đất đồi núi, chống lũ lụt.
- Cung cấp lâm sản cho gia đình, công sở giao thông, công cụ sản xuất, nguyên liệu sản xuất, xuất khẩu.
- Nguyên liệu khoa học, sinh hoạt văn hoá. Bảo tồn các hệ thống sinh thái rừng tự nhiên, các nguồn gen động, thực vật, di tích lịch sử, tham quan dưỡng bệnh.
C2: - Trồng rừng sản xuất:Lấy nguyên liệu phục vụ đời sống và sản xuất.
-Trồng rừng phòng hộ:đầu nguồn,ven biển.....
-Trồng rừng đặc dụng:vườn quốc gia,khu bảo tồn thiên nhiên....

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.
GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Để thực hiện được nhiệm vụ trồng rừng điều quan trọng là phải tạo được nhiều cây giống.Muốn có nhiều cây giống phải có vườn ươm . Vậy chọn địa điểm làm vườn ươm phải như thế nào và làm đất gieo ươm như thế nào .Bài hôm nay chúng ta đi giải quyết vấn đề này

B. **Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu cách lập vườn ươm cây rừng.: 15'** | **I. Lập vườn ươm cây rừng.** |

| | |
|---|---|
| 1.Mục tiêu : - Hiểu được các điều kiện khi lập vườn gieo ươm.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>C1:Vườn gieo ươm là nơi dùng để làm gì?<br>C2: Để thực hiện nhiệm vụ của vườn ươm ta cần chọn nơi đặt vườn gieo ươm cần có những điều kiện gì?Vì sao?<br>C3: Vườn ươm đặt ở nơi đất sét có được không tại sao?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>C1: Vườn gieo ươm là nơi sản xuất cây giống phục vụ cho việc trồng cây rừng.<br>C2: Đk lập vườn gieo ươm:<br>+ Đất cát pha hay đất thịt nhẹ, không có ổ sâu bệnh hại.<br>+ Độ PH từ 6 đến 7 ( Trung tính, ít chua).<br>+ Mặt đất bằng hay hơi dốc ( từ 2- 4$^o$).<br>+ Gần nguồn nước và nơi trồng rừng.<br>C3: ( K$^o$ vì chặt rễ, bị ngập úng khi mưa…).<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | **<u>1.Điều kiện lập vườn gieo ươm.</u>**<br>- 4 yêu cầu để lập một vườn gieo ươm.<br><br>+ Đất cát pha hay đất thịt nhẹ, không có ổ sâu bệnh hại.<br>+ Độ PH từ 6 đến 7 ( Trung tính, ít chua).<br>+ Mặt đất bằng hay hơi dốc ( từ 2- 4$^o$).<br>+ Gần nguồn nước và nơi trồng rừng. |

| | |
|---|---|
| **GV:** Cho học sinh quan sát hình 5 giới thiệu các khu vực trong vườn gieo ươm.<br>**GV mở rộng** :Xác định địa điểm vườn ươm cần thỏa mãn 2 điều kiện:<br>+Điều kiện tự nhiên tốt đảm bảo cây sinh trưởng,phát triển thuận lợi.<br>+Điều kiện kinh tế:giảm công vận chuyển nước tưới và vận chuyển cây con đến nơi trồng rừng.<br>**GV:** Giảng giải các giải pháp bảo vệ xung quanh vườn gieo ươm ( Trồng xen cây phân xanh, dứa dại, dây thép gai…).<br>**GV:** Theo em xung quanh vườn gieo ươm có thể dùng biện pháp nào để ngăn chặn phá hoại?<br>**<u>2.Tìm hiểu cách làm đất gieo ươm cây rừng</u>**: 15’<br>1.Mục tiêu : Hiểu được các công việc cơ bản trong quá trình làm đất khai hoang<br>Hiểu được cách cải tạo nền đất để gieo ươm cây rừng.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình | **<u>II.Làm đất gieo ươm cây rừng.</u>** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>Nêu quy trình kỹ thuật dọn cây hoang dại và làm đất tơi xốp?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>- Dọn cây dại và làm đất tơi xốp<br>- Cầy sâu bừa kĩ khử chua diệt ổ sâu bệnh<br>- Đập và san phẳng<br>- Đất tơi xốp<br>***Báo cáo kết quả:** | **<u>1.Dọn cây hoang dại và làm đất tơi xốp thao quy trình kỹ thuật</u>**.<br>- Dọn cây dại và làm đất tơi xốp<br>- Cầy sâu bừa kĩ khử chua diệt ổ sâu bệnh<br>- Đập và san phẳng<br>- Đất tơi xốp |

| | |
|---|---|
| - Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV:** Nhắc học sinh chú ý về an toàn lao động khi tiếp xúc với công cụ hoá chất…<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>Có mấy cách tạo nền đất gieo ươm cây rừng? Nêu cách tạo nền đất gieo ươm cây rừng?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>-GV: Cho HS quan sát H36 SGK<br>Dự kiến trả lời:<br>Có 2 cách: là lên lướng hoặc tạo bầu đất<br>Luống đất:<br>- Kích thước: Rộng 0,8- 1m, cao 0,15-0,2m, dài 10-15m.<br>- Bón phân lót: Hỗn hợp phân hữu cơ và phân vô cơ.<br>- Hướng luống: Nam – Bắc.<br>Bầu đất.<br>- Vỏ bầu hình ống hở hai đầu làm bằng nilông sẫm màu.<br>- Ruột bầu chứa 80-89% đất mặt tơi xốp với 10% phân hữu cơ và 20% phân lân.<br>- Dọn cây dại và làm đất tơi xốp<br>- Cầy sâu bừa kĩ khử chua diệt ổ sâu bệnh<br>- Đập và san phẳng<br>- Đất tơi xốp<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>Gv hỏi yêu cầu hs trả lời nhanh<br>? Vì sao phải chọn hướng Bắc Nam?<br>HS: : Vì cây con nhận đủ ánh sáng | **<u>2.Tạo nền đất gieo ươm cây rừng.</u>**<br>**<u>a) Luống đất:</u>**<br>- Kích thước: Rộng 0,8- 1m, cao 0,15-0,2m, dài 10-15m.<br>- Bón phân lót: Hỗn hợp phân hữu cơ và phân vô cơ.<br>- Hướng luống: Nam – Bắc.<br>**<u>b) Bầu đất.</u>**<br>- Vỏ bầu hình ống hở hai đầu làm bằng nilông sẫm màu.<br>- Ruột bầu chứa 80-89% đất mặt tơi xốp với 10% phân hữu cơ và 20% phân lân. |

| | |
|---|---|
| ? Vỏ bầu có thể làm bằng những nguyên liệu nào? | |

## C. Hoạt động luyện tập: 3’

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi.
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi: - Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 5’

1.Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : Nhà em có một khu đất bằng phẳng có kích thước mỗi chiều 60cm .hãy thiết kế vườn ươm cây rừng sao cho cây sinh trưởng tốt nhất

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu công việc gieo hạt ở địa phương.
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 24 SGK.

Tuần 22

Ngày soạn: 23/01/

Ngày dạy: /01/

**Tiết 25 - Bài 24:**
# GIEO HẠT VÀ CHĂM SÓC VƯỜN GIEO ƯƠM CÂY RỪNG

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được

- Biết cách kích thích hạt giống cây rừng nảy mầm.
- Biết được thời vụ và quy trình gieo hạt cây rừng.
- Hiểu được các công việc chăm sóc chủ yếu ở vườn gieo ươm cây rừng

***2. Kĩ năng***

- Rèn luyện ý thức, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn lao động.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức tiết kiệm hạt giống, làm việc cẩn thận theo đúng quy trình.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV:+ Đọc và nghiên cứu nội dung bài 24, bảng phụ.
  + Tìm hiểu công việc gieo hạt ở địa phương
- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK, tham khảo việc gieo hạt ở địa phương

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động : 5'**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

? Khi đồ xôi gấc ta cho cả hạt vào đồ cùng sau đó đem hạt mang trồng thì sau 1 thời gian hạt nảy mầm còn hạt không đồ thi rất lâu mới nảy mầm thậm chí không nảy mầm được? Em hãy giải thích vì sao như vậy?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Khi đồ hạt gấc sẽ bị ảnh hưởng của nhiệt độ làm cho lớp vỏ cứng mềm ra giúp cho hạt nảy mầm dễ dàng hơn.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng
***Đánh giá kết quả:**
-Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.
Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài: Gieo hạt là khâu rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới tỉ lệ nảy mầm của hạt giống. Bài học tiết trước chúng ta đã được tìm hiểu về kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng. Sau khi làm đất ở vườn gieo ươm xong,ta cần gieo ươm và chăm sóc cây con ntn .Bài học hôm nay giúp ta trả lời câu hỏi trên.

B. **Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu cách kích thích hạt giống cây rừng nảy mầm**: 10'<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được mục đích và các biện pháp kích thích hạt giống cây rừng nảy mầm.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>? Làm thế nào để hạt nảy mầm được?<br>? Hạt nảy mầm được cần có những điều kiện gì?<br>? Có những biện pháp nào để kích thích hạt nảy mầm? Cho VD?<br>?Mục đích cơ bản của các biện pháp kỹ thuật sử lý hạt giống trước khi gieo?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó HĐN trả lời câu hỏi:<br>-GV: Cho HS quan sát H37 SGK<br>Dự kiến trả lời:<br>1. Kích thích<br>2.Nước,oxi,nhiệt độ môi trường | **I. Kích thích hạt giống cây rừng nảy mầm.**<br>**1.Đốt hạt**.<br>- Đối với một số hạt vỏ dày.<br>**2.Tác động bằng lực.**<br>- Hạt vỏ dày khó thấm nước<br>**3.Kích thích hạt nảy mầm bằng nước ấm.**<br>* Mục đích: Làm mềm lớp vỏ dày, cứng để hạt dễ thấm nước, mầm dễ chui qua vỏ hạt. |

| | |
|---|---|
| 3. Cách xử lý hạt giống bằng nước ấm, tác động lực, hoá chất, chất phóng xạ.<br>4. * Mục đích: Làm mềm lớp vỏ dày, cứng để hạt dễ thấm nước, mầm dễ chui qua vỏ hạt.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>**2.Tìm hiểu cách gieo hạt: 10'**<br>1.Mục tiêu : - Biết được thời vụ gieo hạt.<br>Quy trình gieo hạt giống cây rừng.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>? Tại sao phải gieo trồng đúng thời vụ? Nêu thời vụ gieo hạt?<br>? Nêu quy trình gieo hạt? Tại sao phải sàng đất lấp hạt, bảo vệ luống nhằm mục đích gì?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó HĐN trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>1. Gieo hạt đúng thời vụ để giảm công chăm sóc và tỷ lệ nảy mầm cao. MB: tháng 11- tháng 2, MT: tháng 1- tháng 2, MN: Tháng 2- tháng 3<br>2. - Gieo hạt - lấp đất - che phủ - tưới nước, phun thuốc trừ sâu,bệnh- bảo vệ luống gieo.<br>+ Tạo cho đất tơi xốp..<br>+ Phòng trừ sâu bệnh hại. | **II. Gieo hạt.**<br>**1.Thời vụ gieo hạt.**<br>Gieo hạt đúng thời vụ để giảm công chăm sóc và tỷ lệ nảy mầm cao.<br><br>**2.Quy trình gieo hạt.**<br>- Gieo hạt - lấp đất - che phủ - tưới nước, phun thuốc trừ sâu,bệnh- bảo vệ luống gieo. |

| | |
|---|---|
| ***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>**<u>3.Tìm hiểu cách chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng:</u>** 10’<br>1.Mục tiêu : - Biết được mục đích và các biện pháp chăm sóc vườn giéo ươm cây rừng.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn .<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>? Mục đích của việc chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng?<br>? Những công việc chăm sóc ở vườn ươm cây rừng là gì? Tác dụng của những công việc đó?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó HĐN trả lời câu hỏi:<br>-GV cho Hs quan sát H38 trong SGK<br>Dự kiến trả lời:<br>1. Nhằm tạo hoàn cảnh sống thích hợp để hạt nảy mầm nhanh và sinh trưởng tốt.<br>2. + 38a Che mưa, nắng, chuột..<br>+ 38b Tưới nước tạo đất ẩm…<br>+ 38c Phun thuốc chống sâu bệnh…<br>+ 38d Xới đất tạo đất tơi xốp cho cây<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá | **<u>III. Chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng.</u>**<br>- Gồm các biện pháp.<br>+ 38a Che mưa, nắng, chuột..<br>+ 38b Tưới nước tạo đất ẩm…<br>+ 38c Phun thuốc chống sâu bệnh…<br>+ 38d Xới đất tạo đất tơi xốp cho cây. |

| | |
|---|---|
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br><br>**GV:** Nêu vấn đề có thể xảy ra trên vườn ươm. | |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
Câu 1: Hãy nêu thời vụ gieo trồng ở nước ta?
Câu 2: Nêu các công việc chăm sóc vườn gieo ươm
-HS: hệ thống lại kiến thức
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật gieo hạt và chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
GV y/c HS làm các bài tập sau
Câu 1: Chọn đúng sai
a. Hạt cây rừng có vỏ dày cần đốt cháy vỏ mới dễ hút nước
b. Hạt cây rừng có vỏ dày cần đập dập nát vỏ mới dễ hút nước
c. Hạt cây rừng có vỏ dày cần cắt đôi mới dễ hút nước
d. Hạt cây rừng có vỏ dày cần đập nhẹ cho vỏ dạn nứt mới dễ hút nước

e. Hạt cây rừng có vỏ dày cần tìm cách làm mỏng vỏ mới dễ hút nước

Câu 2: Chọn cụm từ thích hợp vào chỗ chấm ( đốt hạt, gieo hạt, lấp đất, tác động bằng lực, từ tháng 2 đến tháng 3, từ tháng 1 đến tháng 2,che phủ tưới nước,làm mái che, xới xáo.

1. Kích thích hạt nảy mầm bằng cách.....
2. Thời vụ gieo hạt của cây rừng tỉnh phía Nam.....
3. Quy trình gieo hạt cây rừng trên luống đất là.....
4. Các biện pháp chăm sóc vườn ươm.....

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu công việc gieo hạt ở địa phương. Tìm hiểu khi hạt đã nứt nanh đem gieo nhưng tỉ lệ nảy mầm thấp em cho biết nguyên nhân nào
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 24 SGK.

***Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 22

Ngày soạn: 23/01/

Ngày dạy: /1/

## Tiết 26 Bài 25: THỰC HÀNH GIEO HẠT VÀ CẤY CÂY VÀO BẦU ĐẤT

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần:
- Khắc sâu và củng cố kiến thức về gieo hạt và cấy cây vào bầu đất.

***2. Kĩ năng:***
- Làm được các kỹ thuật gieo hạt và cấy cây vào bầu đất

***3.Thái độ:***
- Có ý thức làm việc cẩn thận theo đúng quy trình.

**4. Năng lực :**
- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin, năng lực thực hành.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**
- GV:+ Đọc và nghiên cứu nội dung bài 25
+ Chuẩn bị bầu đất, hạt giống đã xử lý phân bón, xẻng, dao, bình tưới...
- HS: Đọc SGK xem cách cấy cây vào bầu đất ở địa phương.
+ Chuẩn bị bầu đất, hạt giống đã xử lý phân bón, xẻng, dao, bình tưới...

**III. Tiến trình lên lớp:**

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**
- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. ***Hoạt động khởi động : 5'***

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**
Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:
Câu1: Em hãy cho biết các cách kích thích hạt giống cây rừng ?
Câu 2: Em hãy nêu quy trình gieo hạt cây rừng ở nước ta?
HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**
HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

1. Đốt hạt, tác động bằng lực, kích thích hạt nảy mầm bằng nước ấm.
2. - Gieo hạt - lấp đất - che phủ - tưới nước, phun thuốc trừ sâu,bệnh- bảo vệ luống gieo.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**
-Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.

PPDH: Nêu vấn đề
Chúng ta đã nghiên cứu ở bài trước cách gieo hạt,chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng.Hôm nay chúng ta cùng để có thể giúp gia đình chuẩn bị tốt một số cây trồng ở vườn,đồi.

## B. ***Hoạt động hình thành kĩ năng***

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu về các vật liệu và dụng cụ cần thiết: 7'**<br>*1. Mục tiêu*: Nắm được các vật liệu và dụng cụ cần thiết.<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Trình bày miệng dựa trên phần chuẩn bị.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>- GV yêu cầu HS trình bày các vật liệu và dụng cụ cần thiết đã chuẩn bị theo nhóm.<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- Đại diện nhóm HS trình bày phần chuẩn bị của nhóm mình:<br>Dự kiến trả lời:<br>+ Chuẩn bị bầu đất, hạt giống đã xử lý phân bón, xẻng, dao, bình tưới...<br>- GV quan sát phần chuẩn bị của các nhóm.<br>**** Báo cáo kết quả:***<br>+ Đại diện nhóm HS trình bày.<br>****Đánh giá kết quả***<br>- Đại diện các nhóm HS nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của nhóm bạn, bổ sung (nếu có).<br>=>GV nhận xét, đánh giá.<br>- GV chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**2.Tổ chức thực hành: 20'**<br>*1. Mục tiêu*: HS biết và thực hiện được các bước gieo hạt giống vào bầu đất đúng kỹ thuật.<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Mỗi nhóm cấy cây vào từ 5 đến 10 bầu đất.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*: | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết.**<br>-SGK<br>**II. Quy trình thực hành.**<br>**1.Gieo hạt vào bầu đất.**<br>**Bước1:** Trộn đất với phân bón tỉ lệ 88-89% đất mặt. 10% phân hữu cơ ủ hoại và 1-2 % supe lân.<br>**Bước2**: Cho hỗn hợp đất, phân vào bầu, |

| | |
|---|---|
| + Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>- GV cho HS quan sát hình 39 SGK. Quy trình gieo hạt vào bầu đất.<br>- GV yêu cầu HS đọc nội dung thông tin SGK.<br>- GV làm mẫu cho HS quan sát cách thực hiện các bước gieo hạt vào bầu đất.<br>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thực hành theo nhóm gieo hạt vào bầu đất.<br>Gv: Lưu ý HS giữ vệ sinh lớp học và an toàn lao động trong khi thực hành.<br>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>- HS suy nghĩ cá nhân hệ thống quy trình gieo hạt vào bầu đất rồi thực hành theo nhóm<br>-Quy trình kĩ thuật:<br>**Bước1:** Trộn đất với phân bón tỉ lệ 88- 89% đất mặt. 10% phân hữu cơ ủ hoại và 1-2 % supe lân.<br>**Bước2**: Cho hỗn hợp đất, phân vào bầu, nén chặt xếp thành hàng.<br>**Bước3:** gieo hạt vào bầu ( 2-3 hạt) vào giữa bầu, lấp kín.<br>**Bước 4:** Che phủ bằng rơm, rác mục, cắm cành lá tươi, tưới nước, phun thuốc.<br>- GV quan sát các nhóm làm việc, uốn nắn, hướng dẫn các nhóm làm thực hành.<br>**** Báo cáo kết quả:***<br>- Đại diện nhóm HS trình bày và nộp sản phẩm (Mỗi nhóm cấy cây vào từ 5 đến 10 bầu đất.)<br>- GV theo dõi.<br>****Đánh giá kết quả***<br>- Đại diện các nhóm HS khác nhận xét, đánh giá phần thực hiện của nhóm bạn, bổ sung (nếu có).<br>=>GV nhận xét, đánh giá.<br>GV yêu cầu HS thu dọn dụng cụ, vật liệu, vệ sinh lớp học | nén chặt xếp thành hàng.<br>**Bước3:** gieo hạt vào bầu ( 2-3 hạt) vào giữa bầu, lấp kín.<br>**Bước 4:** Che phủ bằng rơm, rác mục, cắm cành lá tươi, tưới nước, phun thuốc. |

## ***C. Hoạt động Luyện tập: 5'***

*1. Mục tiêu*: củng cố kiến thức của HS về quy trình gieo hạt vào bầu đất

*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân.

*3. Sản phẩm hoạt động*: Trình bày miệng.
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:
? Em hãy nêu quy trình gieo hạt vào bầu đất?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS hệ thống lại kiến thức.
**** Báo cáo kết quả:***
+ Hs trình bày miệng.
****Đánh giá kết quả***
- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).
=>GV nhận xét, đánh giá.

## ***D. Hoạt động Vận dụng: 3'***

*1. Mục tiêu*: nắm vững kiến thức về quy trình gieo hạt vào bầu đất từ đó có thể vận dụng vào thực tế.
*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân
*3. Sản phẩm hoạt động*: 3 bầu đất và gieo hạt vào bầu
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
- GV yêu cầu HS: về nhà mỗi HS làm 3 bầu đất và gieo hạt vào bầu theo quy trình của bài thực hành
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS làm việc cá nhân thực hành tại nhà.
**** Báo cáo kết quả:***
+ HS nộp sản phẩm ( 3 bầu đất và gieo hạt vào bầu ) vào tiết học sau
****Đánh giá kết quả***
=>GV nhận xét, đánh giá. ( trong tiết học sau)

## **D. *Hoạt động Tìm tòi, mở rộng: 2'***

*1. Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về quy trình kỹ thuật gieo hạt và cấy cây vào bầu đất.
*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân
*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân.
*4. Kiểm tra đánh giá*:

+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.
+ GV đánh giá vào tiết học sau.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
- GV yêu cầu HS tìm hiểu thực tế ở gia đình mình về các cách gieo hạt và cấy cây vào bầu đất, ghi lại quy trình cấy cây con vào bầu đất.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế ở gia đình mình để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
**** Báo cáo kết quả:***
+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.
****Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***
- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).
=>GV nhận xét, đánh giá.
****Dặn dò***: GV yêu cầu HS về nhà học bài và chuẩn bị trước bài cho tiết học tiếp.
***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 23
Ngày soạn: 30/01/
Ngày dạy: 11/02/

## TIẾT 27 - BÀI 26 :
## TRỒNG CÂY RỪNG

**I. Mục tiêu:**
***1. Kiến thức:*** Sau khi học song học sinh cần nắm được
- Biết được thời vụ trồng rừng.
- Biết cách đào hố trồng cây rừng.
- Biết cách trồng cây gây rừng bằng cây con

***2. Kĩ năng:***
- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trồng rừng.

***3.Thái độ:***
-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất
- Có ý thức làm việc cẩn thận theo đúng quy trình.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

-GV:+ Đọc SGK, tham khảo tài liệu thực tế địa phương,soạn giáo án.

+Chuẩn bị hình vẽ 41,42-SGK

-HS: Đọc SGK, liên hệ thực tế gia đình và địa phương.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. ***Hoạt động khởi động : 5'***

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

? Người ta làm thế nào để có được cây con tốt đem trồng rừng

? Vì sao khi trồng cây xong các cây bị chết hàng loạt?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

1. Phải gieo hạt và chăm sóc vườn gieo ươm cây rừng đúng kỹ thuật.
2. Vì cây con chưa được trồng đúng kỹ thuật.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và đặt vấn đề vào bài : Làm thế nào để trồng cây rừng có tỉ lệ sống cao,sinh trưởng phát triển tốt.Chúng ta tìm hiểu bài hôm nay

B. ***Hoạt động hình thành kiến thức***

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu thời vụ trồng rừng. 10'**<br>*1. Mục tiêu*: Biết được thời vụ trồng rừng.<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Trình bày miệng, hoàn thành nội dung ghi vở. | **I. Thời vụ trồng rừng.**<br>- Thời vụ gieo trồng thay đổi theo vùng khí hậu. Do đó mùa trồng rừng chính là: |

*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:
- GV: Nêu câu hỏi
?Các tỉnh miền bắc trồng rừng vào mùa đông và mùa hè có được không? tại sao?
? Theo em cơ sở quan trọng để xác định thời vụ trồng rừng là gì?
? Vì sao thời vụ trồng rừng ở miền Bắc và miền Nam lại khác nhau
- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.
Dự kiến trả lời:
- Thời vụ gieo trồng thay đổi theo vùng khí hậu. Do đó mùa trồng rừng chính là:
- Miền Bắc: Mùa xuân, mùa thu.
- Miền trung và Miền nam: là mùa mưa.
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày miệng.
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

**<u>2.Tìm hiểu về làm đất trồng cây. 15'</u>**
*1. Mục tiêu*: Biết được kỹ thuật đào hố trồng cây rừng.
*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.
*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát bảng, hình 41 trả lời câu hỏi:
- GV: Nêu câu hỏi

- Miền Bắc: Mùa xuân, mùa thu.
- Miền trung và Miền nam: là mùa mưa.

**<u>II. Làm đất trồng cây.</u>**
**<u>1.Kích thước hố.</u>**

| Loại | Kích thước hố (cm ) | | |
|---|---|---|---|
| | C. dà | Crộng | C. sâu |
| 1 | 30 | 30 | 30 |
| 2 | 40 | 40 | 40 |

**<u>2.Kỹ thuật đào hố.</u>**
- Vạc cỏ và đào hố, lớp đất màu để riêng nơi miệng hố…

| | |
|---|---|
| ? Kĩ thuật đào hố trồng cây như thế nào?<br>**?** Tại sao khi đào hố phải phát quang ở miệng hố.<br>**?** Khi lấp hố tại sao phải cho lớp đất màu đã chộn phân xuống dưới.<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>Dự kiến trả lời:<br><u>Kỹ thuật đào hố.</u><br>- Vạc cỏ và đào hố, lớp đất màu để riêng nơi miệng hố…<br>- Lấy lớp đất màu đem trộn với phân bón<br>- Cuốc thêm đất đập nhỏ và nhặt sạch cỏ rồi lấp đầy hố<br>Hạn chế cỏ dại và mầm mống sâu bệnh,<br>Để cây dễ dàng lấy chất dinh dưỡng phục hồi, sinh trưởng và phát triển.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**<u>3.Tìm hiểu về cách trồng rừng bằng cây con: 7’</u>**<br>*1. Mục tiêu*: Biết được quy trình trồng cây rừng bằng cây con.<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát hình 42, hình 43 trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>?Trồng cây có bầu ta thực hiện theo quy trình như thế nào? | - Lấy lớp đất màu đem trộn với phân bón<br>- Cuốc thêm đất đập nhỏ và nhặt sạch cỏ rồi lấp đầy hố<br><br><br><

| | |
|---|---|
| ? Em hãy nêu quy trình trồng cây con rễ trần? So sánh kĩ thuật trồng cây con rễ trần với trồng cây con có bầu ?<br>? Tại sao trồng rừng bằng cây con có bầu được áp dụng phổ biến ở nước ta.<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>Dự kiến trả lời:<br>Trồng cây con có bầu:<br>-Tạo lỗ trong hố đất có độ sâu lớn hơn chiều cao bầu đất.<br>-Rạch bỏ vỏ bầu.<br>-Đặt bầu vào lỗ trong hố.<br>-Lấp và nén đất lần 1.<br>-Lấp và nén đất lần 2.<br>-Vun gốc.<br>Trồng cây con rễ trần.<br>- Tạo lỗ trong hố<br>- Đặt cây con<br>- Lấp đất vào hố<br>- Nén chặt đất<br>- Vun gốc<br>Ở nước ta trồng rừng bằng cây con có bầu phổ biến vì: trong bầu có đủ phân bón tơi xốp, không làm tổn hại đến bộ rễ giúp cây phục hồi nhanh.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | **<u>2.Trồng cây con rễ trần.</u>**<br>- Tạo lỗ trong hố<br>- Đặt cây con<br>- Lấp đất vào hố<br>- Nén chặt đất<br>- Vun gốc |

## ***<u>C. Hoạt động Luyện tập: 3’</u>***

*1. Mục tiêu*: củng cố kiến thức của HS về kĩ thuật trồng cây rừng.
*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân.
*3. Sản phẩm hoạt động*: hoàn thành phiếu học tập cá nhân.
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.

*5. Tiến trình hoạt động*:

**** Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS hệ thống lại kiến thức làm bài tập.

Bài 1

Quy trình kĩ thuật làm đất trồng cây rừng là

Bước 1.....

Bước 2.....

Bước 3.....

Bước 4.....

Bài 2: Đúng hay sai

a.Quy trình trồng cây con cơ bản là

Đào hố, đặt cây, lấp đất, nén đất, vun gốc.

b. Quy trình trồng cây rễ trần là :

Đào hố, đặt cây, lấp đất,vun gốc, nén đất

c. Quy trình trồng cây có bầu là

Tạo hố trong đất, rạch vỏ bầu, đặt bầu vào lỗ, nén đất, vun gôc

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

****Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS hệ thống lại kiến thức làm bài tập.

**** Báo cáo kết quả:***

+ Hs trình bày miệng, lên bảng làm.

****Đánh giá kết quả***

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

## ***D. Hoạt động Vận dụng:3'***

*1. Mục tiêu*: nắm vững kiến thức về trồng cây rừng từ đó có thể vận dụng vào thực tế.

*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân

*3. Sản phẩm hoạt động*: phiếu học tập cá nhân, ghi nội dung vào vở.

*4. Kiểm tra đánh giá*:

+ Học sinh đánh giá.

+ GV đánh giá.

*5. Tiến trình hoạt động*:

**** Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS: ? Em hãy nêu cách trồng cây ổi được biết cây này khi đánh về vẫn con nguyên bầu đât em hãy mô tả cụ thể cách trồng vào vở.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

****Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

**** Báo cáo kết quả:***

+ HS trình bày miệng.

****Đánh giá kết quả***

+ Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
=>GV nhận xét, đánh giá.

***E. Hoạt động Tìm tòi, mở rộng: 2'***

*1. Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về trồng cây rừng.
*2. Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân.
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.
+ GV đánh giá vào tiết học sau.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
- GV yêu cầu HS tìm hiểu ?Tại sao trồng rừng bằng cách gieo hạt vào hố lại ít được áp dụng trong sản xuất?
?Tại sao vùng đồi núi trọc lâu năm nên trồng cây con có bầu hay dễ trần? Tại sao?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
**** Báo cáo kết quả:***
+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.
****Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***
- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).
=>GV nhận xét, đánh giá.
****Dặn dò***: GV yêu cầu HS về nhà học bài và chuẩn bị trước bài cho tiết học tiếp.
*** Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 23
Ngày soạn: 30/01/
Ngày dạy: 13/02/

## TIẾT 28 BÀI 27:
## CHĂM SÓC RỪNG SAU KHI TRỒNG.

**I. Mục tiêu:**
***1.Kiến thức:*** Sau khi học song học sinh cần nắm được
- Biết được thời vụ trồng rừng.
- Biết cách đào hố trồng cây rừng.
- Biết cách trồng cây gây rừng bằng cây con

***2. Kĩ năng***:

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn trồng rừng ở địa phương.

***3.Thái độ:***

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

- Có ý thức làm việc cẩn thận theo đúng quy trình.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. GV: Đọc SGK, tham khảo tài liệu thực tế sản xuất về cây trồng, hình vẽ 44, SGK và nghiên cứu nội dung bài 27

2. HS: Đọc SGK, liên hệ thực tế gia đình và địa phương.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. ***Hoạt động khởi động : 5'***

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu1: Em hãy nêu quy trình làm đất để trồng cây rừng?

Câu 2: Ở địa phương em trồng rừng thường trồng bằng cây có bầu hay cây bằng dễ trần? Tại sao?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

1- Vạc cỏ và đào hố, lớp đất màu để riêng nơi miệng hố…

- Lấy lớp đất màu đem trộn với phân bón

- Cuốc thêm đất đập nhỏ và nhặt sạch cỏ rồi lấp đầy hố

2. Ở địa phương em thường trồng rừng bằng cây con có bầu phổ biến vì: trong bầu có đủ phân bón tơi xốp, không làm tổn hại đến bộ rễ giúp cây phục hồi nhanh.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Sau khi cây con bén rễ nhưng chưa chắc đã sinh trưởng, phát triển thành cây rừng vì giai đoạn này cây con còn yếu sức chống chịu kém mặc khác do chưa khép tán cây dại phát triển nhanh chùm lên cây con.Do đó trước khi khép tán cần phải chăm sóc.Vậy chăm sóc ntn để cây rừng phát triển tốt ta n/c bài hôm nay

B. ***Hoạt động hình thành kiến thức***

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu thời gian và số lần chăm sóc rừng sau khi trồng. 10'**<br>*1. Mục tiêu*: hiểu được thời gian và số lần chăm sóc rừng sau khi trồng.<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>GV giới thiệu<br>Sau khi trồng 1-3 tháng phải chăm sóc và chăm sóc liên tục trong 4 năm<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>?Tại sao khi trồng rừng từ 1-3 tháng phải chăm sóc ngay?<br>?Nêu số lần chăm sóc rừng sau khi trồng? Tại sao việc chăm sóc lại giảm sau 3 đến 4 năm?<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>-GV quan sát, giúp đỡ các nhóm còn chậm.<br>Dự kiến trả lời:<br>- Để tạo môi trường thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.<br>- Năm thứ nhất và hai mỗi năm chăm sóc 2- 3 lần.<br>- Năm thứ 3, thứ 4 mỗi năm chăm sóc 1 đến 2 lần<br>Do mức độ phát triển và khép tán của cây mà số lần chăm sóc/ năm giảm dần.<br>***Báo cáo kết quả:** | **I. Thời gian và số lần chắm sóc.**<br>**1.Thời gian.**<br>- Sau khi trồng cây gây rừng từ 1 đến 3 tháng phải tiến hành chăm sóc cây.<br>- Chăm sóc liên tục tới 4 năm.<br><br>**2. Số lần chăm sóc.**<br>- Năm thứ nhất và hai mỗi năm chăm sóc 2- 3 lần.<br>- Năm thứ 3, thứ 4 mỗi năm chăm sóc 1 đến 2 lần |

| | |
|---|---|
| - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**<u>2.Tìm hiểu những công việc chăm sóc rừng sau khi trồng: 20'</u>**<br>*1. Mục tiêu*: hiểu được nội dung công việc chăm sóc rừng sau khi trồng:<br>*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân, HĐN.<br>*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung ghi vở.<br>*4. Kiểm tra đánh giá*:<br>+ Học sinh đánh giá.<br>+ GV đánh giá.<br>*5. Tiến trình hoạt động*:<br>**** Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk, quan sát hình 44 trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>? Nêu mục đích của việc chăm sóc rừng sau khi trồng?<br>? Giải thích nội dung từng công việc chăm sóc rừng sau khi trồng?<br>- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.<br>****Thực hiện nhiệm vụ:***<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.<br>-GV cho hs quan sát hình 44, quan sát, giúp đỡ các nhóm còn chậm.<br>Dự kiến trả lời:<br>* Mục đích: Tác động cho con người, nhằm tạo môi trường sống của cây, để cây có tỷ lệ sống cao được thể hiện qua nội dung chăm sóc sau:<br>Làm dào bảo vệ:<br>- Trồng dứa, cây cốt khí bao quanh khu trồng rừng.<br>Phát quang.<br>- Cây hoang dại chèn ép ánh sáng dinh dưỡng tạo thuận lợi cho cây sinh trưởng.<br>Làm cỏ.<br>- Không để cỏ dại ăn mất màu… | **<u>II. Những công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.</u>**<br>* Mục đích: Tác động cho con người, nhằm tạo môi trường sống của cây, để cây có tỷ lệ sống cao được thể hiện qua nội dung chăm sóc sau:<br><br>**<u>1.Làm dào bảo vệ:</u>**<br>- Trồng dứa, cây cốt khí bao quanh khu trồng rừng.<br><br>**<u>2.Phát quang.</u>**<br>- Cây hoang dại chèn ép ánh sáng dinh dưỡng tạo thuận lợi cho cây sinh trưởng.<br>**<u>3.Làm cỏ.</u>**<br>- Không để cỏ dại ăn mất màu…<br>- Làm sạch cỏ sung quanh gốc cây cách cây 0,6 đến 1,2 m.<br>**<u>4. Xới đất vun gốc cây.</u>**<br>- Đất tơi xốp, thoáng khí, giữ ẩm cho đất.<br><br>**<u>5.Bón phân.</u>**<br>- Bón ngay từ lần chăm sóc đầu, tăng thêm dinh dưỡng…<br>**<u>6.Tỉa và dặm cây.</u>**<br>- Tỉa bớt chỗ dày, dặm vào chỗ thưa… |

| | |
|---|---|
| - Làm sạch cỏ sung quanh gốc cây cách cây 0,6 đến 1,2 m.<br>Xới đất vun gốc cây.<br>- Đất tơi xốp, thoáng khí, giữ ẩm cho đất.<br>Bón phân.<br>- Bón ngay từ lần chăm sóc đầu, tăng thêm dinh dưỡng…<br>Tỉa và dặm cây.<br>- Tỉa bớt chỗ dày, dặm vào chỗ thưa…<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

## ***C. Hoạt động luyện tập: 5'***

*1. Mục tiêu*: củng cố kiến thức của HS về kĩ thuật chăm sóc rừng sau khi trồng.

*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân.

*3. Sản phẩm hoạt động*: hoàn thành phiếu học tập cá nhân.

*4. Kiểm tra đánh giá*:

+ Học sinh đánh giá.

+ GV đánh giá.

*5. Tiến trình hoạt động*:

**** Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS hệ thống lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Câu 1: Chăm sóc rừng gồm những công việc chính gì?

Câu 2: Chăm sóc rừng sau khi trồng vào những thời gian nào? Cần chăm sóc bao nhiêu năm và số lần chăm sóc trong mỗi năm?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

****Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS hệ thống lại kiến thức trả lời câu hỏi.

**** Báo cáo kết quả:***

+ Hs trình bày miệng.

****Đánh giá kết quả***

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

## ***D. Hoạt động vận dụng:3'***

*1. Mục tiêu*: nắm vững kiến thức về các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng từ đó có thể vận dụng vào thực tế.

*2. Phương thức*: Hoạt động cá nhân

*3. Sản phẩm hoạt động*: phiếu học tập cá nhân
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ Học sinh đánh giá.
+ GV đánh giá.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
GV đưa ra câu hỏi và bài tập
Câu1: Khi trồng rừng bằng cây con vẫn có cây bị chết do những nguyên nhân nào?
Câu 2: Chọn câu đúng sai

a. Sau khi trồng từ tháng 1 đến tháng thứ 3 phải nhăm sóc
b. Những năm đầu phải chăm sóc nhiều lần
c. Càng về sau số lần chăm sóc giảm dầnu khi trồng cần rào xung quanhchoongs người lấy chộm
d. Phát quang là bỏ hết cây xung quanh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.
**** Báo cáo kết quả:***
+ HS trình bày miệng.
****Đánh giá kết quả***
+ Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.
=>GV nhận xét, đánh giá.

## ***D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:2'***

*1. Mục tiêu*: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức thực tế về chăm sóc rừng sau khi trồng.
*2. Phương thức*: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân....
*3. Sản phẩm hoạt động*: Phiếu học tập cá nhân.
*4. Kiểm tra đánh giá*:
+ HS tự đánh giá, HS đánh giá lẫn nhau.
+ GV đánh giá vào tiết học sau.
*5. Tiến trình hoạt động*:
**** Chuyển giao nhiệm vụ:***
- GV yêu cầu HS tìm hiểu
?Nguyên nhân tại sao sau khi trồng cây gây rừng có nhiều cây chết? Biện pháp khắc phục?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
****Thực hiện nhiệm vụ:***
- HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
**** Báo cáo kết quả:***
+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

***Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***
- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).
=>GV nhận xét, đánh giá.
***Dặn dò***: GV yêu cầu HS về nhà học bài và chuẩn bị trước bài cho tiết học tiếp.

*** Rút kinh nghiệm.**
.....
.....
.....

Tuần 24
Ngày soạn: 12/02/
Ngày dạy: 18/02/

**CHƯƠNG II: KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG**
**TIẾT 29: KHAI THÁC RỪNG**

**I. Mục tiêu:**
***1.Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được
- Biết được các loại khai thác gỗ rừng.
- Hiểu được các điều kiện khai thác gỗ rừng ở việt nam trong giai đoạn hiện nay, các biện pháp phục hồi sau khi khai thác.

***2. Kĩ năng:***
- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào sản xuất ở địa phương.

***3.Thái độ:***
-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất
-Có ý thức bảo vệ rừng không khai thác bừa bãi.

**4. Năng lực :**
- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**
- GV:+ Đọc SGK, tham khảo tài liệu,hình vẽ SGK và nghiên cứu nội dung bài 28=>Soạn giáo án.
+Chuẩn bị bảng phụ trình bày bảng 2-Phân loại khai thác rừng.
-HS: Học bài,đọc trước bài, liên hệ thực tế gia đình và địa phương

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**
- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động (3 phút)**

6. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
7. Phương thức:Hđ cá nhân.
8. Sản phẩm : Trình bày miệng.
9. Kiểm tra, đánh giá:
   - Hs đánh giá
   - Gv đánh giá
10. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1?Nêu quy trình làm đất để trồng cây rừng và kĩ thuật trồng cây rừng có bầu.

Câu 2?Khi nào thì tiến hành chăm sóc rừng và chăm sóc rừng sau khi trồng gồm những công việc gì.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Câu 1

* Quy trình làm đất để trồng cây rừng

Trồng cây con dễ trần.

- Tạo lỗ trong hố
- Đặt cây con
- Lấp đất vào hố
- Nén chặt đất
- Vun gốc

Câu 2

Những công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.

* Mục đích: Tác động cho con người, nhằm tạo môi trường sống của cây, để cây có tỷ lệ sống cao được thể hiện qua nội dung chăm sóc sau:

- Làm dào bảo vệ:
- Phát quang.
- Làm cỏ.
- Xới đất vun gốc cây
- Bón phân
- Tỉa và dặm cây.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài

Trồng và chăm sóc rừng la nhằm bảo vệ môi trường sống,bảo vệ sản xuất cung cấp lâm sản phục vụ đời sống con người.Vậy muốn rừng luôn duy trì được ta phải làm ntn?Bài học hôm nay giúp ta trả lời câu hỏi này.

B. **Hoạt động hình thành kiến thức (25 phút)**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **<u>1.Tìm hiểu nội dung KN khai thác rừng.</u>**<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được khái niệm về khai thác rừng<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn .<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>-GV yc HS suy nghĩ HĐN về vấn đề:<br>- GV: Nêu vấn đề<br>Có người nói:khai thác rừng là ta vào rừng chặt gỗ,lấy lâm sản cần thiết khác về dùng,như vậy đúng hay sai?Vì sao?<br>-HS lắng nghe<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ trả lời câu hỏi.<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>Khai thác rừng là thu hoạch lâm sản nhưng đồng thời đảm bảo điều kiện phục hồi rừng<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | Khai thác rừng là thu hoạch lâm sản nhưng đồng thời đảm bảo điều kiện phục hồi rừng |
| **<u>2.Tìm hiểu các loại khai thác rừng.</u>**<br>1.Mục tiêu : - Biết được các loại khai thác gỗ rừng.<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi;<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá | **<u>I. Các loại khai thác rừng.</u>** |

| | |
|---|---|
| 5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:** Treo bảng chỉ dẫn kỹ thuật các loại khai thác rừng trên bảng phụ (bảng 2) cho học sinh quan sát và thảo luận trả lời câu hỏi sau<br>- Dựa vào bảng giáo viên hướng dẫn học sinh so sánh điểm giống và khác nhau về chỉ tiêu kỹ thuật các loại khai thác.<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>**C1** :Khai thác chọn, khai thác trắng, khai thác dần có đặc điểm ntn.<br>**C2:** Khai thác dần và khai thác chọn khác nhau ntn?<br>**C3:** ? Rừng ở nơi đất có độ dốc lớn hơn 15 độ,nơi rừng phòng hộ có khai thác trắng được không?Vì sao?<br>**?**Khai thác trắng nhưng không trồng ngay có tác hại gì?<br>-HS lắng nghe<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ trả lời câu hỏi.<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>C1:Chặt toàn bộ cây rừng trong một lần. Chọn chặt cây đã già,cây có phẩm chất và sức sống kém.Giữ lại cây còn non, cây gỗ tốt và có sức sống mạnh. Chặt toàn bộ cây rừng trong 3=>4 lần khai thác.<br>C2: Khai thác chọn là chọn chặt cây đã già,cây có phẩm chất và sức sống kém.Giữ lại cây còn non, cây gỗ tốt và có sức sống mạnh. Khai thác dầnChặt toàn bộ cây rừng trong 3=>4 lần khai thác.<br>C3: - Không vì xói mòn sạt nở, làm mật ngồn phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.<br>- Sẽ gây ra sạt nở đất xói mòn lũ lụt<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**<u>3. Tìm hiểu điều kiện áp dụng khai thác rừng hiện nay ở nước ta.</u>**<br>1.Mục tiêu : - Biết được các loại khai thác gỗ rừng. | - Bảng 2 phân loại khai thác rừng.<br><br>a/Khai thác trắng.<br>-Chặt toàn bộ cây rừng trong một lần.<br>-Chặt hạ trong mùa khai thác gỗ(1 năm).<br>-Phục hồi rừng bằng cách trồng rừng.<br>b/Khai thác chọn.<br>-Chọn chặt cây đã già,cây có phẩm chất và sức sống kém.Giữ lại cây còn non, cây gỗ tốt và có sức sống mạnh.<br>-Không hạn chế thời gian chặt hạ.<br>-Rừng tự phục hồi bằng tái sinh tự nhiên.<br>c/Khai thác dần.<br>-Chặt toàn bộ cây rừng trong 3=>4 lần khai thác.<br>-Thời gian chặt hạ kéo dài 5=>10 năm.<br>-Rừng tự phục hồi bằng tái sinh tự nhiên. |

| | |
|---|---|
| 2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>-GV yc HS nc nội dung SGK sau đó HĐN trả lời câu hỏi sau<br>? ở Việt Nam Rừng phát triển chủ yếu trên đất dốc và ven biển nên áp dụng hình thức khai thác nào có lợi nhất?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ trả lời câu hỏi.<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>-Chỉ được khai thác chọn không được khai thác trắng<br>- Rừng còn nhiều cây gỗ to có giá trị<br>-Lượng gỗ khai thác chọn nhỏ hơn 35%lượng gỗ của khu rừng khai thác<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV yc HS làm bài tập trong SGK mục 1 phần II<br>HS làm bài<br>GV nhận xét<br>**<u>4. Tìm hiểu biện pháp phục hồi rừng sau khi khai thác.</u>**<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được các biện pháp phục hồi rừng sau khai thác<br>2.Phương thức: Hđ cá nhân, hđn .<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá | **<u>II. Điều kiện áp dụng khai thác rừng hiện nay ở việt nam.</u>**<br>- Diện tích rừng giảm mạnh, đồi trọc tăng nhanh, độ che phủ ngày càng thu hẹp.<br>- Chất lượng rừng: hầu hết là rừng tái sinh…<br>**<u>1. Chỉ được khai thác chọn không được khai thác trắng</u>**.<br>- Trên 15ºC.<br>- Chống xoáy mòn.<br>**<u>2. Rừng còn nhiều cây gỗ to có giá trị kinh tế.</u>**<br>**<u>3.Lượng gỗ khai thác chọn.</u>**<br>- Nhỏ hơn 35 % lượng gỗ khu rừng.<br>**<u>III. Phục hồi rừng sau khai thác.</u>**<br>**<u>1.Rừng đã khai thác trắng:</u>**<br>- Trồng rừng để phục hồi, trồng xen cây công nghiệp với cây rừng. |

| | |
|---|---|
| 5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>-GV yc HS nc nội dung SGK sau đó HĐN trả lời câu hỏi sau<br>?Theo em sau khi khai thác ta phải làm thế nào để sớm được phục hồi và phát triển ?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS thảo luận theo nhóm, suy nghĩ trả lời câu hỏi.<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>-Khai thác trắng : Trồng rừng để phục hồi, trồng xen cây công nghiệp với cây rừng.<br>Khai thác dần và khai thác chọn: Thúc đẩy tái sinh tự nhiên:<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | **<u>2. Rừng đã khai thác dần và khai thác chọn:</u>**<br>- Thúc đẩy tái sinh tự nhiên:<br>+Chăm sóc cây gieo giống.<br>+Tạo điều kiện cho hạt nảy mầm,cây con sinh trưởng thuận lợi.<br>+Dặm cây hay gieo hạt bổ sung. |

C. **<u>Hoạt động luyện tập: 5 phút</u>**

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

C1: Khai thác rừng phải đạt được mục đích như thế nào?

C2: Ta có thể khai thác rừng theo những cách nào?

*- Học sinh tiếp nhận suy nghĩ trả lời*

****Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm

C1: Vừa thu hoạch lâm sản vừa tạo điều kiện cho rừng tái sinh nhanh

C2: Khai thác trắng, khai thác dần và khai thác chọn

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-GV hệ thống nội dung bài học, mục tiêu cần đạt được.

## D. Hoạt động vận dụng: 5'phút

1.Mục tiêu : Nắm vững được đặc điểm của các loại khai thác rừng

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra các câu hỏi

C1: Là HS em cần phải làm gì để giúp mọi người xung quanh biết và hiểu 3 điều cần quan tâm khi tiến hành khai thác rừng hiện nay?

C2: Khai thác trắng nhưng không trồng ngay có tác hại gì?

- *Học sinh tiếp nhận suy nghĩ trả lời*

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm

C1: Tuyên truyền cho mọi người nhận biết được các điều kiện khi tiến hành khai thác rừng

C2: Lũ lụt, xói mòn, sạt lở đất ,hạn hán

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2 phút

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

Về nhà em hãy tìm hiểu qua mạng internet, qua sách báo trả lời câu hỏi
? ở nước ta những rừng nào đã được khoanh nuôi và bào vệ tốt, những rừng nào bị khai thác cạn kiệt
Về nhà học bài, đọc và xem trước bài 29 SGK.
- Chuẩn bị hình vẽ 48,49 ( SGK)
***Rút kinh nghiệm**

---

Tuần 24
Ngày soạn: 12/02/
Ngày dạy: 20/02/

## TIẾT 30 : BẢO VỆ VÀ KHOANH NUÔI RỪNG

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh.
- Hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng.
- Hiểu được mục đích, biện pháp bảo vệ và khoanh nuôi rừng

**2. Kĩ năng**:
- Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất.,biết cách bảo vệ và nuôi dưỡng rừng.

**3.Thái độ** :
-Có ý thức bảo vệ rừng không khai thác bừa bãi.

**4. Năng lực :**
- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**
-GV: +Đọc SGK, tham khảo tài liệu,hình vẽ SGK và nghiên cứu nội dung bài 29,soạn giáo án.
+Bảng phụ
+Sưu tầm một số tranh ảnh về động vật rừng quý hiếm ở VN và rừng bị tàn phá.
- HS:Học bài và đọc trước bài, liên hệ thực tế gia đình và địa phương.

**III. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

### A. Hoạt động khởi động (5 phút)

1. Mục tiêu: Cho HS hiểu được giá trị của việc có rừng
2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày phiếu học tập

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu : ? Em hãy giải thích tại sao người ta nói rừng vàng ,biển bạc?
- Học sinh tiếp nhận…

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi
- Giáo viên quan sát các nhóm tl
- Dự kiến sản phẩm

+ Rừng là tài nguyên quý giá của con người cung cấp cho con người nguồn tài nguyên để phục vụ cho sản suất và xuất khẩu

****Báo cáo kết quả dại diện một nhóm trả lời***

****Đánh giá kết quả-*** Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

Gv nhận xét : Nếu rừng bị khai thác đến kiệt quệ,xơ xác thì ta phải làm gì và làm ntn để rừng có thể phục hồi,tiếp tục mang lại lợi ích cho con người.Bài học hôm nay chúng ta cùng nghiên cứu về vấn đề.Bảo vệ và khoanh nuôi rừng.

C. **Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
|---|---|
| **<u>1.Tìm hiểu ý nghĩa của nhiệm vụ bảo vệ khoanh nuôi rừng.</u>**<br>1.Mục tiêu : - Biết được ý nghĩa của nhiệm vụ bảo vệ khoanh nuôi rừng<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn .<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV giới thiệu**:** Rừng là tài nguyên quý của đất nước,là một bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái,có giá trị to lớn đối với đời sống và sản xuất xã hội.<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>C1: Theo em bảo vệ rừng là thế nào<br>C2: GV đưa bài tập trên bảng phụ y/c HS thảo luận theo nhóm | **<u>I. ý nghĩa:</u>** |

Em hãy ghi những suy nghĩ của mình về diễn biến sau

| Giả thuyết<br>Sự diễn biến | Rừng không bảo vệ | Rừng được bảo vệ | Rừng nghèo kiệt được nuôi dưỡng |
|---|---|---|---|
| 1.Thực vật rừng | | | |
| 2.Động vật rừng | | | |
| 3. khí hậu rừng | | | |
| 4. Đất rừng | | | |
| 5.Kết quả | | | |

C3: Từ kết quả trên em rút ra được kết luận gì về ý nghĩa của của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

C1: Chống lại mọi sự gây hại ,giữ gìn tài nguyên và đất rừng

C2:

| Giả thuyết<br>Sự diễn biến | Rừng không bảo vệ | Rừng được bảo vệ | Rừng nghèo kiệt được nuôi dưỡng |
|---|---|---|---|
| 1.Thực vật rừng | Giảm sút về số lượng | Đa dạng về chủng loi | Đạng phục hồi và phát triển |
| 2.Động vật rừng | Có nguy cơ tiệt chủng | Đa dạng và phong phú | Đạng phục hồi và phát triển |

- Rừng là tài nguyên quý giá của đất nước là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái.Do đó bảo vệ và khoanh nuôi rừng là một việc làm hết sức cần thiết nhằm giữ gìn và tạo điều kiện cho rừng phục hồi và phát triển.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3. khí hậu rừng | Thay đổi | ổn định | Đang dần ổn địnhn |
| 4. Đất rừng | Đất trống đồi chọc nhiều | Được phủ xanh | Được phủ xanh |
| 5.Kết quả | Kém | Tốt | Đang dần phục hồi |

C3: Giữ gìn và tạo điều kiện để rừng phát triển rừng được phục hồi và phát triển

***Báo cáo kết quả:**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

GV mở rộng

?Hãy cho biết tình hình rừng hiện nay của nước ta

HS trả lời

GV nhận xét

**2:Tìm hiểu về hoạt động bảo vệ rừng**

1.Mục tiêu : - Biết được mục đích và các biện pháp bảo vệ rừng

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn .

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

? Tài nguyên rừng có các thành phần nào?

GV treo bảng phụ yc HS HĐN hoàn thành bài tập sau

?Những ND nào sau đây được coi là mục đích của bảo vệ rừng?vì sao?

a.Cấm hành động phá rừng.

b.Tổ chức định canh định cư.

c.Giữ gìn tài nguyên thực vật.

d.Giữ gìn tài nguyên động vật.

e.Giữ đất rừng hiện có.

**II. Bảo vệ rừng.**

**1.Mục đích bảo vệ rừng.**

Giữ gìn tài nguyên rừng gồm có các loài thực vật,động vật rừng, đất.

g.Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triển.
C3: Mục đích của bảo vệ rừng là gì?
-HS: Lắng nghe câu hỏi
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:
-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.
Dự kiến trả lời:
C1: đất rừng, thực vật , Khí hậu
C2: c,d,e,g
C3: Giữ gìn tài nguyên rừng gồm có các loài thực vật,động vật rừng, đất.
- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triểncho sản phẩm cao và tốt nhất.
***Báo cáo kết quả:**
- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

**3. Tìm hiểu về khoanh nuôi phục hồi rừng.**

1.Mục tiêu : - Biết được mục đích, đối tượng và biện pháp khoanh nuôi rừng
2.Phương thức:Hđ cá nhân, nhóm.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
GV yc HS nc nội dung phầm III SGK. Thảo luận tìm ý phù hợp hoàn thành phiếu học tập sau

| MĐ khoanh nuôi rừng | Đối tượng khoanh nuôi rừng | BP khoanh nuôi rừng |
|---|---|---|
| | | |

HS lắng nghe câu hỏi
***Thực hiện nhiệm vụ:**

- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triểncho sản phẩm cao và tốt nhất.

**2. Biện pháp bảo vệ rừng.**

-Tuyên truyền và xử lí những vi phạm luật bảo vệ rừng.
-Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vùng núi phát triển kinh tế và tham gia tích cực vào bảo vệ rừng.
-Xây dựng lực lượng bảo vệ,cứu chữa rừng.

**III. Khoanh nuôi khôi phục rừng.**

**1.Mục đích:**

<table>
<tr>
<td>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:
<table>
<tr><th>MĐ khoanh nuôi rừng</th><th>Đối tượng khoanh nuôi rừng</th><th>BP khoanh nuôi rừng</th></tr>
<tr><td>- Tạo hoàn cảnh thuận lợi để các nơi đã mất rừng phục hồi và phát triển thành rừng có sản lượng cao.</td><td>- Đất đã mất rừng và nương dẫy bỏ hoang còn tính chất đất rừng</td><td>- Bảo vệ: Cấm chăn thả gia súc, chống chặt phá, tổ chức phòng cháy.<br>- Phát dọn dây leo, bụi dậm, cuốc sới xung quanh</td></tr>
</table>
*Báo cáo kết quả:<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>*Đánh giá kết quả:<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>GV: chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV mở rộng<br>?Theo em vùng đối trọc lâu năm có khoanh nuôi phục hồi rừng được k?Vì sao<br>HS trả lời<br>GV nhận xét</td>
<td>- Tạo hoàn cảnh thuận lợi để các nơi đã mất rừng phục hồi và phát triển thành rừng có sản lượng cao.<br><u>2.Đối tượng khoanh nuôi phục hồi rừng.</u><br>- Đất đã mất rừng và nương dẫy bỏ hoang còn tính chất đất rừng.<br><u>3.Biện pháp khoanh nuôi phục hồi rừng.</u><br>- Bảo vệ: Cấm chăn thả gia súc, chống chặt phá, tổ chức phòng cháy.<br>- Phát dọn dây leo, bụi dậm, cuốc sới xung quanh gốc, dặm bổ xung.</td>
</tr>
</table>

## C. **Hoạt động luyện tập (3phút)**

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Trình bày miệng
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
C1: Hãy nêu mục đích của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng ở nước ta
C2: Dùng các biện pháp nào để bảo vệ tài nguyên rừng và đất rừng ?

- *Học sinh tiếp nhận suy nghĩ trả lời*

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm

C1: Giữ gìn tài nguyên rừng gồm có các loài thực vật,động vật rừng, đất.
- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triểncho sản phẩm cao và tốt nhất.

C2: -Tuyên truyền và xử lí những vi phạm luật bảo vệ rừng.
-Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vùng núi phát triển kinh tế và tham gia tích cực vào bảo vệ rừng.
-Xây dựng lực lượng bảo vệ,cứu chữa rừng.

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-GV hệ thống nội dung bài học, mục tiêu cần đạt được.
- GV: Hệ thống lại bài, tổng kết đánh giá

## D. **Hoạt động vận dụng:5 phút**

1.Mục tiêu : So sánh được bảo vệ và khoanh nuôi rừng
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra các câu hỏi

Câu 1: Là Hs em co những biện pháp nào để bảo vệ rừng ?

Câu 2: Em hãy so sánh việc bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng

Giống nhau:

| Nội dung so sánh | Bảo vệ rừng | Khoanh nuôi rùng |
|---|---|---|
| Mục đích | | |
| Đối tượng | | |
| Biện pháp pháp chính | | |

- *Học sinh tiếp nhận suy nghĩ trả lời*

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd

- Dự kiến sản phẩm

C1: Tuyên truyền cho mọi người về lợi ích khi có rừng

+ Khuyến khích mọi người dân tham gia trồng rừng

| Nội dung so sánh | Bảo vệ rừng | Khoanh nuôi rùng |
|---|---|---|
| Mục đích | Giữ gìn tài nguyên rừng gồm có các loài thực vật,động vật rừng, đất.<br>- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triểncho sản phẩm cao và tốt nhất | - Tạo hoàn cảnh thuận lợi để các nơi đã mất rừng phục hồi và phát triển thành rừng có sản lượng cao. |
| Đối tượng | Đất rừng và rừng hiện có | - Đất đã mất rừng và nương dẫy bỏ hoang còn tính chất đất rừng. |
| Biện pháp chính | -Tuyên truyền và xử lí những vi phạm luật bảo vệ rừng.<br>-Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vùng núi phát triển kinh tế và tham gia tích cực vào bảo vệ rừng.<br>-Xây dựng lực lượng bảo vệ,cứu chữa rừng. | - Bảo vệ: Cấm chăn thả gia súc, chống chặt phá, tổ chức phòng cháy.<br>- Phát dọn dây leo, bụi dậm, cuốc sới xung quanh gốc, dặm bổ xung. |

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2 phút

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

Về nhà em hãy tìm hiểu những hoạt động liên quan đến hoạt động bảo vệ và khoanh nuôi rừng

**4. Rút kinh nghiệm**

Tuần 25
Ngày soạn: 19/02/
Ngày dạy: 26/02/

## PHẦN III : CHĂN NUÔI
## CHƯƠNG I. ĐẠI CƯƠNG VỀ KĨ THUẬT CHĂN NUÔI
## TIẾT 31 : VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Hiểu được vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế và một số nhiệm vụ phát triển chăn nuôi của nước ta trong thời gian tới.

**2. Kỹ năng**:

- Phát triển kĩ năng quan sát,phân tích,so sánh.
-Có kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất chăn nuôi ở gia đình.

**3.Thái độ** :

- Có ý thức say sưa học tập kỹ thuật chăn nuôi.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực quan sát

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

-GV: Nghiên cứu SGK, hình vẽ 50, phóng to sơ đồ 7 SGK,soạn giáo án.
- HS: Học bài+ đọc SGK, xem hình vẽ 50, sơ đồ 7 SGK.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động (3 phút)**

1. Mục tiêu: Cho HS hiểu được lợi ích của chăn nuôi đối với kinh tế gia đình

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động nhóm

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu câu hỏi

? Ở GĐ em thường nuôi những con vật nuôi nào? Nuôi với số lượng bao nhiêu

? Nuôi những con vật nuôi đó có lợi ích gì đối với kinh tế của GĐ em

- Học sinh tiếp nhận…

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi

- Giáo viên quan sát các nhóm tl

- Dự kiến sản phẩm

+ Nuôi lợn ,gà,vịt . Với quy mô hộ gia đình, trang trại

+ Tăng thêm thu nhập cho gia đình, phát triển kinh tế gia đình

****Báo cáo kết quả dại diện một nhóm trả lời***

****Đánh giá kết quả-*** Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

GV nhận xét và giới thiệu bài

Chăn nuôi là 1ngành sản xuất chủ đạo của nền NN nước ta.Nó có chức năng chuyển hóa những sản phẩm của trồng trọt và phế,phụ phẩm của 1số ngành CN chế biến thực phẩm thành sản phẩm chăn nuôi có giá trị cao.Vậy muốn hiểu vai trò và nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ntn,chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**B.Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1. Tìm hiểu vai trò của chăn nuôi.**<br>1.Mục tiêu : - Biết được vai trò của chăn nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân | **I.Vai trò của chăn nuôi.** |

| | |
|---|---|
| phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>C1: GV yc HS nc nội dung H50a,b,c,d HĐN sau đó điền vào phiếu học tập nội dung các hình trên mô tả những vai trò gì của ngành chăn nuôi?<br>C2: Em hãy lấy Vd xác định vai trò của một vài vật nuôi cụ thể ở địa phương<br>**Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi<br>- Giáo viên quan sát các nhóm tl<br>- Dự kiến sản phẩm<br>C1: + Chăn nuôi cung cấp nhiều sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.<br>Cung cấp thực phẩm(thịt,trứng,sữa) phục vụ đời sống.<br>Chăn nuôi cho sức kéo như trâu, bò, ngựa.<br>Cung cấp phân bón cho cây trồng.<br>Cung cấp nguyên liệu gia công đồ dùng. Y dược và xuất khẩu<br>C2: Lợn,gà,ngan,…..cung cấp thịt,trứng,..<br>-Trâu,bò cung cấp phân bón,sức kéo, thịt,…..<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>GV mở rộng<br>?Theo em giữa ngành chăn nuôi và ngành trồng trọt có mối quan hệ với nhau ntn.<br>- HS trả lời<br>=>Gv chính xác hóa,KL:Hai ngành có quan hệ hỗ trợ nhau:<br>+Chăn nuôi cung cấp sức kéo,phân bón cho trồng trọt.<br>+Trồng trọt cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. | - Chăn nuôi cung cấp nhiều sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.<br>a) Cung cấp thực phẩm(thịt,trứng,sữa) phục vụ đời sống.<br>b) Chăn nuôi cho sức kéo như trâu, bò, ngựa.<br>c) Cung cấp phân bón cho cây trồng.<br>d) Cung cấp nguyên liệu gia công đồ dùng. Y dược và xuất khẩu. |

| | |
|---|---|
| **2.Tìm hiểu nhiệm vụ phát triển chăn nuôi trong thời gian tới.**<br>1.Mục tiêu : - Biết được nhiệm vụ của ngành chăn nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>**GV:** Cho học sinh quan sát sơ đồ 7 và trả lời câu hỏi.<br>C1 ? Hãy mô tả nhiệm vụ phát triển chăn nuôi của nước ta trong thời gian tới<br>Gv yc HS liên hệ thực tế ?<br>C2 ?Ở địa phương em có những quy mô chăn nuôi nào? Gia đình nuôi những con vật nào?<br>C3 ? Thế nào là sản phẩm chăn nuôi sạch ?<br>**Thực hiện nhiệm vụ**<br>- Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi<br>- Giáo viên quan sát các nhóm tl<br>- Dự kiến sản phẩm<br>C1: +Phát triển chăn nuôi toàn diện ( Đa dạng về loài, đa dạng về quy mô ).<br>+ Đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất ( giống như giống ngoại nhập, thức ăn, chăm sóc thú y như tiêm phòng chữa trị bệnh ).<br>Tăng cường cho đầu tư nghiên cứu và quản lý ( Về cơ sở vật chất như tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn , năng lực cán bộ như đào tạo kĩ sư ,bác sĩ thú y ,kĩ sư nông nghiệp …)<br>C2: Chăn nuôi quy mô nhỏ ,trang trại<br>+ Nuôi chủ yếu như: lợn, gà, vịt trâu, bò<br>C3: Sản phẩm chăn nuôi sạch là sản phẩm không chứa các chất đôc hại như kháng sinh, hoocmoon tăng trưởng<br>***Báo cáo kết quả:** | **II.Nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta.**<br><br>- Phát triển chăn nuôi toàn diện<br>( Đa dạng về loài, đa dạng về quy mô ).<br><br>- Đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất ( giống, thức ăn, chăm sóc thú y ).<br>- Tăng cường cho đầu tư nghiên cứu và quản lý ( Về cơ sở vật chất, năng lực cán bộ…)<br>- Nhằm tăng nhanh về khối lượng, chất lượng sản phẩm chăn nuôi cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.<br>. |

| | |
|---|---|
| - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

## C. **Hoạt động luyện tập (3phút)**

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Trình bày miệng

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân để hoàn thành phiếu học tập sau:

Hãy đánh dấu X vào ô trống thể hiện các nhiệm vụ của ngành chăn nuôi?

a. Cung cấp thịt trứng sữa cho con người
b. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và quản lí
c. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nhẹ
d. Phát triển chăn nuôi toàn diện
e. Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất
f. Tăng nhanh khối lượng và chất lượng sản phẩm

- *Học sinh tiếp nhận suy nghĩ trả lời*

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm:

Các ý b,d,e,f

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-GV hệ thống nội dung bài học, mục tiêu cần đạt được.

- GV: Hệ thống lại bài, tổng kết đánh giá

## **D. Hoạt động vận dụng:5 phút**

1.Mục tiêu : Vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề ô nhiễm trong chăn nuôi

2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra các câu hỏi

Câu 1: Sử dụng phân chuồng có vai trò gì trong cải tạo đất? Làm thế nào để giữ vệ sinh môi trường khi sử dụng phân chuồng ?
Câu 2: Theo em khi xây dựng quy mô trang trại lớn có ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh không? Nếu có em có những biện pháp nào để hạn chế tình trạng trên

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm:

C1: Tạo lớp mùn cho đất cung cấp các chất dinh dưỡng. Khi sử dụng phân chuồng ta nên ủ phân trước khi sử dụng
C2: Làm ô nhiễm môi trường xung quanh
BP: Nên xây hầm bioga. Không xả chất thải ra môi trường , thường xuyên rửa chuồng trại đảm bảo vệ sinh

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. **<u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2 phút</u>**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

? Em  làm thế nào để mọi người dân nhận thức được vấn đề giữ gìn môi trường trong chăn nuôi

***Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 25
Ngày soạn:  19/02/
Ngày dạy:  28/02/

## TIẾT 32:  GIỐNG VẬT NUÔI.

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Hiểu được khái niệm về giống vật nuôi và cơ sở kha học để phân loại giống vật nuôi.
- Xác định được vai trò,tầm quan trọng của giống vật nuôi đối với năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**2. Kỹ năng:**

- Phát triển kĩ năng quan sát,phân tích,so sánh.
- Có kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất chăn nuôi ở gia đình.

**3.Thái độ**:

- Có ý thức say sưa học tập kỹ thuật chăn nuôi.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV:+ Nghiên cứu SGK, hình vẽ 51,52,53 SGK.Soạn giáo án
  +Chuẩn bị bảng phụ.
- HS:Học bài cũ, đọc SGK, xem hình vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

### A. Hoạt động khởi động.

1. Mục tiêu: Cho HS hiểu được vai trò của giống vật nuôi
2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động  cá nhân

3. Sản phẩm hoạt động

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu câu hỏi

C1?Trình bày vai trò của chăn nuôi,cho VD.

C2? Em hãy nêu nhiệm vụ phát triển chăn nuôi trong thời gian tới?

- Học sinh tiếp nhận…

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

- Giáo viên

- Dự kiến sản phẩm

C1:

+ Chăn nuôi cung cấp nhiều  sản phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

a) Cung cấp thực phẩm(thịt,trứng,sữa) phục vụ đời sống.

b) Chăn nuôi cho sức kéo như trâu, bò, ngựa.

c) Cung cấp phân bón cho cây trồng.

d) Cung cấp nguyên liệu gia công đồ dùng. Y dược và xuất khẩu.

C2: - Phát triển chăn nuôi toàn diện

( Đa dạng về loài, đa dạng về quy mô ).

- Đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất  ( giống, thức ăn, chăm sóc thú y ).

- Tăng cường cho đầu tư nghiên cứu và quản lý ( Về cơ sở vật chất, năng lực cán bộ…)

- Nhằm tăng nhanh về khối lượng, chất lượng sản phẩm chăn nuôi cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học ...

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài : Tục nhữ có câu “Tốt giống, tốt má , tốt mạ, tốt lúa” điều này nói nên mqh chặt chẽ giữa giống và năng suất chăn nuôi, nhất lượng sản phẩm.bài học hôm nay chung ta tìm hiểu về mối quan hệ này

**Hoạt động hình thành kiến thức**.(30 phút)

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu khái niệm về giống vật nuôi.**<br>1.Mục tiêu : - Biết được  vai trò của giống và phân loại giống,<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi | **I. Khái niệm về giống vật nuôi.**<br>**1.Thế nào là giống vật nuôi.** |

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

-GV treo bảng phụ ghi các đặc điểm của 1 số giống vật nuôi lên bảng cho HS quan sát.

| Giống vật nuôi | Đặc điểm ngoại hình và hướng sx |
|---|---|
| 1/Vịt cỏ | -Lấy trứng.<br>-Tầm vóc nhỏ bé,nhanh nhẹn,lông có nhiều màu. |
| 2/Bò sữa Hà Lan | -Màu lông lang trắng đen.<br>-Sản lượng sữa cao. |
| 3/Lợn Landrát | -Thân dài,tai to rủ xuống trước mặt.<br>-Tỉ lệ thịt nạc cao. |

C1: GV yêu cầu học sinh HĐN hoàn thành bài tập sau vào phiếu học tập : Em hãy điền các từ sau: ngoại hình, năng suất, chất lượng sản phẩm vào chỗ trống cho phù hợp

-Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra. Mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm…….giống nhau, có …….và ……như nhau, có tính di truyền ổn định có số lượng cá thể nhất định

C2: Em hãy lấy Vd về giống vật nuôi và nêu đặc điểm ngoại hình của chúng

HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

+ C1: Ngoại hình, năng suất và chất lượng sản phẩm

C2:

- Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra, mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm ngoại hình giống nhau, có năng xuất và chất lượng sản phẩm như nhau, có tính di truyền ổn định, có số lượng cá thể nhất định.

VD

| | |
|---|---|
| - Gà ri<br><br><br>- Lợn móng cái | - chân thấp, bé, lông màu đỏ thẫm, đen<br>- Thấp, bụng xệ, má nhăn. |

| | |
|---|---|
| - Gà ri | - chân thấp, bé, lông màu đỏ thẫm, đen |
| - Lợn móng cái | - Thấp, bụng xệ, má nhăn. |

***Báo cáo kết quả:**
- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:
- GV: Nêu câu hỏi

? để phân loại giống vật nuôi người ta dựa vào những tiêu chí nào? Mỗi tiêu chí hãy lấy VD

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:

Dự kiến trả lời:

a) Theo địa lý
b) Theo hình thái ngoại hình
c) Theo mức độ hoàn thiện của giống.
d) Theo hướng sản xuất.

***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.

**2. Tìm hiểu vai trò của giống trong chăn nuôi.**

1.Mục tiêu : Hiểu được vai trò của giống trong chăn nuôi

2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

**2.Phân loại giống vật nuôi.**

a) Theo địa lý
b) Theo hình thái ngoại hình
c) Theo mức độ hoàn thiện của giống.
d) Theo hướng sản xuất.

**II. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi.**

**1) Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.**

- ( Bảng 3 SGK )

**2). Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.**

| | |
|---|---|
| 4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>-Gv giới thiệu bảng năng suất chăn nuôi của 1 số giống vật nuôi(SGK-T85)<br>- GV: yc HĐN trả lời câu hỏi sau<br>?Theo em năng suất trứng của gà Logo khác nhau là do đâu.<br>?Ngoài yếu tố giống thì năng suất của chăn nuôi còn phụ thuộc vào yếu tố nào nữa<br>-GV giới thiệu bản tỉ lệ mỡ sữa của 1 số giống vật nuôi(SGK)<br>?Theo em tỉ lệ mỡ trong sữa của trâu Mu-ra,bò Hà Lan,bò Sin là do yếu tố nào quyết định.<br>? Qua câu hỏi trên em cho biết giống có vai trò gì trong chăn nuôi?<br>HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>- Do giống- yếu tố di truyền<br>- Thức ăn nuôi dưỡng chăm sóc<br>- Di truyền của giống<br>= Kl Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.<br>Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | |

C. **Hoạt động luyện tập(5p)**

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi
Câu 1: Thế nào là giống vật nuôi ? Em hãy lấy VD
Câu 2: Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?
HS: Lắng nghe câu hỏi

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh suy nghĩ trả lời
- Giáo viên q/s,hd
- Dự kiến sản phẩm:

C1- Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra, mỗi giống vật nuôi đều có đặc điểm ngoại hình giống nhau, có năng xuất và chất lượng sản phẩm như nhau, có tính di truyền ổn định, có số lượng cá thể nhất định.

C2: Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng(5P)

1.Mục tiêu : nắm vững đặc điểm của giống vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

Hình thức tổ chức hoạt động: GV cho HS thực nhóm để làm bài
GV nêu câu hỏi

Câu 1? Ở gia đình em có nuôi những giống vật nuôi nào? Những giống vật nuôi này có đặc điểm gì ?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng**.(3p)

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

Hãy tìm hiểu đặc điểm của một số giống vật nuôi ở quê hương em

| Tên giống vật nuôi | Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất |
|---|---|
| | |
| | |

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: về nhà làm vào vở

**4. Rút kinh nghiệm:**

Tuần 26
Ngày soạn: 26/ 02 /
Ngày dạy: 5/3/

**TIẾT 33: SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT DỤC CỦA VẬT NUÔI.**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh:

-Trình bày được KN về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.Lấy VD.

- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát dục

**2. Kỹ năng**:

-Phát triển lỹ năng quan sát,phân tích,so sánh.

**3.Thái độ**:

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Nghiên cứu SGK, thu thập tài liệu, sơ đồ SGK=>Soạn giáo án.

Bảng phụ Bài tập trong sách giáo khoa T 87

- HS: Đọc SGK, xem hình vẽ

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động ( 3 phút )**

11. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
12. Phương thức:Hđ cá nhân.
13. Sản phẩm : Trình bày miệng.
14. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

- Gv đánh giá

15.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Thế nào là một giống vật nuôi?

Câu 2: Em hãy nêu điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Giống vật nuôi là sản phẩm do con người tạo ra. Mỗi giống vật nuôi dều có đăc điểm ngoại hình giống nhau, có năng suất và chất lượng như nhau, có tính di truyền ổn định, có số lượng cá thể nhất định.

C2: - các vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc;

- Có đăc điểm về ngoại hình và năng suất giống nhau;
- Có tính di truyền ổn định;
- Đạt đến một số lượng cá thể nhất định và có địa bàn phân bố rộng.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bầy miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét bổ xung

Gv đánh giá cho điểm

- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài: Sự phát triển của vật nuôi từ lúc còn là hợp tử đến lúc thành cá thể non đến trưởng thành rồi già cỗi diễn ra rất phức tạp nhưn tuân theo những quy luật nhất định.Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu những kiến thức cơ bản về quá trình sinh trưởng và phát dục của vật nuôi và mối quan hệ khăng khít giữa chúng.

**B. Hình thành kiến thức.( 25 phút)**

| Hoạt động của giáo viên và học sinh | Nội dung |
|---|---|
| **I.Khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.**<br>1. Mục tiêu: Hiểu được khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ** | **I.Khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.**<br>**1.Sự sinh trưởng.** |

| | |
|---|---|
| Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Quan sát tranh và nêu nhận xét về khối lượng,hình dạng,kích thước của 3 con ngan.<br>C2: Hãy nêu cụ thể sự thay đổi về hình dáng và kích thước một số bộ phận cơ thể con ngan.<br>C3:Vậy thế nào là sự sinh trưởng.<br>C4: Hãy lấy VD về sự sinh trưởng của vật nuôi mà em biết.<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: Khối lượng, hình dạng kích thước của 3 con ngan khác nhau<br>C2: Chân to hơn, cánh dài ra , mỏ cứng hơn.<br>C3: - Là sự tăng lên về khối lượng, kích thước các bộ phận của cơ thể.<br>C4: VD:Sự sinh trưởng của lợn Móng Cái:<br>+Lợn mới sinh:1,2kg.<br>+Lợn cai sữa:15kg.<br>+Lợn trưởng thành:50=>100kg.<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>-GV yêu cầu HS quan sát thật kĩ H54(SGK)<br>Gv nêu câu hỏi<br>?Em thấy mào của 3 con ngan này có gì khác nhau không.<br>Hs lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó trả lời câu hỏi | - Là sự tăng lên về khối lượng, kích thước các bộ phận của cơ thể.<br>VD:Sự sinh trưởng của lợn Móng Cái:<br>+Lợn mới sinh:1,2kg.<br>+Lợn cai sữa:15kg.<br>+Lợn trưởng thành:50=>100kg.<br><br>**2. Sự phát dục.**<br><br>-Là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể. |

| | |
|---|---|
| Dự kiến câu trả lời: Mào của con ngan thứ 3 to và đỏ hơn con ngan thứ nhất<br>-GV:Các đặc điểm đó thể hiện con ngan thứ 3 đã thành thục sinh dục (các bộ phận của cơ quan sinh dục đã hoàn thiện).<br>**GV mở rộng**<br>?Em hãy cho biết con gà trống thành thục sinh dục khác con gà trống còn nhỏ ở điểm nào.<br>Dự kiến trả lời: Mào đỏ,to,biết gáy,biết đạp mái.<br>-GV:Đó là sự phát dục ở con đực.Ở con cái,cùng với sự phát triển của cơ thể,buồng trứng của con cái lớn dần.Đó là sự sinh trưởng của buồng trứng.Khi đã lớn,buồng trứng bắt đầu sản sinh ra trứng,đó là sự phát dục của con cái.<br>?Vậy thế nào là sự phát dục.<br>Dự kiến trả lời: -Là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể.<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>-GVtổ chức cho HS hoàn thành bài tập trong SGK:Hãy đọc rồi đánh dấu (x) vào…….<br>=>Gv chữa bài tập.<br>**<u>II. Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.</u>**<br><br>1. Mục tiêu: Biết được các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình | VD:Gà trống thành thục sinh dục: biết gáy,biết đạp mái,mào to ,rõ.<br><br>**<u>II. Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.</u>**<br><br>- Thức ăn<br>- Chuồng trại,chăm sóc<br>- Khí hậu<br>- Các yếu tố bên ngoài ( ĐK ngoại cảnh )<br>- Yếu tố bên trong ( $Đ^2$ di truyền ). |

| | |
|---|---|
| ***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1:Cùng một điều kiện chăm sóc nhưng lợn Ỉ có khối lượng tăng trọng không bằng lợn Lanđrat.Tại sao?<br>C2:Cùng là giống lợn Ỉ nhưng 2 con lại có sự tăng trọng khác nhau. Tại sao?<br>C3:Vậy để năng suất chăn nuôi cao ta phải làm gì.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: Do giống quyết định.<br>C2: Do yếu tố chăm sóc,thức ăn.<br>C3: giống và kĩ thuật chăn nuôi tốt.<br>GV:Dùng sơ đồ giải thích các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của vật nuôi<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>**-**HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng | |

## C. Hoạt động luyện tập (12 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:

? Điềuquan trọng nhất các em học được hôm nay là gì. Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
- Hs: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức

***Báo cáo kết quả:**

Hs trình bầy nhanh

***Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững được khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi để vận dụng vào thực tiễn.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra câu hỏi

Hãy nêu đặc điểm sinh trưởng và phát dục của sự tăng cân của ngan con theo ngày ,tuần tuổi?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS Làm việc cá nhân

*** Báo cáo kết quả:**

Hs đứng tại chỗ trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Gv nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng ( 2 phút)

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv: hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Em hãy sưu tầm những kinh nghiệm chọn giống của địa phương em
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi cuối bài
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi cuối bài
- Đọc và xem trước bài 33 Một số phương pháp chọn lọc

*** Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 26
Ngày soạn: 26/ 02 /
Ngày dạy: 07/3/

## TIẾT 34: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHỌN LỌC VÀ QUẢN LÝ GIỐNG VẬT NUÔI.

**I. Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh
- Giải thích được KN về chọn lọc giống vật nuôi.

-Nêu được phương pháp chọn lọc hàng loạt và kiểm tra cá thể để chọn lọc giống vật nuôi.

-Trình bày được ý nghĩa,vai trò và các biện pháp quản lí tốt giống vật nuôi.

**2. Kỹ năng**:

-Phát triển kĩ năng quan sát,so sánh,phân tích.
- Biết vận dụng được một số phương pháp chọn giống vật nuôi thông thường.

**3.Thái độ:**

-Có hứng thú học tập,yêu thích bộ môn.

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Nghiên cứu SGK, thu thập tài liệu, sơ đồ SGK=>Soạn giáo án.
  Bảng phụ
- HS: Đọc SGK, xem hình vẽ, sơ đồ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

### A. Hoạt động khởi động ( 3 phút )

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Trình bày miệng.

4. Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

C1: Em hãy cho biết thế nào là sự sinh trưởng, phát dục của vật nuôi?

C2:Những yếu tố GV đưa ra vấn đề thực tiễn trong chăn nuôi

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Sự sinh trưởng là sự tăng lên về khối lượng, kích thước các bộ phận của cơ thể.
- Sự phát dục là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể.

C2: - Những yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và sự phát dục của vật nuôi là: Đặc điểm di truyền và điều kiện ngoại cảnh
- Chọn giống gà con mới nở phải chọn những con lông bông nhanh nhẹn to khỏe biểu hiện rõ những ưu điểm của giống.Loại bỏ những con hở rốn, vẹo mỏ, khoèo chân, hỏng mắt bụng phệ .....

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bầy miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét bổ xung

Gv đánh giá cho điểm

- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài: Muốn chăn nuôi đạt hiệu quả cao,người chăn nuôi phải duy trì công tác chọn lọc để giữ lại những con tốt nhất đóng góp tối đa cho thế hệ sau và loại bỏ những con có nhược điểm.Việc làm đó được gọi là chọn giống.Vậy để về KN,các pp chọn lọc giống vật nuôi và công tác quản lí giống vật nuôi ntn ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**B. Hình thành kiến thức**.

| Hoạt động của gv và hs | Nội dung |
|---|---|
| **I. Khái niệm về chọn giống vật nuôi.**<br>1. Mục tiêu: Hiểu được khái niệm chọn giống vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá | **I. Khái niệm về chọn giống vật nuôi.**<br><br>- Căn cứ vào mục đích chăn nuôi để chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống gọi là chọn giống vật nuôi. |

| | |
|---|---|
| 5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>GV giới thiệu: chọn giống là hình thức chọn lọc nhân tạo do con người tiến hành giữ lại vật nuôi tốt phù hợp với y/c sản xuất<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Gia đình em có nuôi gà không?Nhằm mục đích gì.<br>C2:Vậy theo em thế nào là chọn giống vật nuôi.<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: HS liên hệ thực tế trả lời.<br>C2: Căn cứ vào mục đích chăn nuôi để chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống<br>**GV mở rộng**<br>GV y/c HS làm bài tập sau trên bảng phụ và y/c HS thảo luận theo nhóm<br>Ghép ND mục 1,2,3,4 phù hợp với ND a,b,c,d<br>1.Mắt a.Sáng ,không có khuyết tật<br>2.Mỏ b. To, thẳng cân đối<br>3.Chân c.Mượt, màu đặc trưng của giống<br>4.Lông d. Khép kín<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>**II. Một số phương pháp chọn giống vật nuôi.**<br>**1.Chọn lọc hàng loạt.**<br>1. Mục tiêu: Biết được một số phương pháp chọn giống vật nuôi | **II. Một số phương pháp chọn giống vật nuôi.** |

| | |
|---|---|
| 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Em hãy cho biết pp chọn lọc hàng loạt được tiến hành ntn.<br>-GV lấy VD:khi tiến hành chọn lọc hàng loạt lợn để làm giống thì căn cứ vào tiêu chuẩn giống lợn đã định sẵn, trong đàn lợn những con nào đạt tiêu chuẩn thì chọn để nuôi đồng loạt.<br>- GV y/c HS làm bài tập sau<br>Ghép mục 1-5 với a-e sao cho phù hợp<br>1 Mông nở ,đùi to<br>2. Lưng dài bụng gọn<br>3. Vai bằng phẳng nở nang,ngực sâu,sườn tròn, mặt thanh, mắt sáng<br>4. Mặt thanh, mắt sáng<br>5. 10kg<br>a.Khối lượng<br>b. Đầu và cổ<br>c. Thân trước<br>d. thân giữa<br>e. Thân sau<br>C2:Vậy theo em chọn lọc hàng loạt có ưu điểm gì.<br>C3: Thế nào là kiểm tra năng suất<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực | **1.Chọn lọc hàng loạt.**<br><br>- Là phương pháp dựa vào các điều kiện chuẩn đã định trước để lựa chọn từ đàn vật nuôi những cá thể tốt nhất làm giống.<br><br>-Ưu điểm:đơn giản,phù hợp với trình độ KT về công tác giống còn thấp.<br><br>**<u>2.Kiểm tra năng suất.</u>**<br>- Vật nuôi chọn lọc được nuôi trong một môi trường điều kiện chuẩn, trong cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đã đạt được đem so sánh với kết quả đã định trước để chọn con tốt nhất. |

| | |
|---|---|
| Dự kiến câu trả lời:<br>C1: Là phương pháp dựa vào các điều kiện chuẩn đã định trước để lựa chọn từ đàn vật nuôi những cá thể tốt nhất làm giống.<br>C2: đơn giản,phù hợp với trình độ KT về công tác giống còn thấp.<br>C3: - Vật nuôi chọn lọc được nuôi trong một môi trường điều kiện chuẩn, trong cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đã đạt được đem so sánh với kết quả đã định trước để chọn<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>**III. Quản lý giống vật nuôi.**<br>1. Mục tiêu: Biết được mục đích và các biện pháp quản lý giống vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐ cặp đôi trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1 :Thế nào là quản lý giống vật nuôi?<br>C2: Quản lý giống vật nuôi nhằm mục đích gì?<br>C3: Nêu các biện pháp quản lý giống vật nuôi?<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm | **III. Quản lý giống vật nuôi.**<br>- Quản lý giống vật nuôi bao gồm việc tổ chức và sử dụng giống vật nuôi.<br>- Mục đích của việc quản lý giống là nhằm giữ và nâng cao phẩm chất giống.<br>- Các biện pháp<br>+ Đăng kí quốc gia các giống vật nuôi.<br>+Phân vùng chăn nuôi.<br>+Chính sách chăn nuôi.<br>+Quy định về sử dụng đực giống ở chăn nuôi gia đình. |

| | |
|---|---|
| GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: - Quản lý giống vật nuôi bao gồm việc tổ chức và sử dụng giống vật nuôi.<br>C2: - Mục đích của việc quản lý giống là nhằm giữ và nâng cao phẩm chất giống.<br>C3: - Đăng kí quốc gia các giống vật nuôi.<br>- Phân vùng chăn nuôi.<br>- Chính sách chăn nuôi.<br>- Quy định về sử dụng đực giống ở chăn nuôi gia đình.<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng | |

## C. Hoạt động luyện tập (12 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ:**
- Gv yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:
? Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì. Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
- Hs: hệ thống lại kiến thức
***Thực hiện nhiệm vụ:**
HS: làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức
***Báo cáo kết quả:**
Hs trình bầy nhanh
***Đánh giá kết quả**
- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững được khái niệm về chọn giống vật nuôi để vận dụng vào thực tiễn.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra câu hỏi

Câu hỏi: Ở địa phương em đã áp dụng phương pháp nào để chọn giống vật nuôi?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS Làm việc cá nhân

*** Báo cáo kết quả:**

Hs đứng tại chỗ trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Gv nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng ( 2 phút)

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv: hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Em hãy sưu tầm những kinh nghiệm chọn giống của địa phương em
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi cuối bài
- Đọc và xem trước bài 33 Một số phương pháp chọn lọc
- Về nhà hỏi ông bà cha mẹ: : Có câu nói muốn chọn trâu tốt nên chọn theo kinh nghiệm :"Sừng cánh lá ,dạ bình vôi, mắt ốc nhồi, tai lá mít, đít lồng bàn". Câu nói này có ý nghĩa gì?

*** Rút kinh nghiệm**

Tuần 27
Ngày soạn: 06/ 03 /
Ngày dạy: 12/3/

# TIẾT 35
# NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Biết được thế nào là chọn phối và các phương pháp chọn giống vật nuôi

**2. Kỹ năng**:

- Hiểu được khái niệm và phương pháp nhân giống thuần chủng

**3.Thái độ**:

- Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. GV: Nghiên cứu SGK, tranh vẽ minh hoạ.
2. HS: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động ( 3 phút )**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức:Hđ cá nhân.
6. Sản phẩm : Trình bày miệng.
7. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

8. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

C1: Thế nào là giống vật nuôi?

C2: Em hãy cho biết phương pháp chọn lọc giống vật nuôi đang được dùng ở nước ta?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: Căn cứ vào mục đích chăn nuôi để chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống gọi là chọn giống vật nuôi

C2: - Ở nước ta hiện nay đang dùng phổ biến phương pháp chọn lọc hàng loạt và kiểm tra cá thể để chọn giống vật nuôi.

- Muốn phát huy được ưu thế của giống vật nuôi cần phải quản lý tốt giống vật nuôi.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bầy miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét bổ xung

Gv đánh giá cho điểm

- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài: Ở địa phương em có nuôi giống gà Đông Tảo đây là giống gà quý và khi bán ra thị trường giá rất đắt. Để tạo ra nhiều vật nuôi để phục vụ cho chăn nuôi cần có những biện pháp nào?

HS: phải tiến hành chọn phối và cho sinh sản

? Vậy có những cách chọn phối nào chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay

**B: Hình thành kiến thức**.

| Hoạt động của Gv và Hs | Nội dung |
|---|---|
| **I. Chọn phối.**<br>1. Mục tiêu: Hiểu được khái niệm chọn phối và phương pháp chọn phối.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Muốn đàn vật nuôi con có đặc điểm tốt của giống thì vật nuôi bố mẹ phải ntn?<br>C2: Làm thế nào để phát hiện được con giống tốt?<br>C3: Sau khi chọn con đực và con cái tốt thì phải làm gì để tăng số lượng vật nuôi<br>Em hãy lấy VD<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực | **I. Chọn phối. 10'**<br>**1.Thế nào là chọn phối.**<br><br>- Chọn ghép đôi giữa con đực và con cái để cho sinh sản gọi là chọn phối. |

Dự kiến câu trả lời:
C1: Vật nuôi bố mẹ phải là giống tốt
C2: Phải chọn lọc
C3: Ghép đôi cho sinh sản
***Báo cáo kết quả**
- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm
***Đánh giá kết quả:**
-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
GV: Chốt kiến thức, ghi bảng
***Chuyển giao nhiệm vụ**
Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi
- Gv nêu câu hỏi
C1: Sau khi đã có một giống vật nuôi tốt làm thế nào để tăng số lượng cá thể lên?
C2: ở địa phương em đã có các giống vật nuôi gì?
C3: Để tạo giống mới người chăn nuôi thường lai với vật ngoại nhập có năng suất cao. Em hãy lấy VD
HS: lắng nghe câu hỏi
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm
GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực
Dự kiến câu trả lời:
C1: Cho con đực và con cái giống vật nuôi đó giao phối để sinh con
C2: Gia súc gia cầm
***GV mở rộng**
GV y/c Hs làm bài tập theo nhóm trên bảng phụ

| Con đực | Con cái | PP chọn phối |
|---|---|---|
| | Lợn móng cái | Cùng giống |
| Lợn lanđrat | | Khác giống |
| | Bò vàng VN | Cùng giống |
| Bò Sin Ấn độ | | Khác giống |

**<u>2.Các phương pháp chọn phối.</u>**
- Chọn ghép con đực và con cái trong cùng giống đó để nhân lên một giống tốt.

- Chọn ghép con đực với con cái khác giống nhau để lai tạo giống.

| | | |
|---|---|---|
| | Vịt cỏ | Cùng giống |
| Vịt Bắc Kinh | | Khác giống |

***Báo cáo kết quả**
- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm

***Đánh giá kết quả:**
-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
GV: Chốt kiến thức, ghi bảng

**II. Nhân giống thuần chủng.**

1. Mục tiêu: Biết được thế nào là nhân giống thuần chủng
2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**
Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi
- Gv nêu câu hỏi
C1: Nhân giống thuần chủng là gì
C2: Mục đích nhân giống thuần chủng?
C3: Phương pháp nhân giống thuần chủng là gì?
C4: Kết quả nhân giống thuần chủng là gì
HS: lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm
GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực
Dự kiến câu trả lời:
C1: Hình thức chọn phối cùng giống
C2: - Tăng số lượng cá thể
- Củng cố đặc điểm tốt của giống
C3: - Chọn cá thể đực cái tốt của giống
- Cho giao phối để sinh con

**II. Nhân giống thuần chủng. 20'**

**1.Nhân giống thuần chủng là gì?**
- Là phương pháp nhân giống chọn ghép đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống.
- Tạo ra nhiều cá thể của giống đã có, giữ vững và hoàn chỉnh đặc tính của giống đã có.
- Bài tập ( SGK )

| | |
|---|---|
| - Chọn con tốt trong đàn con nuôi lớn, lại tiếp tục chọn<br>C4: - Tăng số lượng cá thể<br>- Củng cố chất lượng giống<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>***Chuyển giao nhiệm vụ**<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>Câu hỏi: Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả .<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó trả lời câu hỏi.<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời: - Xác định rõ mục đích, chọn phối tốt, không ngừng chọn lọc và nuôi dưỡng tốt đàn vật nuôi.<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng | **<u>2. Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả?</u>**<br>- Muốn nhân giống thuần chủng đạt kết quả phải xác định rõ mục đích, chọn phối tốt, không ngừng chọn lọc và nuôi dưỡng tốt đàn vật nuôi. |

## C. Hoạt động luyện tập (5phút)

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ:**
- Gv yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:
? Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì. Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?
- Hs: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**
HS: làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức

***Báo cáo kết quả:**
Hs trình bầy nhanh

***Đánh giá kết quả**
- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững được phương pháp chọn phối và nhân giống thuần chủng để vận dụng vào thực tiễn.
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**
GV đưa ra câu hỏi
Câu 1: Chọn phối là gì ? Em hãy lấy VD về chọn phối cùng giống và chọn phối khác giống
Câu 2: Mục đích của pp nhân giống thuần chủng là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ**
- HS Làm việc cá nhân

*** Báo cáo kết quả:**
Hs đứng tại chỗ trả lời

*** Đánh giá kết quả**
- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Gv nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng ( 2 phút)

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình
Gv: hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi cuối bài
- Đọc và xem trước bài 35 chuẩn bị dụng cụ, vật liệu để giờ sau thực hành: Thước lá, mô hình gà.
*** Rút kinh nghiệm**:

Tuần 27
Ngày soạn: 06/ 03 /
Ngày dạy: 14/3/

## TIẾT 36: THỰC HÀNH
## NHẬN BIẾT VÀ CHỌN MỘT SỐ GIỐNG GÀ QUA QUAN SÁT NGOẠI HÌNH VÀ ĐO KÍCH THƯỚC CÁC CHIỀU.

**I. Mục tiêu:**
***1. Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh
- Phân biệt được một số giống gà qua quan sát một số đặc điểm, ngoại hình
- Phân biệt được phương pháp chọn gà mái đẻ trứng dựa vào một vài chiều đo đơn giản.

***2. Kỹ năng***:
- Rèn luyện ý thức cẩn thận, chính xác.

***3.Thái độ:***
- Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực**
- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực thực hành

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**
- GV: Chuẩn bị giống gà, dụng cụ nhất gà, dụng cụ vệ sinh, tranh vẽ, mô hình
- HS: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động (3 phút)**

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Trình bày miệng.
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:
? Thế nào là chọn phối? Lấy vd về chọn phối ? Có những pp chọn phối nào
? Thế nào là nhân giống thuần chủng? Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả cao

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.
C1- Chọn ghép đôi giữa con đực và con cái để cho sinh sản gọi là chọn phối.
- Chọn ghép con đực và con cái trong cùng giống đó để nhân lên một giống tốt.
- Chọn ghép con đực với con cái khác giống nhau để lai tạo giống.

C2: - Là phương pháp nhân giống chọn ghép đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống
- Tạo ra nhiều cá thể của giống đã có, giữ vững và hoàn chỉnh đặc tính của giống
- Muốn nhân giống thuần chủng đạt kết quả phải xác định rõ mục đích, chọn phối tốt, không ngừng chọn lọc và nuôi dưỡng tốt đàn vật nuôi.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung
GV đánh giá cho điểm.
GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:
Để chọn những con gà mái đẻ trứng tốt ta có những cách nào?
HS: Quan sát ngoại hình và đo kích thước các chiều
GV : Vậy cách tiến hành ntn chúng ta tìm hiểu bài thực hành

**B. Hoạt động hình thành kiến thức(30P)**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **1.Tìm hiểu về vật liệu dụng cụ**<br>1.Mục tiêu : Giúp HS chuẩn bị đầy đủ dụng cụ và kĩ năng cần thiết khi học tiết thực hành<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân. | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết.** |

| | |
|---|---|
| 3.Sản phẩm : Trình bày miệng.<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs đánh giá<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>*** Chuyển giao nhiệm vụ:**<br>Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:<br>? Để làm được bài thực hành này ta phải chuẩn bị những vật liệu và dụng cụ gì?<br>HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>- Tranh ảnh,vật mẫu các giống gà Ri, gà Lơgo, gà Đông Tảo …..<br>-Thước đo<br>***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-Hs nhận xét, bổ sung<br>GV đánh giá<br>GV nêu nội quy và nhắc nhở học sinh đảm bảo an toàn trong khi thực hành, giữ gìn vệ sinh môi trường.<br>- Chia học sinh làm 2 nhóm , mỗi dãy là 1 nhóm:<br>Nhóm 1: Quan sát ngoại hình<br>Nhóm 2: Đo kích thước các chiều | - Tranh ảnh,vật mẫu các giống gà Ri, gà Lơgo, gà Đông Tảo …..<br>-Thước đo |
| **<u>2. Tổ chức thực hành.</u>**<br>1.Mục tiêu : Nhận biết được một số giống gà qua quan sát ngoại ́nh và đo kích thước một số chiều đo<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>- **GV:** phân công cụ thể và giao nhiệm vụ cho từng nhóm.<br>Nhóm 1: Quan sát ngoại hình(tranh ảnh) về đặc điểm ngoại hình. HS nhận dạng 1số giống gà vào bảng: | **<u>II. Quy trình thực hành.</u>**<br>Bước 1. Nhận xét ngoại hình.<br>- Hình dáng toàn thân. |

| STT | -Tên giống gà -Hướng sản xuất | Hình dáng toàn thân | Màu sắc lông da | Đầu gà (mào tai) | Chân(to, nhỏ, cao, thấp) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Gà logo( hướng trứng) | | | | |
| 2 | Gà Hồ(trứng –thịt) | | | | |
| 3 | Gà ĐôngCảo (Trứng-thịt | | | | |
| 4 | Gà ri( Trứng thịt ) | | | | |

Nhóm 2: đo khoảng cách giữa 2 xương háng và đo khoảng cách giữa xương lưỡi hái

| **Giống vật nuôi** | **Cách đo** | **Kết quả đo** | | **Nhận xét** |
|---|---|---|---|---|
| | | **Rộng háng** | **Rộng xương lưỡi hái-** | |
| | a.Đo khoảnh cách giữa 2 xương háng | | | |
| | b. Đo khoảng cách giữa xương lưỡi hái và xương háng | | | |
| | | | | |
| | | | | |

HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:

-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

Dự kiến trả lời:

**<u>Bước 2:</u>** Đo một số chiều đo để chọn gà mái.

| STT | -Tên giống gà -Hướng sản xuất | Hình dáng toàn thân | Màu sắc lông da | Đầu gà (mào tai) | Chân(to, nhỏ, cao, thấp) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Gà logo( hướng trứng) | Thể hình dài | Toàn thân màu trắng | | Nhỏ bé |
| 2 | Gà Hồ(trứng –thịt) | Thân hình to thô | | Mào hạt đậu | To thấp chân có 3 hàng vẩy |
| 3 | Gà ĐôngCảo (Trứng-thịt | Thân hình to | Lông màu vàng nhạt | | Cao to xù xì nhiều hoa dâu |
| 4 | Gà ri( Trứng thịt ) | Thân hình nhỏ bé | Davàng hoặc vàng trắng long pha tạp | Mào đơn | Chân cao nhỏ |

***Báo cáo kết quả:**
- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## C. Hoạt động luyện tập(3p)

Hình thức hoạt động :

**GV:** Cho học sinh thu dọn mẫu vật, vệ sinh sạch sẽ

GV đánh giá HS làm TH

+Tinh thần thái độ

+Kết quả nghiên cứu qua phiếu học tập

+Ý thức giữ gìn môi trường

## D. Hoạt động vận dụng(2p)

Hình thức hoạt động :

GV YC HS về nhà thực hành vật nuôi thật

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng (1p)

Hình thức hoạt động :
- Về nhà học bài, đọc và xem trước bài 36 chuẩn bị dụng cụ, vật liệu để giờ sau TH.
***Rút kinh nghiệm**.

Tuần 28
Ngày soạn: 13/3 /
Ngày dạy: 19/3/

## TIẾT 37: THỰC HÀNH

# NHẬN BIẾT MỘT SỐ GIỐNG LỢN QUA QUAN SÁT NGOẠI HÌNH VÀ ĐO KÍCH THƯỚC CÁC CHIỀU.

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Phân biệt được một số giống lợn qua quan sát một số đặc điểm, ngoại hình

***2. Kỹ năng:***

- Biết được phương pháp đo một số chiều đo của lợn.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức học tập say sưa, quan sát tỷ mỉ trong việc nhận biết các loại giống lợn nuôi.

**4. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực thực hành

**II.Chuẩn bị của GV - HS**

1. GV: Chuẩn bị: Mô hình Giống lợn, dụng cụ đo, dụng cụ vệ sinh, tranh vẽ, mô hình
2. HS: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**.

**A. Hoạt động khởi động:5’**

Gv nêu câu hỏi

Trong chăn nuôi muốn biết khối lượng con lợn mà không cân được ta làm như thế nào

HS : Ta có thể đo chiều dài thân, và đo vòng ngực

GV nhân xét và dẫn dắt vào bài : Từ kết quả đo vòng ngực và đo dài thân có cách tính khối lượng của con lợn .vậy cách đo như thế nào và cách tính trọng m hiêu bài lượng ra sao ta tìm hiểu bài hôm nay

B. **Hình thành kiến thức**.

Hình thức tổ chức hoạt động: thuyết trình, thảo luận nhóm, phát vấn, đàm thoại…

| Hoạt động của Gv và HS | Nội dung |
|---|---|
| **Chuẩn bị**<br>**- PP:** Nêu và giải quyết vấn đề;Thuyết trình; Vấn đáp;<br>**- KT:** KT đặt câu hỏi, Làm việc cá nhân<br>- GV nêu yêu cầu bài thực hành->-HS xem SGK trả lời | **I.Chuẩn bị** |

-1 HS đọc phần chuẩn bị SGK để cả lớp nắm chắc nội dung cần chuẩn bị và nội dung thực hành của bài.

- GV KiÓm tra sù chuÈn bÞ cña HS - > nhËn xÐt

GV: Híng dÉn HS lµm viÖc c¸ nh©n

GV nhắc nhở nội quy thực hành và phân công các nhóm làm thực hành

HS: Lắng nghe

**GV**- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh: thước dây, mô hình lợn

GV phân công nhiệm vụ
Nhóm 1: Hãy điền nội dung vào bảng sau
Các chỉ tiêu:
+ Lông da, tai, mắt mõm, Kết cấu toàn thân, Hướng sản xuất
Các giống lợn :
+lợn ỉ, lợn Móng Cái, lợn Đại Bạch, lợn landrat
Nhóm 2: Quan sát hình 62 y/c HS đo và ghi kết qủa

**GV:** Hướng dẫn học sinh đo trên mô hình lợn hoặc trên con lợn giống ở cơ sở chăn nuôi.
- Đo chiều dài thân.
- Đo vùng ngực.

HS: Lắng nghe

**Nội dung và trình tự**

**- PP:** Nêu và giải quyết vấn đề;Thuyết trình; Vấn đáp; Hoạt động nhóm;

**- KT:** KT đặt câu hỏi, Làm việc cá nhân; Mảnh ghép.

HS: thực hành theo nhóm đã được phân công quy trình hướng dẫn.

GV theo dõi quy trình thực hành của các nhóm để từ đó uốn nắn những sai sót của từng học sinh.

GV giới thiệu từng bước của quy trình

**II. Nội dung và trình tự thực hành**

**<u>Bước1:</u>** Quan sát đặc điểm ngoại hình.

**<u>Bước2:</u>** Đo một số chiều đo:

| Giống vật nuôi | Đặc điểm quan sát | Kết quả đo | |
|---|---|---|---|
| | | Dài thân (m) | Vòng ngực (m) |
| | | | |

| | |
|---|---|
| HS: Lắng nghe<br>Gv y/c HS thực hành<br>GV: đến từng nhóm hướng dẫn thêm<br>- Sau khi thực hành xong các đồ dùng được xếp vào nơi quy định bảo quản chăm sóc.<br>HS: Thực hành theo nhóm | |

C. **Hoạt động luyên tập, tìm tòi mở rộng: 5’**

Đánh giá kết quả:

**- HS:** Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi thực hành, tự đánh giá kết quả.

**- GV:** Nhận xét đánh giá chung về vệ sinh an toàn lao động kết quả thực hành

Hướng dẫn về nhà

- Về nhà học bài và làm bài tập SGK.
- Đọc và xem trước bài 37 SGK

*** Rút kinh nghiệm**

---

Tuần 28

Ngày soạn: 13 / 3 /

Ngày dạy: 21/3/

## TIẾT 38: THỨC ĂN VẬT NUÔI

**I. Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Biết được nguồn gốc của thức ăn vật nuôi

**2. Kỹ năng**:

- Có ý thức tiết kiệm thức ăn trong chăn nuôi.

**3.Thái độ**:

- Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, an toàn.

**4. Năng lực**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo,soạn giáo án.
2. HS: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động ( 3 phút )**

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Trình bày miệng.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

C1: Gia đình em chăn nuôi những loại gia súc và gia cầm nào ?

C2: Những vật nuôi này gia đình em thường cho ăn những thức ăn gì?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: HS: Gà ,vịt

C2: HS trả lời

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bầy miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét bổ xung

Gv đánh giá cho điểm

- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài: Thức ăn vật nuôi là nguồn cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cho mọi hoạt động sống của con vật như sinh trưởng phát triển sản xuất ra sản phẩm như thịt trứng sữa. Vậy thức ăn vật nuôi là gì? Nguồn gốc và thành phần như thế nào chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay

**B. Hình thành kiến thức**.

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **I. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi.**<br>1. Mục tiêu: Hiểu được nguồn gốc thức ăn vật nuôi.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ** | **I. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi.**<br>**1. Thức ăn vật nuôi.**<br>-Là sản phẩm có nguồn gốc từ ĐV,TV và chất khoáng,cung cấp năng lượng,các chất dd cần thiết cho vật nuôi tồn tại và phát triển.<br>VD:rơm,rạ,.... |

<table>
<tr>
<td>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Nhìn vào tranh vẽ hãy cho biết con trâu,con lợn,con gà đang ăn gì.<br>C2: Kể tên các loại thức ăn của trâu bò,gà, lợn<br>C3: Vậy thế nào là thức ăn vật nuôi.<br>C4: Lợn,gà có ăn được rơm khô không.Vì sao<br>C5: Tại sao trâu ,bò tiêu hóa được rơm,rạ,cỏ khô.<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>*Thực hiện nhiệm vụ:<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: con trâu đang ăn rơm, con lợn đang ăn cám, con gà đang nhặt thóc.<br>C2: - TA của trâu bò là cây cỏ, rơm..<br>- TA của lợn là cám, bã, thức ăn hỗn hợp<br>- TA của gà là lúa, ngô, côn trùng, sâu bọ<br>C3: -Là sản phẩm có nguồn gốc từ ĐV,TV và chất khoáng,cung cấp năng lượng,các chất dd cần thiết cho vật nuôi tồn tại và phát triển.<br>C4: không ăn được vì cơ quan tiêu hóa của lợn,gà không tiêu hóa được rơm khô.<br>C5: vì trong dạ cỏ của trâu,bò có hệ vi sinh vật.Nhờ hệ vi sinh vật này mà rơm,rạ,cỏ khô được tiêu hóa hết.<br>*Báo cáo kết quả<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>*Đánh giá kết quả:<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng<br>*Chuyển giao nhiệm vụ<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Hãy cho biết thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ đâu.<br>C2: GV y/c HS n/c nội dung mục 2trong SGKvà quan sát H64 và làm bài tập sau theo nhóm
<table>
<tr><td>Nguồn gốc</td><td>Tên các loại t/ăn</td></tr>
<tr><td>Thực vật</td><td></td></tr>
</table>
</td>
<td>KL: Vật nuôi chỉ ăn được những thức ăn nào phù hợp với đặc điểm sinh lý tiêu hoá của chúng.</td>
</tr>
</table>

| | |
|---|---|
| Động vật | |
| Chất khoáng | |

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm

GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực

Dự kiến câu trả lời:

C1: từ thực vật, động vật và chất khoáng:

C2:

| Nguồn gốc | Tên các loại t/ăn |
|---|---|
| Thực vật | Cám gạo, ngô vàng, bột sắn, khô dầu đậu tương |
| Động vật | Bột cá |
| Chất khoáng | Premic khoáng, premic vitamin |

-GV giới thiệu:Thóc,gạo,ngô giàu chất tinh bột người ta gọi là thức ăn tinh;rau ,cỏ,rơm,...có nhiều chất xơ gọi là thức ăn thô.Ngoài ra từ TV còn có thức ăn ủ xanh.

+Từ ĐV là loại thức ăn được chế biến từ các nguyên liệu là ĐV như: bột cá,bột tôm,....

+Chất khoáng:cung cấp thêm vật nuôi các chất:Ca,Na,P,....

-GV giải thích:Thức ăn hỗn hợp là loại thức ăn được tổng hợp từ rất nhiều loại thức ăn có nguồn gốc ĐV,TV,chất khoáng

***Báo cáo kết quả**

- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm

***Đánh giá kết quả:**

-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

GV: Chốt kiến thức, ghi bảng

**II. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi.**

1. Mục tiêu: Biết được thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

**2.Nguồn gốc thức ăn vật nuôi.**

- Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ thực vật, động vật và chất khoáng:

+Thức ăn từ TV: thức ăn tinh, thức ăn thô,thức ăn ủ xanh,....

+Thức ăn từ ĐV: bột cá,bột tôm,....

+THức ăn từ chất khoáng cung cấp Ca,Na,P,.....

| | |
|---|---|
| - Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ:**<br>Gv treo bảng thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi.<br>Gv yêu cầu Hs nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi<br>- Gv nêu câu hỏi<br>C1: Có bao nhiêu loại thức ăn cho vật nuôi?<br>C2: Các loại thức ăn đều có đặc điểm chung nào?<br>**C3:** Vẽ 5 hình tròn hình 65 sgk/101 yêu cầu học sinh nhận biết tên của từng loại thức ăn được hiển thị.<br>HS: lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm<br>GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực<br>Dự kiến câu trả lời:<br>C1: Có 5 loại<br>C2: đều có nước, protein, lipit, gluxit, khoáng và vitamin<br>C3: a- rau muống, b- rơm lúa, c- khoai lang củ, d- ngô hạt, e- bột cá.<br>***Báo cáo kết quả**<br>- Đại diện nhóm hs trình bầy kết quả thảo luận nhóm<br>***Đánh giá kết quả:**<br>-HS nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- GV nhận xét, đánh giá<br>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng | **II. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi.**<br>- Trong bảng có 5 loại thức ăn.<br>+ Thức ăn động vật giàu prôtin: bột cá.<br>+ Thức ăn thực vật: Rau xanh<br>+ Thức ăn củ: Khoai lang<br>+ Thức ăn có hạt: Ngô<br>+ Thức ăn xơ: Rơm, lúa.<br><br>- Trong thức ăn đều có nước, prôtêin, gluxít, lipít, chất khoáng.<br><br>- Tuỳ vào loại thức ăn mà thành phần và tỷ lệ dinh dưỡng khác nhau. |

## C. Hoạt động luyện tập (5 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ:**
- Gv yêu cầu cá nhân hs trả lời câu hỏi:
C1: Nguồn gốc của mỗi loại thức ăn vật nuôi?
C2:Trong mỗi loại thức ăn vật nuôi gồm những thành phần nào?

- Hs: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức

***Báo cáo kết quả:**

Hs trình bầy nhanh

***Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)

1.Mục tiêu : nắm vững được nguồn gốc và thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi để vận dụng vào thực tiễn.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đưa ra câu hỏi

? Em hãy phân tích thức ăn mà gia đình em cho vật nuôi ăn gồm có những thành phần dinh dưỡng nào.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS Làm việc cá nhân

*** Báo cáo kết quả:**Hs đứng tại chỗ trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Gv nhận xét, đánh giá

## E. Hoạt động tìm tòi mở rộng ( 2 phút)

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv: hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

*** Rút kinh nghiệm:**

Tuần 29
Ngày soạn: 20/ 3 /
Ngày dạy: 25/3/

# TIẾT 39: VAI TRÒ CỦA THỨC ĂN ĐỐI VỚI VẬT NUÔI

**I. Mục tiêu:**

**1.Kiến thức**: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Hiểu được vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi.

**2. Kỹ năng**:

- Có ý thức lao động,
- Có ý thức tiết kiệm thức ăn trong chăn nuôi.
- Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, an toàn.

**3.Thái độ**:

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. **GV**: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo=>Soạn giáo án.
   Bảng phụ
2. **HS**: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động: 5’**

16. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
17. Phương thức:Hđ cá nhân.
18. Sản phẩm : Trình bày miệng.
19. Kiểm tra, đánh giá:
    - Hs đánh giá
    - Gv đánh giá
20. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv : Dựa vào kiến thức đã học ở bài trước các em hãy HĐN , HĐ cá nhân trả lời câu hỏi
- Hs : nghe

**** Thực hiện nhiệm vụ***

- Hs trả lời câu hỏi

**?** Em hãy cho biết nguồn gốc của thức ăn vật nuôi?

**?** Thức ăn vật nuôi có những thành phần dinh dưỡng nào?

Gv: theo dõi

**** Báo cáo kết quả***

HS: đại diện nhóm báo cáo kết quả

****Đánh giá kết quả***

- Hs nhận xét, bổ sung , đánh giá

-GV nhận xét bổ sung cho điểm , gieo vấn đề và nêu mục tiêu bài học

Sau khi tiêu hóa thức ăn cơ thể vật nuôi sử dụng để tạo nên các cơ quan của cơ thể,tạo năng lượng duy trì nhiệt độ và các hoạt động,tạo ra sản phẩm chăn nuôi,…Vậy thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ ntn.Vai trò của các chất dd trong thức đối với vật nuôi ra sao?Đó là ND bài học hôm nay của chúng ta.

B. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| **<u>1.Tìm hiểu về sự tiêu hoá và hấp thụ thức ăn</u>**<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi | **I. Thức ăn được tiêu hoá và hấp thụ như thế nào?**<br>***1.Sự tiêu hóa*** |

| | |
|---|---|
| 4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu<br>sgk, trả lời câu hỏi<br>**GV:** Treo bảng tóm tắt về sự tiêu hoá và hấp thụ thức ăn để học sinh hiểu chất dinh dưỡng trong thức ăn sau khi được tiêu hoá thì cơ thể hấp thụ ở dạng nào.<br>+HS quan sát.<br>-GV:Các thành phần dd của thức ăn qua đường tiêu hóa của vật nuôi được biến đổi thành các chất dd khác để vật nuôi hấp thụ vào cơ thể,người ta gọi đó là sự tiêu hóa.<br>? Em hãy cho biết vật nuôi khi ăn Protein,lipit,gluxit, sẽ biến đổi thàng những chất gì?<br>?Hãy cho biết các thành phần dd nào của thức ăn mà qua đường tiêu hóa của vật nuôi không biến đổi.<br>? Từng thành phần dinh dưỡng của thức ăn sau khi tiêu hoá được hấp thụ ở dạng nào?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>*Dự kiến trả lời:*<br>-Vật nuôi khi ăn Protein,lipit,gluxit, sẽ biến đổi thàng chất : axit amin, đường đơn....<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm. | |

| | |
|---|---|
| ***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV mở rộng :**lấy VD về sự tiêu hóa Lipit ở lợn:enzim lipaza phân giải lipit thành glixerin và axit béo ở dạ dày và ruột non.<br>+Trâu bò: trong dạ cỏ Lipit được men xúc tác chuyển thành glixerin và axit béo.<br>+Gia cầm:Nhờ enzim lapaza biến Lipit glixerin và axit béo.<br>**HS** lắng nghe<br>-GV:Sản phẩm cuối cùng của sự tiêu hóa các thành phần dd trong thức ăn vật nuôi đó là các chất dd:aa,glixerin,axit béo,….Các chất này được vật nuôi hấp thụ vào cơ thể nhằm cung cấp năng lượng,chất dd để vật nuôi sống và phát triển<br>?Vậy thế nào là sự hấp thụ.<br>=>GV chính xác hóa,KL.<br>-GV treo bảng phụ:Bài tập SGK; yêu cầu HS làm bài.<br>**HS:** Thảo luận trả lời và làm bài tập vào vở.<br>**<u>2 Tìm hiểu về vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi.</u>**<br><br>1.Mục tiêu : Hiểu được vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi | -Là sự biến đổi thành phần dd có trong thức ăn thành cá chất dd khác mà cơ thể vật nuôi hấp thụ được.<br>VD:<br>+Protein=>axit amin.<br>+Gluxit=>đường đơn.<br><br>***2. Sự hấp thụ***<br>**-**Là sự hấp thụ các chất dd sau tiêu hóa qua thành ruột vào máu và được chuyển đến từng tế bào.<br><br>**<u>II. Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi.</u>**<br><br>- Bảng 6 (SGK). |

| | |
|---|---|
| 4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>**GV:** Cho học sinh ôn nhắc lại kiến thức về vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn.<br>-HS: Lắng nghe<br>**GV:** Nêu câu hỏi để học sinh thảo luận.<br>? Từ vai trò các chất dinh dưỡng đối với cơ thể người hãy cho biết prôtêin, Gluxít, lipít,vitamin, chất khoáng, nước có vai trò gì đối với cơ thể vật nuôi?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>*Dự kiến trả lời:*<br>Thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi.<br>**GV:** Yêu cầu học sinh làm bài tập điền khuyết đơn giản về vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn để kiểm tra sự tiếp thu của học sinh.<br>+HS làm bài theo sự hướng dẫn của GV.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | *Thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi.<br>*Thức ăn cung cấp các chất dd cho vật nuôi lớn lên và tạo ra sản phẩm chăn nuôi như thịt,cho gia cầm đẻ trứng,vật nuôi cái tạo sữa,nuôi con.Thức ăn còn cung cấp chất dd cho vật nuôi tạo ra lông,sừng,móng. |

## C. Hoạt động luyện tập:

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
Câu 1: Thức ăn được cơ thể vật nuôi tiêu hóa như thế nào?
Câu 2: Vai trò của thức ăn đối với cơ thể vật nuôi?
-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-Gv khái quát hóa ND kiến thức bài học và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ-SGK.

## D. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.
Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : ? Gà ăn thúc an như cám ngô,bột cá và rau thì vật nuôi này đã hấp thu những chất dinh dưỡng gì?
HS suy nghĩ trả lời

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. <u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng:</u>**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình
<u>Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>
- Về nhà học bài, đọc và xem trước bài 39 chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi ***Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 29
Ngày soạn: 20/ 3 /
Ngày dạy: 26/3/

## TIẾT 40: CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN CHO VẬT NUÔI.

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh:
- Biết được mục đích chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi.
- Biết được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi.

***2. Kỹ năng:***

-Phát triển kĩ năng quan sát,phân tích tranh ảnh.
-Có kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

***3.Thái độ:***

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất
- Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1.GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo=>Soạn giáo án.
2. HS: Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động**

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Trình bày miệng.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv : Dựa vào kiến thức đã học ở bài trước các em hãy HĐN , HĐ cá nhân trả lời câu hỏi
- Hs : nghe

**** Thực hiện nhiệm vụ***

- Hs trả lời câu hỏi

**?** Thức ăn được cơ thể vật nuôi tiêu hoá như thế nào?

**?**Vai trò của thức ăn đối với cơ thể vật nuôi.

Gv: theo dõi

**** Báo cáo kết quả***

HS: đại diện nhóm báo cáo kết quả

****Đánh giá kết quả***

- Hs nhận xét, bổ sung , đánh giá

-GV nhận xét bổ sung cho điểm , gieo vấn đề và nêu mục tiêu bài học

? Khi nuôi trâu bò người chăn nuôi thường làm công việc phơi rất nhiều rơm rạ đề nhằm mục đích gì?

? Nuôi lợn ,gà ta thường nấu chín các loại cám ngô,cám gạo nhằm mục đích gì?

HS suy nghĩ trả lời

GV nhận xét dẫn dắt vào bài: Như chúng ta đã biết,thức ăn có vai trò quan trọng đối với vật nuôi.Vậy làm thế nào để ta luôn có đầy đủ thức ăn tốt,ngon,giá trị dd cao để cung cấp cho vật nuôi? Để biết được điều này chúng ta cùng nghiên cứu bài học hôm nay.

A. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***<u>1.Tìm hiểu về mục đính của việc chế biến và dự trữ thức ăn.</u>***<br>1.Mục tiêu : - Biết được mục đích chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi | **I. Mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn.**<br>***1.Chế biến thức ăn.*** |

| | |
|---|---|
| 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Người nuôi lợn thường nấu chín các loại thức ăn như cám, rau,thức ăn thừa,.... nhằm mục đích gì.<br>?Khi cho gà,vịt ăn rau,cây chuối thường phải thái nhỏ mới cho ăn nhằm mục đích gì.<br>?Khi bổ sung đậu tương vào khẩu phần ăn cho vật nuôi,người ta thường phải rang chín đậu,xay nhỏ rồi mới cho ăn nhằm mục đích gì.<br>=>GV chính xác hóa,KL.<br>**?**Vậy Chế biến thức ăn nhằm mục đích gì?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>+HS làm bài theo sự hướng dẫn của GV<br>*Dự kiến trả lời:*<br>Có mùi thơm,phá hủy chất độc hại có trong đậu tương.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh | |

| | |
|---|---|
| ***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br><br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời<br><br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Hằng năm thu hoạch rau,lương thực,...thường có mùa vụ,mùa hè thường thừa thức ăn,mùa đông thường thiếu thức ăn.Vậy để vật nuôi có thức ăn quanh năm ta cần phải làm gì.<br>?Vào mùa gặt,người nông dân đánh đống rơm,rạ nhằm mục đích gì.<br>? Để có thóc ngô, khoai, sắn cho vật nuôi ăn quanh năm người nông dân phải làm gì?<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>+HS làm bài theo sự hướng dẫn của GV<br>*Dự kiến trả lời:*<br>- Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và luôn có đủ nguồn thức ăn dự trữ cho vật nuôi.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng | - Làm tăng mùi vị, tính ngon miệng,dễ tiêu hóa.(thức ăn ủ men)<br>- Khử các chất độc hại và các loại vi trùng có hại(nấu chín thức ăn).<br>-Giảm khối lượng,tăng giá trị dd (thái nhỏ,ủ tươi rau,cỏ)<br><br>**2.Dự trữ thức ăn.**<br>- Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và luôn có đủ nguồn thức ăn dự trữ cho vật nuôi.<br><br>**II. Các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn.**<br>***1) Các phương pháp chế biến thức ăn.*** |

| | |
|---|---|
| ***2.Tìm hiểu các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn***.<br><br>1.Mục tiêu : - Biết được các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>? Để có thóc ngô, khoai, sắn cho vật nuôi ăn quanh năm người nông dân phải làm gì?<br>=>GV chính xác hóa,KL.<br>?Vậy theo em dự trữ thức ăn nhằm mục đích gì.<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>+HS làm bài theo sự hướng dẫn của GV<br>*Dự kiến trả lời:*<br>Phương pháp vật lí, kiềm hóa, vi sinh vật,hỗn hợp....<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | -Phương pháp vật lí:cắt ngắn thức ăn thô xanh,nghiền nhỏ thức ăn hạt,xử lí nhiệt thức ăn có chất độc hại,khó tiêu.<br>-Phương pháp chế biến bằng vi sinh vật: các loại thức ăn giàu tinh bột dùng phương pháp đường hóa hoặc ủ lên men.<br>-Phương pháp hóa học:kiềm hóa thức ăn có nhiều xơ (rơm,rạ).<br>-Thức ăn hỗn hợp:phối trộn nhiều loại thức ăn để tạo ra thức ăn hỗn hợp. |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Quan sát H67(SGK) và từ thực tế, em hãy cho biết:<br>+Làm thế nào để dự trữ rơm,rạ,cỏ.<br>+Làm thế nào để cất giữ ngô, thóc.<br>+Khi có nhiều lá ngô,rơm tươi,lá su hào,...muốn giữ được lâu phải làm thế nào.<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>+HS làm bài theo sự hướng dẫn của GV<br>*Dự kiến trả lời:*<br>- Dự trữ thức ăn ở dạng khô bằng nguồn nhiệt từ mặt trời hoặc sấy bằng điện, bằng than<br>- Dự trữ thức ăn ở dạng nước<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br><br>**GV mở rộng**<br>Như vậy có rất nhiều cách để dự trữ thức ăn cho vật nuôi.Tuy nhiên trong chăn nuôi thường hay sử dụng 2 pp pháp chính:làm khô và ủ xanh.<br>-GV giải thích thêm về pp ủ xanh cho HS biết. | ***2.Các phương pháp dự trữ thức ăn.***<br>- Dự trữ thức ăn ở dạng khô bằng nguồn nhiệt từ mặt trời hoặc sấy bằng điện, bằng than (lúa,ngô,khoai,sắn,..).<br>- Dự trữ thức ăn ở dạng nước ( ủ xanh các loại rua cỏ tươi). |

**C. Hoạt động luyện tập:**

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
Tại sao phải dữ trữ thức ăn cho vật nuôi?
-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-Gv khái quát hóa ND kiến thức bài học và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ-SGK.

## C. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.
Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

? Ở gia đình em thường sử dụng những pp chế biến nào để cho vật nuôi ăn?
HS suy nghĩ trả lời

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:
HS suy nghĩ trả lời

***Báo cáo kết quả:** HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Hoạt động 5: tìm tòi, mở rộng:**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá,
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời các câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 40 sản xuất thức ăn vật nuôi.

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 30

Ngày soạn: 27/ 3 /

Ngày dạy: 01/4/

# TIẾT 41: SẢN XUẤT THỨC ĂN VẬT NUÔI.

## I. Mục tiêu:

***1. Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Biết được các loại thức ăn của vật nuôi.
- Biết được một số thức ăn giàu prôtêin, gluxít và thức ăn thô xanh cho vật nuôi.

***2. Kỹ năng:***

-Phát triển kĩ năng quan sát,phân loại.

-Có kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

***3.Thái độ:***

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

## II.Chuẩn bị của GV - HS:

1. GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo, hình vẽ 68=>Soạn giáo án.

2. HS:Học bài+ Đọc SGK,tham khảo tranh vẽ.

## III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

## IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

### Hoạt động 1: Khởi động

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Trình bày miệng.

4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

**?** Tại sao phải chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi?

**?** Trong các phương pháp chế biến thức ăn thì phương pháp nào được dùng phổ biến nhất ở nước ta?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

+Tại sao phải chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi:

- Làm tăng mùi vị, tính ngon miệng,dễ tiêu hóa.(thức ăn ủ men)
- Khử các chất độc hại và các loại vi trùng có hại(nấu chín thức ăn).

-Giảm khối lượng,tăng giá trị dd (thái nhỏ,ủ tươi rau,cỏ)

+Trong các phương pháp chế biến thức ăn thì phương pháp làm chín được dùng phổ biến nhất ở nước ta

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

GV đưa ra tình huống để HS giải quyết

Hôm đi học về trên đường Bạn A nghe thấy 2 bác nông dân nói chuyện với nhau rằng: nhà họ nuôi rất nhiều gà nên họ muốn mua 1 máy là cám với công suất nhỏ để đảm bảo dinh dưỡng có trong cám người ta cho thêm cá vào kết hợp với các loại cám ngô, cám gạo sau đó cho vào máy làm thành viên và công đoạn cuối đem phơi khô.

? Theo em người nông dân này đã cho thêm bột cá vào trong thức ăn của vật nuôi nhằm mục đích gì?

HS trả lời

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài : Tiết học trước chúng ta đã nghiên cứu về các pp chế biến và dự trữ thức ăn cho vật nuôi.Nhưng muốn có thức ăn để dự trữ thì việc quan trọng là phải biết các pp sản xuất ra các loại thức ăn. Sản xuất ra nhiều thức ăn với chất lượng tốt là yêu cầu cấp bách để phát triển chăn nuôi,đó cũng là trọng tâm bài học hôm nay của chúng ta.

B. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***1: Tìm hiểu về cách phân loại thức ăn vật nuôi***<br>1.Mục tiêu : - Biết được các loại thức ăn của vật nuôi. | **I. Phân loại thức ăn.** |

| | |
|---|---|
| 2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Hãy kể tên một số loại thức ăn của gia súc,gia cầm mà em biết.<br>?Trong thức ăn của vật nuôi,người ta thường cho thêm bột cá,bột tôm...để cung cấp chất dd gì cho vật nuôi<br>?Cho lợn,gà ăn thức ăn chế biến từ gạo,ngô chủ yếu cung cấp chất dd gì.<br>?Hãy cho biết cỏ,thân cây,rơm,rạ,... chủ yếu có chứa chất gì.<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>***Dự kiến trả lời***:căn cứ vào thành phần dd có trong thức ăn, người chăn nuôi chia thức ăn thành 3 loại:thức ăn giàu protein,thức ăn giàu Gluxit và thức ăn giàu chất xơ (hay thức ăn thô).<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | - Dựa vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn,thức ăn vật nuôi được chia thành 3 loại:<br>- Thức ăn có hàm lượng prôtêin > 14% là thức ăn giàu protêin.<br>- Thức ăn có hàm lượng gluxít > 50% là thức ăn giàu gluxít. |

| | |
|---|---|
| **GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>**GV mở rộng :**treo bảng phụ và yêu cầu HS lên bảng phân loại thức ăn (Hoàn thành bài tập SGK).<br>-GV chữa bài.<br>**GV:** Đưa ra một số loại thức ăn khác để học sinh tham khảo.<br><br>***<u>2.Tìm hiểu về một số pp sản xuất thức ăn giàu prôtêin.</u>***<br><br>1.Mục tiêu : - Biết được một số thức ăn giàu prôtêin, gluxít và thức ăn thô xanh cho vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu<br>sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Theo em làm thế nào để có nhiều tôm,cá,trai,ốc để phục vụ cho đời sống con người và chăn nuôi.<br>-GV:giun đất là động vật không xương sống,thịt giun đất giàu protein,là thức ăn ưa thích của gia cầm.<br>?Vậy làm thế nào để nuôi giun đất.<br>=>GV chính xác hóa.<br>?Tại sao trồng xen canh,tăng vụ cây họ đậu lại là 1 trong những pp sản xuất thức ăn giàu protein. | - Thức ăn có hàm lượng xơ > 30% là thức ăn thô.<br><br>**<u>II. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu Prôtêin.</u>** |

| | |
|---|---|
| -HS: Lắng nghe câu hỏi – nghiên cứu<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>***Dự kiến trả lời***:<br>-Chế biến các sản phẩm động vật làm thức ăn vật nuôi.<br>-Nuôi giun đất,cá,tôm,cua,trai,ốc,...và khai thác thủy sản.<br>-Trồng xen canh,tăng vụ cây họ đậu.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng | -Chế biến các sản phẩm động vật làm thức ăn vật nuôi.<br>-Nuôi giun đất,cá,tôm,cua,trai,ốc,...và khai thác thủy sản.<br>-Trồng xen canh,tăng vụ cây họ đậu. |
| ***3. Giới thiệu một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxít và thức ăn thô xanh.***<br><br>1.Mục tiêu : - Biết được một số thức ăn giàu prôtêin, gluxít và thức ăn thô xanh cho vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn ,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | **III. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu Gluxít và thức ăn thô xanh.** |

| | |
|---|---|
| Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi<br>?Hãy kể tên 1 số thức ăn giàu Gluxit.<br>?Làm thế nào để có nhiều lúa,ngô,khoai,...<br>?Kể tên những thức ăn thô xanh mà em biết.<br>?Làm thế nào để có nhiều thức ăn thô xanh cho vật nuôi.<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi – nghiên cứu<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>***Dự kiến trả lời***:<br>-Thức ăn giàu Gluxit:luân canh,gối vụ để sản xuất ra nhiều lúa,ngô,khoai,sắn,...<br>-Thức ăn thô xanh:<br>+Tận dụng đất vườn,rừng,bờ mương để trồng nhiều loại cỏ,rau xanh cho vật nuôi.<br>+Tân dụng các snr phẩm phụ trong trồng trọt như rơm,rạ,thân cây lạc,đỗ,...<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br><br>***GV mở rộng :***<br>Yêu cầu học sinh làm bài tập để nhận biết phương pháp này.<br>=>GV chữa bài,KL.<br>-GV giới thiệu về mô hình VAC cho HS biết rõ hơn về mô hình này | -Thức ăn giàu Gluxit:luân canh,gối vụ để sản xuất ra nhiều lúa,ngô,khoai,sắn,...<br>-Thức ăn thô xanh:<br>+Tận dụng đất vườn,rừng,bờ mương để trồng nhiều loại cỏ,rau xanh cho vật nuôi.<br>+Tân dụng các snr phẩm phụ trong trồng trọt như rơm,rạ,thân cây lạc,đỗ,... |

## C. Hoạt động luyện tập:

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập

2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
- Dựa vào cơ sở nào để phân loại thức ăn vật nuôi? phân loại như thế nào?
-HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-Gv khái quát hóa ND kiến thức bài học và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ-SGK.

## D. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.
Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

?Ở gia đình em đã sử dụng pp chế biến nào để làm thức ăn cho gia súc gia cầm?
Em hãy liên hệ thực tế ở địa phương em về mô hình VAC?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:
HS suy nghĩ trả lời

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. <u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng:</u>**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

<u>Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Về nhà học bài và trả lời các câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 41 chuẩn bị dụng cụ vật liệu thực hành nồi, bếp…

***Rút kinh nghiệm**:

---

Tuần 30

Ngày soạn: 27/ 3 /

Ngày dạy: 2 / 4/

## TIẾT 42: THỰC HÀNH: CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIÀU GLUXÍT BẰNG MEN.

**I. Mục tiêu:**

***1 Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Biết cách sử dụng bánh men rượu để chế biến các loại thức ăn giàu tinh bột, làm thức ăn cho vật nuôi.

***2. Kỹ năng:***

-Thực hiện được các thao tác của quy trình ủ thức ăn tinh bột bằng men rượu.

***3.Thái độ:***

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực thực hành

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

1. GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo, làm thử thí nghiệm.

2. HS: Chuẩn bị chậu, thùng đựng bột ủ men, vải lót đáy, cối chày, bánh men, bột ngô, nước.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động**

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Trình bày miệng.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

1: Hãy nêu một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu protein?

2: Hãy nêu một số phương pháp sản suất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh ?

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Câu 1

- Chế biến các sản phẩm động vật
- Nuôi giun

-Trồng xen canh tăng vụ cây họ đậu

Câu 2:

-Luân canh tăng vụ tạo ra nhiều lúa ngô

-Tận dụng đất vườn trồng cây cỏ

- Tận dụng các sản phẩm phụ trong trồng trọt

***Báo cáo kết quả:**

Hs trình bày

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

GV đưa ra tình huống để HS giải quyết

GV giới thiệu cách ủ men rượu

? mục đích người ta chế biến thức ăn như bột ngô bột gạo bằng cách ủ men như cách ủ men rượu cho vật nuôi ăn nhằm mục đích gì?

HS: Tăng hàm lượng protein vi sinh vật trong thức ăn, diệt mầm mống bệnh tiết kiệm năng lượng nấu ăn

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài : Vậy thì cách làm cụ thể của pp này như thế nào ta tìm hiểu bài hôm nay

**B.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|

| | |
|---|---|
| ***1.Giới thiệu bài học, TCTH - chuẩn bị***<br>1. Mục tiêu: nắm được các bước thực hành, thực hành đúng theo các bước<br>2. Phương thức thực hiện: HĐ cá nhân, HĐN, nêu và giải quyết vấn đề, thuyết trình, vấn đáp,KT đặt câu hỏi, làm việc cá nhân<br>3. Sản phẩm: - Phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4. Kiểm tra đánh giá:<br>-Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>-Gv đánh giá<br>5. Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ:***<br>Gv: yêu cầu hs hđ cá nhân nghiên cứu sgk, trả lời câu hỏi<br>Hs nghe<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>Hs trả lời<br>-1 HS đọc phần chuẩn bị SGK để cả lớp nắm chắc nội dung cần chuẩn bị và nội dung thực hành của bài.<br>- GV KiÓm tra sù chuÈn bÞ cña HS - > nhËn xÐt<br>GV: Híng dÉn HS lµm viÖc c¸ nh©n<br>GV nhắc nhở nội quy thực hành và phân công các nhóm làm thực hành<br>HS: Lắng nghe<br>**GV**- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:<br>**GV:** Chia lớp làm 5nhóm, kiểm tra vật liệu dụng cụ thực hành của từng nhóm<br>+HS lắng nghe và làm theo hướng dẫn của GV.<br>**** Báo cáo kết quả***<br>HS: đại diện nhóm báo cáo kết quả<br>****Đánh giá kết quả***<br>- Hs nhận xét, bổ sung , đánh giá | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết.** |

| | |
|---|---|
| -GV nhận xét bổ sung , gieo vấn đề và nêu mục tiêu bài học :<br>+ Biết chọn men rượu để dùng<br>+ Phương pháp sử dụng men rượu để chế biến thức ăn cho vật nuôi tính toán lượng men và bột, chế biến men để chộn vào bột.<br>***2.Tìm hiểu quy trình thực hành.*** | - SGK.<br><br>**II. Quy trình thực hành.** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>Gv yêu cầu hs HĐN để thực hành theo sự phân công của gv<br>- Phân công cho mỗi nhóm xử lý một quy trình.<br>HS: Lắng nghe<br>**** Thực hiện nhiệm vụ***<br>- Hs hoạt động theo nhóm<br>GV: Hướng dẫn và thao tác mẫu cho học sinh quan sát:<br>- Hướng dẫn học sinh chọn bành men rượu.<br>- Bỏ hết chấu dính chân, nghiền nhỏ thành bột.<br>- Lượng bột chộn với men rượu ở rạng khô, dùng nước sạch vẩy đều, nắm bột mở tay ra bột giữ nguyên là vừa, dàn phảng mặt, phủ ni lông.<br>- Ủ 24h lấy ra kiểm tra chất lượng<br>+HS quan sát và lắng nghe. | **Bước1:** Cân bột và men rượu.<br>+ Cân 1000g bột<br>+ Chon bánh men rượu : bánh men xốp nhẹ có nhiều nếp nhăn.Bỏ hết trấu dính vào bánh men<br>**Bước 2:** Giã bỏ men rượu, bỏ bớt trấu.<br>**Bước 3:** Trộn đều men rượu với bột.<br>**Bước 4**: Cho nước sạch vào, nhào kĩ đến đủ ẩm.<br>**Bước 5:** Nén nhẹ bột xuống cho đều, phủ ni lông sạch lên mặt. Đem ủ nơi kín gió, khô gió, ấm trong 24h. |
| ***3:Thực hành***<br>-GV theo dõi,uốn nắn HS thực hiện các thao tác : cân,giã men trộn bột với men<br>+HS: Thao tác thực hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên, mỗi nhóm thực hành bảng báo cáo.<br>GV: đến từng nhóm hướng dẫn thêm | **III/Thực hành** |

| | |
|---|---|
| HS: Thực hành theo nhóm<br>**** Báo cáo kết quả*** | |

## C. Hoạt động luyện tập:

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

**GV:** Nhận xét đánh giá về sự chuẩn bị dụng cụ, vật liệu vệ sinh an toàn lao động trong khi thực hành.

**GV:** Đánh giá kết quả thực hành và cho điểm theo nhóm.

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng:

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.
Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

? Theo em ngoài nguyên liệu đã nêu trọng sgk ta còn dùng những nguyên liệu nào khác mà em biết

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:
HS suy nghĩ trả lời

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. <u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng:</u>**

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

<u>Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Về nhà thực hành tiếp và theo dõi 24 h để lấy kết quả đánh giá chất lượng.
- Chuẩn bị cho giờ sau ôn tập

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 31
Ngày soạn: 3/4/
Ngày dạy: 8/4/

*Tiết 43:* **ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN VẬT NUÔI CHẾ BIẾN BẰNG PHƯƠNG PHÁP VI SINH VẬT**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức**:

+ Biết được tên các nguyên liệu, dụng cụ cần thiết để chế biến thức ăn giàu gluxit bằng men rượu.

+ Biết đánh giá chất lượng thức ăn ủ men rượu hoặc thức ăn ủ xanh bằng cách:

+ Quan sát màu sắc.

+ Ngửi mùi.

+ Đo độ pH.

**2. Kỹ năng**: Vận dụng vào thực tiễn khi kiểm tra chất lượng thức ăn chế biến bằng phương pháp vi sinh vật.

**3. Thái độ**:

Rèn luyện tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, khoa học khi xem xét đánh giá sự vật hiện tượng. Biết giữ gìn trật tự, vệ sinh khi học các bài thực hành.

**4. Định hướng năng lực**: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

**II. CHUẨN BỊ**:

**1. Giáo viên:**

- Sgk, sgv, giáo án.
- Chuẩn bị bột ngô và bánh men rượu, sơ đồ các bước của quy trình.

**2. Học sinh**:

Xem trước bài 42 và đem theo bột ngô hoặc bột gạo, khoai sắn.

**III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5'**

? Chế biến thức ăn nhằm mục đích gì?

Chế biến thức ăn giàu gluxit bằng men nhằm mục đích tăng hàm lượng prôtêin vi sinh vật trong thức ăn, diệt một số nấm và mầm bệnh có hại, tiết kiệm năng lượng nấu thức

ăn, dùng thức ăn này để nuôi vật nuôi theo kiểu công nghiệp. Quy trình chế biến như thế nào, vật liệu và dụng cụ ra sao?Vào bài mới ta sẽ rõ.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN**

* Hoạt động 1: Quy trình thực hành: 25’

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
|---|---|---|

<table>
<tr>
<td>_Yêu cầu 1 học sinh đọc to phần I SGK trang 113.<br>+ Để thực hành bài này ta cần những nguyên liệu và dụng cụ nào?<br>- Giáo viên yêu cầu các nhóm trình bày sản phẩm thực hành ở bài 42.<br>- Giáo viên giới thiệu cho học sinh và nêu ra mục đích của bài thực hành hôm nay.<br>- Chia nhóm học sinh và yêu cầu học sinh ghi mẫu vật và nguyên liệu làm<br>-Giáo viên yêu cầu học sinh nghiên cứu thông tin SGK.<br>- Giáo viên treo sơ đồ các bước thực hiện quy trình, yêu cầu học sinh quan sát.<br>- Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc từng bước trong quy trình, hướng dẫn học sinh làm thực hành và đánh giá chất lượng thức ăn ủ xanh theo bảng 7.<br>- Giáo viên yêu cầu 1 học sinh khác làm lại cho các bạn xem và tự đánh giá mẫu thức ăn của mình.<br>- Giáo viên giải thích từng bước một cách tỉ mỉ và yêu cầu học sinh chú ý lắng nghe.<br>- Yêu cầu học sinh ghi bài và tập.</td>
<td>- Học sinh đọc thông tin và trả lời:<br>- Học sinh trả lời dựa vào mục I.<br>- Các nhóm trình bày sản phẩm của mình.<br>- Học sinh lắng nghe.<br>Học sinh tiến hành chia nhóm.<br>- Học sinh nghiên cứu thông tin.<br>- Học sinh quan sát.<br>- 1 học sinh đọc các bước và chú ý cách hướng dẫn thực hành của giáo viên.<br>- Học sinh khác làm lại cho các bạn quan sát và xác định chất lượng mẫu thức ăn của mình dựa theo bảng 7.<br>- Học sinh chú ý lắng nghe.<br>_ Học sinh ghi bài.</td>
<td>- Học sinh đọc thông tin và trả lời:<br>- Học sinh trả lời dựa vào mục I.<br>- Các nhóm trình bày sản phẩm của mình.<br>- Học sinh lắng nghe.<br>- Học sinh tiến hành chia nhóm.<br><u>*. Qui trình thực hành:</u><br><u>1. Quy trình đánh giá chất lượng thức ăn ủ xanh:</u><br>- Bước 1:Lấy mẫu thức ăn ủ xanh vào bát sứ.<br>- Bước 2: Quan sát màu sắc thức ăn.<br>- Bước 3: Ngửi mùi của thức ăn.<br>- Bước 4: Đo độ pH của thức ăn ủ xanh.</td>
</tr>
<tr>
<td rowspan="2">Chỉ tiêu đánh giá</td>
<td colspan="3">Tiêu chuẩn đánh giá</td>
<td rowspan="2">2. <u>Quy trình đánh giá chất lương của thức ăn ủ men rượu:</u></td>
</tr>
<tr>
<td>Tốt</td>
<td>Trung bình</td>
<td>Xấu</td>
</tr>
</table>

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Màu sắc<br>Mùi<br>Độ pH | Vàng xanh<br>Thơm<br>< 4 | Vàng lẫn xám<br>Thơm<br>4 - 5 | Đen<br>Khó chịu<br>> 5 | - Bước 1: Lấy thức ăn đã được ủ, sờ tay vào thức ăn để cảm nhận nhiệt độ và độ ẩm của thức ăn.<br>- Bước 2: Quan sát màu sắc của thức ăn ủ men.<br>- Bước 3: Ngửi mùi của thức ăn ủ men. |
| - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc từng bước trong quy trình, sau đó giáo viên hướng dẫn học sinh làm thực hành và biết đánh giá chất lượng thức ăn ủ men rượu theo bảng 8.<br>- Giáo viên yêu cầu 1 học sinh khác làm lại cho các bạn xem và tự đánh giá mẫu thức ăn của mình.<br>- Giáo viên giải thích từng bước một cách tỉ mỉ và yêu cầu học sinh chú ý lắng nghe.<br>- Yêu cầu học sinh ghi bài vào tập. | | - 1 học sinh đọc, sau đó quan sát sự hướng dẫn của giáo viên.<br>- 1 học sinh làm lại các bước và tự đánh giá mẫu thức ăn của mình.<br>- Học sinh chú ý lắng nghe.<br>- Học sinh ghi bài. | | |

| **Chỉ tiêu đánh giá** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | | |
|---|---|---|---|
| | **Tốt** | **Trung bình** | **xấu** |
| Nhiệt độ | Ấm (khoảng $30^0$C) | Ấm | Lạnh |
| Độ ẩm | Đủ ẩm (nắm thành nắm được) | Hơi nhão hoặc hơi khô | Quá nhão hoặc quá khô |
| Màu sắc | Có nhiều mảnh trắng trên mặt khối thức ăn | Ít đám mốc trắng | Màu của thức ăn không thay đổi |
| Mùi | Thơm rượu nếp | Có mùi thơm | Không thơm hoặc có mùi khó chịu |

## C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH /LUYỆN TẬP: 13’

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|---|
| - Yêu cầu các nhóm tiến hành thực hành theo quy trình.<br>- Giáo viên yêu cầu học sinh báo cáo kết quả của nhóm mình trước lớp.<br>- Yêu cầu học sinh nộp bài thu hoạch theo bảng mẫu. | - Các nhóm thực hành.<br>- Các nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.<br>-Học sinh nộp bài thu hoạch cho giáo viên. | **III. Thực hành:** |

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN Ủ XANH**

| Chỉ tiêu đánh giá | Tiêu chuẩn đánh giá | | |
|---|---|---|---|
| | Tốt | Trung bình | Xấu |
| Màu sắc<br>Mùi<br>Độ pH | | | |

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỨC ĂN Ủ MEN RƯỢU**

| Chỉ tiêu đánh giá | Tiêu chuẩn đánh giá | | |
|---|---|---|---|
| | Tốt | Trung bình | Xấu |
| Nhiệt độ<br>Độ ẩm<br>Màu sắc<br>Mùi | | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 2’**

HS làm bài tập tron g SBT

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG** : 1’

Cho học sinh về tự thực hiện đánh giá chất lượng thức ăn men mà em tự làm.

***Rút kinh nghiệm***

Tuần 31
Ngày soạn: 3/4/
Ngày dạy: 9/4/

## Tiết 44: ÔN TẬP

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức:-*** Qua tiết ôn tập học sinh củng cố và khắc sâu các kiến thức đã học.

- Trên cơ sở đó học sinh có khả năng vận dụng vào thực tế sản xuất.

***2. Kỹ năng:*** - Củng cố những kỹ năng thực hiện những quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

***3. Thái độ:*** - Có ý thức vận dụng vào trong thực tế sản xuất.

***4. Năng lực :***

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo, vận dụng vào trong thực tế sản xuất.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 45, chuẩn bị sơ đồ 12, 13 sgk
- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Trình bày miệng.
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

1: Hãy cho biết  những vai trò của ngành chăn nuôi?

2: Hãy cho biết nhiệm vụ phát triển chăn nuôi của nước ta trong thời gian tới?

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Câu 1

- Cung cấp thực phẩm
- Cung cấp sức kéo
- Cung cấp phân bón
- Cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành sản xuất khác nhau

Câu 2:

- Phát triển chăn nuôi toàn diện
- Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất
- Tăng cường cho đầu tư nghiên cứu và quản lý

***Báo cáo kết quả:**

Hs trình bày

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

**B.Hoạt động hình thành kiến thức**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***1.Ôn tập vai trò, nhiệm vụ của chăn nuôi và giống vật nuôi. 10'*** | 1. Vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi. |
| 1. Mục tiêu: nắm được vai trò nhiệm vụ của chăn nuôi.<br>- Thế nào là giống vật nuôi. | a. Vai trò của chăn nuôi.<br>b. Nhiệm vụ của ngành chăn nuôi. |
| 2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi.<br>hoạt động cả lớp | 2. Giống vật nuôi.<br>a. Thế nào là giống vật nuôi |
| 3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân | b. Phân loại giống vật nuôi |
| 4.Kiểm tra, đánh giá: | c. Điều kiện để được công nhận là một gings vật nuôi. |

| | |
|---|---|
| - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:<br>- Nêu vai trò và nhiệm vụ của ngành chăn nuôi?<br>- Thế nào là giống vật nuôi?<br>- Cách phân loại giống vật nuôi?<br>- Điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi?<br>-HS: hệ thống lại kiến thức<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá | d. Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi. |
| ***<u>2.Ôn tập: Sự sinh trưởng và phát dực của vật nuôi: 7'</u>***<br>***<u>- Một số phương pháp chọn lọc và quản lý giống vật nuôi.</u>***<br>1. Mục tiêu: Nắm được thế nào là sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.<br>- Biết được một số phương pháp chọn lọc và quản lý giống vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi.<br>hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | 3. Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi<br><br>suất chăn nuôi.<br>a. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.<br>- Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục<br>4. Một số phương pháp chọn lọc và quản lý giống vật nuôi.<br>a. Khái niệm về chọn giống vật nuôi<br>b. một số phương pháp chọn giống vật nuôi<br>- Chọn lọc hàng loạt<br>- Kiểm tra năng suất<br>c. Quản lí giống vật nuôi. |

| | |
|---|---|
| GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:<br>- Thế nào là sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi?<br>- Nêu khái niệm về chọn giống vật nuôi<br>- Cho biết một số phương pháp chọn giống vật nuôi?<br>HS: hệ thống lại kiến thức<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:<br>***Báo cáo kết quả:**<br>-Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>***<u>3.Ôn tập: Phần nhân giống vật nuôi. 12'</u>***<br>1. Mục tiêu: Nắm được các phương pháp nhân giống vật nuôi.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:<br>- Thế nào là chọn phối?<br>- Cho biết các phương pháp chọn phối?<br>- Nhân giống thuần chủng là gì?<br>HS: hệ thống lại kiến thức<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá | 5. Nhân giống vật nuôi<br>a. Chọn phối<br>- Thế nào là chọn phối.<br>- Các phương pháp chọn phối<br>b. Nhân giống thuần chủng là gì.<br>- Nhân giống thuần chủng là gì.<br>- Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả? |

| | |
|---|---|
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá | |

## C. Hoạt động vận dụng: 7’

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững được kiến thức để vận dụng vào thực tế
2.Phương thức:Hđ cặp đôi.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, bổ sung lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
Để nhân giống thuần chủng đạt kết quả ở gia đình, địa phương em thường làm thế nào?
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Thảo luận theo cặp.
***Báo cáo kết quả:**
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 3’

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức
2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình
Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs
- Về nhà học bài và chuẩn bị tiết sau ôn tập tiếp.

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 32
Ngày soạn: 10/4/
Ngày dạy: 15/4/

## *Tiết 45* : Kiểm tra

**I. Mục tiêu:**

**- Kiến thức:** Kiểm tra những kiến thức cơ bản trong chương I vai trò nhiệm vụ phát triển chăn nuôi, giống vật nuôi, sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi, chọn lọc và quản lý giống vật nuôi.

**- Kỹ năng**: Biết cách đánh giá mức độ đạt được.

- **Thái độ**: Rèn tính cẩn thận,yêu thích môn học.

- **Định hướng năng lực**: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Nghiên cứu SGK chương I phần 3 lên câu hỏi và đáp án trọng tâm
- HS: ôn tập chuẩn bị kiểm tra.

**III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN**

**Kiểm tra**

Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận

**Ma trận**

| Tên chủ đề | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Cấp độ thấp | | Cấp độ cao | | |
| | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| **1. Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt** (6 tiết) | 1. Biết được khái niệm về thời vụ, những căn cứ để xác định thời vụ, mục đích kiểm tra, xử lí hạt giống.<br>2. Biết được khái niệm, tác dụng của phương thức luân canh, xen canh, tăng vụ. | | 1. Hiểu được cơ sở khoa học, ý nghĩa thực tế của quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt. | | 1. Làm được các công việc xác định sức nảy mầm, tỉ lệ nảy mầm và xử lí hạt giống bằng nước ấm. | | | | |
| *Số câu hỏi* | *4* | *1* | | *1* | | *1* | | | *7* |
| *Số điểm* | *1* | *1,5* | | *1,5* | | *1* | | | *5,0* |
| **2. K ĩ thuật gieo trồng và chăm sóc cây rừng** (4 tiết) | 1. Biết được vai trò của rừng và nhiệm vụ trồng rừng.<br>2. Biết được quy trình gieo ươm, trồng cây con và chăm sóc cây rừng. | | | | 1. Gieo được hạt và cấy cây đúng kĩ thuật. | | | | |
| *Số câu hỏi* | *2* | *1* | | | | *1* | | | *4* |
| *Số điểm* | *0,5* | *1* | | | | *2* | | | *3,5* |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **3. Khai thác và bảo vệ rừng** (1 tiết) | 1. Biết được khái niệm, các điều kiện khai thác rừng và các biện pháp phục hồi sau khai thác.<br>2. Biết được ý nghĩa, mục đích và biện pháp khoanh nuôi rừng. | | | | | | | | |
| *Số câu hỏi* | *2* | *1* | | | | | | | *3* |
| *Số điểm* | *0,5* | *1* | | | | | | | *1,5* |
| **TS câu hỏi** | **11** | | **1** | | **2** | | **0** | | **14** |
| **TS điểm** | **5,5** | | **1,5** | | **3,0** | | **0** | | **10** |

## ĐỀ BÀI

**I/ TRẮC NGHIỆM:** *(4,0 điểm)*

***Em hãy khoanh tròn vào ý đứng trước câu trả lời em cho là đúng nhất.***

**Câu 1.** *Yếu tố căn cứ để xác định thời vụ gieo trồng là:*

A. Khí hậu C. Tình hình phát sinh sâu, bệnh ở mỗi địa phương

B. Loại cây trồng D. Tất cả các ý trên

**Câu 2.** *Luân canh giữa cây trồng cạn với nhau như:*

A. Ngô với đậu tương C. Ngô với lúa

B. Lúa với đậu tương D. Lúa với khoai tây

**Câu 3.** *Xen canh như:*

A. Trồng ngô tháng 1 đến tháng 5 sau đó trồng lúa mùa tháng 7 đến tháng 12

B. Trồng ngô cùng đậu tương trong vụ đông xuân

**Câu 4.** *Vai trò của rừng và trồng rừng là:*

A. Bảo vệ và cải tạo môi trường

B. Phục vụ tích cực cho đời sống và sản xuất

C. Cả 2 ý trên

**Câu 5.** *Khai thác rừng gồm:*

A. Khai thác dần B. Khai thác trắng, khai thác dần, khai thác chọn

C. Khai thác trắng. D. Khai thác dần, khai thác chọn

**Câu 6.** *Khi tạo nền đất gieo ươm cây rừng nên chọn hướng:*

A. Đông - Tây C. Đông - Bắc

B. Đông - Nam D. Bắc - Nam

**Câu 7.** *Khai thác dần là:*

A. Chặt toàn bộ cây rừng trong một lần

B. Chặt toàn bộ cây rừng trong 3 đến 4 lần khai thác

C. Chọn chặt cây đã già, sức sống kém giữ lại cây còn non, gỗ tốt, sức sống mạnh

**Câu 8.** *Thu hoạch nông sản bằng phương pháp nào ?*

A. Hái, nhổ, đào, cắt B. Sử dụng máy thu hoạch

C. Cắt, hái D. Gặt, cắt.

**Phần II. TỰ LUẬN :** *(6,0 điểm)*

**Câu 9 .** *(1,5 điểm)*. Tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ là gì ?

**Câu 10.** *(1,5 điểm)*. Bảo quản nông sản nhằm mục đích gì và bằng cách nào ?

**Câu 11.** *(1,0 điểm)*. Em hãy nêu vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất ?

**Câu 12.** *(2,0 điểm)*. Trình bày các bước thực hiện cấy cây con vào bầu đất ?

**Đáp án và biểu điểm**

**Phần I. Trắc nghiệm khách quan** (4,0 điểm)

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | D | A | B | C | B | D | B | A |
| Điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

**Phần II. Tư luận** (6,0 điểm)

| Câu | Nội dung | Điểm |
|---|---|---|
| 9 | Tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ:<br>- Luân canh làm đất tăng độ phì nhiêu, điều hoà dinh dưỡng giảm sâu, bệnh.<br>- Xen canh sử dụng hợp lí đất đai, ánh sáng và độ ẩm.<br>- Tăng vụ góp phần tăng thêm sản phẩm thu hoạch. | 0,50<br>0,50<br>0,50 |
| 10 | - Bảo quản nông sản nhằm mục đích hạn chế sự hao hụt về số lượng và giảm sút chất lượng của nông sản.<br>- Phương pháp bảo quản nông sản:<br>+ Bảo quản thông thoáng.<br>+ Bảo quản kín.<br>+ Bảo quản lạnh. | 0,75<br><br><br>0,25<br>0,25<br>0,25 |
| 11 | Vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất:<br>- Làm sạch không khí môi trường.<br>- Chắn gió, hạn chế khô hạn và bão lụt.<br>- Cung cấp lâm sản cho xuất khẩu,nguyên liệu cho sản xuất.<br>- Tham quan, nghỉ dưỡng.<br>- Bảo tồn sinh thái, nghiên cứu khoa học. | |

| | | |
|---|---|---|
| 13 | Các bước thực hiện cấy cây con vào bầu đất:<br>- Trộn đất với phân bón.<br>- Cho hỗn hợp đất phân vào túi bầu, vỗ và nén chặt đất trong bầu, xếp bầu thành hàng trên luống.<br>- Dùng dao cấy cây tạo hốc giữa bầu đất, độ sâu của hốc lớn hơn độ dài của bộ rễ. Đặt bộ rễ cây thẳng đứng vào hốc, ép đất chặt kín cổ rễ.<br>- Che phủ luống cây cấy bằng giàn che, bằng cành lá tươi cắm trên luống, tưới ẩm bầu đất. | <br>0,50<br>0,50<br>0,50<br>0,50 |

- GV: Thu bài về chấm, nhận xét giờ kiểm tra
- Về nhà đọc và xem trước bài 44 SGK.

**** Rút kinh nghiệm***

Tuần 32
Ngày soạn: 10/4/
Ngày dạy: 16/4/

# CHƯƠNG II: QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI

## TIẾT 46: CHUỒNG NUÔI VÀ VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Hiểu được vai trò và những yếu tố cần có để chuồng nuôi hợp vệ sinh.
- Hiểu được vai trò, các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

***2. Kỹ năng:***

- Có kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất chăn nuôi ở gia đình:giữ gìn vệ sinh cho vật nuôi và môi trường sống của con người.

***3.Thái độ:***

- Có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo, chuẩn bị sơ đồ 10,11,
- HS: Đọc SGK, xem trước sơ đồ và hình vẽ.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

**A. Hoạt động khởi động: 5’**

1.Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Trình bày miệng.

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên nêu câu hỏi.

? Để vật nuôi phát triển tốt ta phải quan tâm tới những yếu tố nào

**Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến năng suất của vật nuôi bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng . Những yếu tố này nó thể hiện vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi. Vậy chuồng nuôi có vai trò gì trong chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi ta tìm hiểu bài học hôm nay

***Báo cáo kết quả:**

Hs trình bày

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

Yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến năng suất của vật nuôi bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng . Những yếu tố này nó thể hiện vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi. Vậy chuồng nuôi có vai trò gì trong chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi ta tìm hiểu bài học hôm nay

A. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**

| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
|---|---|
| ***1: Tìm hiểu về chuồng nuôi: 10'*** <br>1.Mục tiêu : <br>- Hiểu được vai trò và những yếu tố cần có để chuồng nuôi hợp vệ sinh. <br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn. <br>hoạt động cả lớp <br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi <br>4.Kiểm tra, đánh giá: <br>-Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau <br>-Gv đánh giá <br>5.Tiến trình <br>***Chuyển giao nhiệm vụ*** <br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk <br>HĐN trả lời câu hỏi: <br>- GV: Nêu câu hỏi <br>? Theo em chuồng nuôi giúp con vật tránh được các yếu tố thời tiết tác động vào ntn. | **I. Chuồng nuôi.** <br>**1. Tầm quan trọng của chuồng nuôi** |

| | |
|---|---|
| ? Mức độ tiếp xúc với vi trùng, kí sinh trùng, ở vật nuôi nhốt và vật nuôi thả tự do khác nhau như thế nào?<br>? Muốn chăn nuôi số lượng lơn, gà nhiều theo kiểu công nghiệp thì chuồng nuôi có vai trò như thế nào?<br>**GV:** Nêu vai trò của chuồng nuôi.<br>? Theo em chuồng nuôi có vai trò như thế nào đối với vật nuôi?<br>=>GV chính xác hóa,KL.<br>?Nuôi con vật trong chuồng góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường sống ntn.<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>****Dự kiến trả lời:***<br>-Vật nuôi nhốt hạn chết tiếp xúc<br>- có thể dùng máy móc cho ăn, uống làm vệ sinh đồng loạt theo quy trình<br>- Lấy ví dụ cho từng vai trò, khắc sâu kiến thức.<br>-Hạn chế con vật thải phân ra làm ô nhiễm môi trường,tránh bị con vật nuôi phá hoại sản xuất,hoa màu,.....quản lí không bị mất mát,.....<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV mở rộng**<br>GV: y/c HS làm bài tập trong SGK theo nhóm<br>HS làm bài tập<br>GV nhận xét và kết luận<br>****Chuyển giao nhiệm vụ*** | -Chuồng nuôi là nhà ở của vật nuôi:<br>+ Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết,đồng thời tạo ra 1 tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi.<br>+Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.<br>+Giúp cho việc thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học.<br>+Giúp cho việc quản lí tốt đàn vật nuôi,thu được chất thải làm phân bón. |

| | |
|---|---|
| GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk<br>HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi yêu cầu HS quan sát sơ đồ 10 và đọc thông tin phần 2-SGK.<br>?Em hãy cho biết chuồng nuôi hợp vệ sinh cần đạt được những tiêu chuẩn gì.<br>?Chuồng nuôi phù hợp yêu cầu sinh lí con vật là gì.<br>?Làm thế nào để chuồng nuôi được đảm bảo độ chiếu sáng,ít khí độc.<br>GV y/c Hs làm bài tập(a) trang 117 theo nhóm<br>?Vì sao bố trí hướng chuồng theo cách a) không phù hợp.<br>?Chuồng 1 dãy có đặc điểm gì.<br>? Kiểu chuồng 2 dãy có đặc điểm gì<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>*Dự kiến trả lời:*<br>- Có 5 yếu tố cấu thành vệ sinh chuồng nuôi: Nhiệt độ, độ ẩm, độ thông thoáng, không khí trong chuồng nuôi và độ chiếu sáng.<br>-Khi xây dựng chuồng nuôi cần chú ý:<br>+Hướng chuồng:<br>+Có thể làm kiểu chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy để có độ chiếu sáng phù hợp.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>**GV mở rộng**<br>GV: y/c HS làm bài tập trong SGK theo nhóm<br>HS làm bài tập<br>GV nhận xét và kết luận<br><br>***<u>2:Tìm hiểu về vệ sinh phòng bệnh. 20'</u>*** | **<u>2. Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh</u>**.<br><br>a. Có 5 yếu tố cấu thành vệ sinh chuồng nuôi: Nhiệt độ, độ ẩm, độ thông thoáng, không khí trong chuồng nuôi và độ chiếu sáng.<br><br>b.Khi xây dựng chuồng nuôi cần chú ý:<br>+Hướng chuồng:nên chọn 1 trong 2 hướng chính:hướng Nam hoặc hướng Đông-Nam.<br>+Có thể làm kiểu chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy để có độ chiếu sáng phù hợp.<br><br>**<u>Bài tập.</u>**<br>- Nhiệt độ, độ ẩm, độ thông thoáng<br>- Chuồng nuôi hợp vệ sinh khi xây dựng, chọn địa điểm, hướng chuồng, nền chuồng, tường bao, mái che… |

| | |
|---|---|
| 1.Mục tiêu :<br>- Hiểu được vai trò, các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>-Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>-Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>? Em hiểu thế nào là phòng bệnh<br>? Tại sao nói phòng bệnh hơn chữa bệnh<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>*Dự kiến trả lời:*<br>Làm các biện pháp nuôi dưỡng chăm sóc để vật nuôi khỏe mạnh khả năng đề kháng chống bệnh tật tốt<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>**GV:** Trong chăn nuôi cần làm gì để vệ sinh chăn nuôi?<br>**GV:** Cho học sinh quan sát sơ đồ 11 và nêu các khâu vệ sinh chuồng nuôi?<br>**?** Nêu nội dung vệ sinh thân thể vật nuôi. | **II. Vệ sinh phòng bệnh.**<br>**1.Tầm quan trọng của vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.**<br><br>- Vệ sinh chăn nuôi là để phòng ngừa bệnh dịch sảy ra, bảo vệ sức khoẻ vật nuôi và tăng năng xuất chăn nuôi.<br><br>**2. Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.** |

| | |
|---|---|
| ***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>*Dự kiến trả lời:*<br>-Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi<br>-Vệ sinh thân thể cho vật nuôi.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng | **a**.Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi<br>- Yêu cầu: Khí hậu trong chuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, nước uống.<br>**b.** Vệ sinh thân thể cho vật nuôi.<br>- Vệ sinh thân thể cho vật nuôi vừa có tác dụng duy trì sức khoẻ và sức sản xuất của vật nuôi vừa có tác dụng làm quen huấn luyện để vật nuôi thuần thục dễ chăm sóc, quản . |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

**GV:** Yêu cầu học sinh đọc phần ghi nhớ SGK.
**GV:** Hệ thống lại bài học, nêu câu hỏi cho học sinh trả lời để củng cố kiến thức.
? Chuồng nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?
? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu :
Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.
Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu câu hỏi

? Ở gia đình em chuồng nuôi được xây dựng theo hướng nào? Theo em hướng đó có phù hợp không?

? Gia đình em khi nuôi gia súc hoặc gia cầm cần làm những công việc gì để vật nuôi luôn khỏe mạnh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

HS suy nghĩ trả lời

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. <u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'</u>

1.Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2.Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá
- Gv đánh giá vào tiết học sau

5Tiến trình

<u>Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs</u>

- Về nhà học bài và trả lời câu hỏi câu hỏi cuối bài.
- Đọc và xem trước bài 45 SGK chuẩn bị sơ đồ hình 12, 13 SGK

Gv y/c hs vận dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế địa phương

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 33
Ngày soạn: 17/4/
Ngày dạy: 22/4/

# TiÕt 47: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CÁC LOẠI VẬT NUÔI

## I. Mục tiêu:

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Hiểu được những biện pháp chủ yếu trong nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

***2. Kĩ năng:***

-Rèn luyện ý thức, lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

***3.Thái độ***:

-Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào chăn nuôi.

**4. Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 45, chuẩn bị sơ đồ 12, 13 sgk
- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.
- Kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động: 5'**

21. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
22. Phương thức:Hđ cá nhân.
23. Sản phẩm : Trình bày miệng.
24. Kiểm tra, đánh giá:
    - Hs đánh giá
    - Gv đánh giá
25. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Chuồng nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

Câu 2: Phải làm gì để chuồng nuôi hợp vệ sinh? HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thừi tiết, đồng thời tạo ra một tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi.

- Giúp cho vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.
- Giúp cho việc thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học.
- Giúp quản lí tốt đàn vật nuôi

C2: Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

a. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi..

- Khí hậu trong chuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, nước uống.

b. Vệ sinh than thể cho vật nuôi.

- Có tác dụng duy trì sức khẻo và sức sản xuất của vật nuôi vừa có tác dụng làm quen huấn luyện để vật nuôi thuần thục dề chăm sóc..

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Để chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao phải biết phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp. Muốn vậy phải nắm được đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi. Bài hôm nay chúng ta đi tìm hiểu vấn đề này

B. **Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|
| ***1.Tìm hiểu chăn nuôi vật nuôi non: 18'*** | |
| 1.Mục tiêu : - Hiểu được một số đặc của sự phát triển cơ thể vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn .<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm.<br>phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HĐN trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>C1: Cho biết đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non?<br>C2: Nêu các biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:<br>- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.<br>Dự kiến trả lời:<br>C1:<br>C2:<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** Chốt kiến thức, ghi bảng. | I. Chăn nuôi vật nuôi non<br>1. Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non.<br>- Sự điều tiết than nhiệt chưa hoàn chỉnh.<br>- Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.<br>- Chức năng miễn dịch chưa tốt.<br>2.Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.<br>- Nuôi vật nuôi mệ tốt<br>- Giữ ấm cho cơ thể<br>- Cho bú sữa đầu<br>- Tập cho vật nuôi non ăn sớm<br>- Cho vật nuôi vận động và tiếp xuc với ánh sáng<br>- Giữ vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi<br>II. Chăn nuôi vật nuôi đực giống. |
| ***2.Tìm hiểu chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.12'*** | |
| 1.Mục tiêu : Hiểu được đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi | III.Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản. |

| | |
|---|---|
| 4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>Quan sát sơ đồ 13 về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản, rồi sắp xếp vào vở bài tập theo mức độ ưu tiên dinh dưỡng của từng giai đoạn từ cao xuống thấp?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>- Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con<br>+ Giai đoạn mang thai<br>+ Giai đoạn nuôi con<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV:** Nhắc học sinh chú ý đến chế độ vận động, tắm chải... hợp lí<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>Muốn chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản có kết quả phải chú ý đến giai đoạn nào?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:<br>-GV: Cho HS quan sát sơ đồ 13 SGK<br>Dự kiến trả lời:<br>Có 2 giai đoạn: + Giai đoạn mang thai | - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con<br>+ Giai đoạn mang thai<br>+ Giai đoạn nuôi con |

| | |
|---|---|
| + Giai đoạn nuôi con<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày nhanh<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng<br>Gv hỏi yêu cầu hs trả lời nhanh | |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : Nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân,Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***
GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
- Chăn nuôi vật nuôi non phải chú ý những vấn đề gì?
- Nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản phải chú ý những vấn đề gì? Tại sao?
-HS: hệ thống lại kiến thức
***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu : Nắm vững kĩ thuật chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.
2.Phương thức:Hđ cặp đôi.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập.
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình
***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em thường chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Thảo luận cặp đôi.

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**E. <u>Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2'</u>**

1.Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : Nhà em thường nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi ở địa phương.
- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 46 SGK.

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 33

Ngày soạn: 17/4/

Ngày dạy: 23/4/

**TiÕt 48 : PHÒNG, TRỊ BỆNH THÔNG THƯỜNG CHO VẬT NUÔI**

**I. Mục tiêu:**

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Biết được những nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi.

- Biết được những biện pháp chủ yếu để phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

***2. Kĩ năng:***

-Rèn luyện ý thức nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

***3.Thái độ***:

- Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

***4. Năng lực :***

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

**II.Chuẩn bị của GV - HS:**

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 46
- HS: Đọc SGK, liên hệ gia đình, địa phương.

**III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.**

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi.

**IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:**

A. **Hoạt động khởi động : 5'**

26. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
27. Phương thức:Hđ cá nhân.
28. Sản phẩm : Trình bày miệng.
29. Kiểm tra, đánh giá:
    - Hs đánh giá
    - Gv đánh giá
30. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Nêu một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non?

Câu 2: Cho biết các công việc chăm sóc vật nuôi cái sinh sản?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Sự điều tiết than nhiệt chưa hoàn chỉnh.

- Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.

- Chức năng miễn dịch chưa tốt.

C2: - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con

+ Giai đoạn mang thai

+ Giai đoạn nuôi con

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

## B. **Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|
| ***1.Tìm hiểu khái niệm về bệnh. 15'***<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây ra bệnh.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi<br>Vật nuôi bị bệnh có dấu hiệu như thế nào?<br>Em hãy quan sát sơ đồ 14 và cho biết nguyên nhân sinh ra bệnh ở vật nuôi và lấy ví dụ?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các học sinh .<br>Dự kiến trả lời:<br>- Vật nuôi bị bệnh do chức năng sinh lý trong cơ thể tác động của yếu tố gây bệnh làm giảm sút khả năng sản xuất và giá trị kinh tế của vật nuôi.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV mở rộng** : Khi bị nhiễm lạnh, một số lợn con đi ngoài phân trắng có phải vật nuôi bị bệnh không. | I. Khái niệm về bệnh.<br>- Vật nuôi bị bệnh do chức năng sinh lý trong cơ thể tác động của yếu tố gây bệnh làm giảm sút khả năng sản xuất và giá trị kinh tế của vật nuôi.<br>II. Nguyên nhân gây ra bệnh.<br>- Có 2 căn cứ để phân loại bệnh.<br>+ Bệnh truyền nhiễm: Do các vi sinh vật( Vi rút, vi khuẩn..) gây ra<br>+ Bệnh không truyền nhiễm: Do vật ký sinh như giun, sán, ve...gây ra không lây lan thành dịnh. |

| | |
|---|---|
| ***2.Tìm hiểu biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi: 15'***<br>1.Mục tiêu : Hiểu được một số biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđ nhóm.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm<br>phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi:<br>Em hãy đọc và đánh dấu (x) vào vở bài tập những biện pháp đúng, cần làm nhằm phòng trị bệnh cho vật nuôi?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>- Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.<br>- Tiêm phòng đầy đủ các loại vác xin<br>- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.<br>- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.<br>- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày kết quả<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | III. Phòng trị bệnh cho vật nuôi.<br>- Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.<br>- Tiêm phòng đầy đủ các loại vác xin<br>- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.<br>- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.<br>- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi. |

## C. Hoạt động luyện tập: 5'

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Em cho biết thế nào là vật nuôi bị bệnh?
- Những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

## D. Hoạt động vận dụng: 3’

1.Mục tiêu : Nắm vững khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây ra bệnh và các biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi.

2.Phương thức:Hđ cá nhân.

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em thường chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. Ho¹t ®éng t×m tßi më réng: 2’

1.Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.

2.Phương thức:Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
hoạt động cả lớp

3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự  đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : Về nhà em tìm hểu những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi và cách phòng bệnh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiểm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 47 SGK.

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 34
Ngày soạn: 23/4/
Ngày dạy: / /

# Tiết 49 : VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO VẬT NUÔI

## I. Mục tiêu:

***1. Kiến thức***: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Biết được khái niệm và tác dụng của vắc xin.

- Biết được cách sử dụng vắc xin để phòng trị bệnh cho vật nuôi.

***2. Kĩ năng:***

-Rèn luyện ý thức sử dụng vắc xin để phòng trị bệnh cho vật nuôi.

***3.Thái độ***:

- Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc phòng bệnh cho vật nuôi.

***4. Năng lực :***

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

## II.Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 4, hình vẽ 73,74 sgk
- HS: Đọc SGK, liên hệ gia đình, địa phương.

## III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận cặp đôi.

## IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

### A. Hoạt động khởi động : 5’

31. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức,tạo hứng thú cho hs.Rèn khả năng hợp tác cho hs.
32. Phương thức:Hđ cá nhân.
33. Sản phẩm : Trình bày miệng.
34. Kiểm tra, đánh giá:
    - Hs đánh giá
    - Gv đánh giá

35.Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi?

Câu 2: Em hãy nêu các biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Có 2 căn cứ để phân loại bệnh.

+ Bệnh truyền nhiễm: Do các vi sinh vật( Vi rút, vi khuẩn..) gây ra

+ Bệnh không truyền nhiễm: Do vật ký sinh như giun, sán, ve...gây ra không lây lan thành dịnh.

C2: - Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin
- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Bảo vệ vật nuôi có ý nghĩa rất lớn trong chăn nuôi. Với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh thì việc hiểu về vacxin và biết cách sử dụng vacxin đúng có tác dụng rất hữu hiệu trong việc bảo vệ vật nuôi. Bài hôm nay chúng ta đi giải quyết vấn đề này

## B. **Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
|---|---|
| ***1.Tìm hiểu tác dụng của vắc xin.15'***<br>1.Mục tiêu : - Hiểu được vắc xin là gì và tác dụng của vắc xin<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, hđn, cặp đôi.<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình | I. Tác dụng của vắc xin<br>1. Vắc xin là gì?<br>- Các chế phẩm sinh học dùng để phòng bệnh truyền nhiễm gọi là vắc xin. Vắc xin được chế từ chính mầm bệnh( vi |

| | |
|---|---|
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:<br>- GV: Nêu câu hỏi , hs hoạt động cặp đôi.<br>Các em có biết vắc xin là gì?<br>Em hãy quan sát hình 73 về cách xử lí mầm bệnh để chế vắc xin và trả lời câu hỏi<br>ThẾ nào là vắc xin chết và vắc xin nhược độc?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi và thảo luận cặp đôi.<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi<br>-GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm học sinh .<br>Dự kiến trả lời:<br>- Các chế phẩm sinh học dùng để phòng bệnh truyền nhiễm gọi là vắc xin. Vắc xin được chế từ chính mầm bệnh( vi khuẩn hoặc vi rút) gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa.<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả trước lớp.<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng.<br>**GV mở rộng** : Tại sao khi tiêm vắc xin tụ huyết trùng cho gà thì gà không mắc bệnh tụ huyết trùng nữa?<br>GV hướng dẫn HS thảo luận<br>***2.Tìm hiểu một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin.15'***<br>1.Mục tiêu : Hiểu được cách bảo quản và sử dụng vắc xin.<br>2.Phương thức:Hđ cá nhân, .<br>3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân<br>phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi<br>4.Kiểm tra, đánh giá:<br>- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau<br>- Gv đánh giá<br>5.Tiến trình<br>****Chuyển giao nhiệm vụ***<br>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: | khuẩn hoặc vi rút) gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa.<br>2. Tác dụng của vắc xin<br>- Cơ thể vật nuôi chống được bệnh, khỏe mạnh vì có đáp ứng miễn dịch tức là cơ thể sinh ra kháng thể.<br>- Bài tập: vắc xin, kháng thể, tiêu diệt mầm bệnh, , miễn dịch<br>II. Một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin<br>1. Bảo quản<br>- Nhiệt độ bảo quản thích hợp phải theo sự chỉ dẫn trên nhãn thuốc.<br>- Đã pha phải dùng ngay.<br>2. Sử dụng |

| | |
|---|---|
| - GV: Nêu câu hỏi:<br>Vì sao cần phải bảo quản vắc xin?<br>Khi sử dụng vắc xin cần chú ý như thế nào?<br>-HS: Lắng nghe câu hỏi<br>***Thực hiện nhiệm vụ:**<br>-HS: Làm việc cá nhân thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:<br>Dự kiến trả lời:<br>1. Bảo quản<br>- Nhiệt độ bảo quản thích hợp phải theo sự chỉ dẫn trên nhãn thuốc.<br>- Đã pha phải dùng ngay.<br>2. Sử dụng<br>- Chỉ dùng vắc xin cho vật nuôi khỏe.<br>- Phải dùng đúng vắc xin<br>- Dùng vắc xin xong phải theo dõi vật nuôi 2- 3h tiếp theo<br>***Báo cáo kết quả:**<br>- Hs trình bày kết quả<br>***Đánh giá kết quả:**<br>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá<br>- Giáo viên nhận xét, đánh giá<br>**GV:** chốt kiến thức, ghi bảng. | - Chỉ dùng vắc xin cho vật nuôi khỏe.<br>- Phải dùng đúng vắc xin<br>- Dùng vắc xin xong phải theo dõi<br>- Dùng vắc xin xong phải theo dõi vật nuôi 2-3h tiếp theo |

## C. Hoạt động luyện tập: 5’

1.Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:
- Em cho biết vắc xin là gì? Lấy 1 ví dụ về loại vắc xin mà em biết.
- Khi sử dụng vắc xin cần chú ý điều gì?

***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:
***Báo cáo kết quả:**
- Hs trình bày nhanh
***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

## D. Hoạt động vận dụng: 4’

1.Mục tiêu : Nắm vững vắc xin là gì, tác dụng của vắc xin và một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin.

2.Phương thức:Hđ cặp đôi.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập.
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em có dùng vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi không và thường dùng loại vắc xin nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Thảo luận cặp đôi.
***Báo cáo kết quả:**
Đại diện một số cặp báo cáo.
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

## E. Ho¹t ®éng t×m tßi më réng: 1’

1.Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.
2.Phương thức:Hđ cá nhân.
3.Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4.Kiểm tra, đánh giá:
- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5.Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : Về nhà em tìm hểu một số loại vắc xin dùng phòng bệnh cho vật nuôi trong gia đình em?

***Thực hiện nhiệm vụ:**
-HS: Làm việc cá nhân:
***Báo cáo kết quả**
***Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 48 SGK.

***Rút kinh nghiệm**:

Tuần 34
Ngày soạn: 23/4/
Ngày dạy: / 5 /

## Tiết 50: Thực hành - NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO GIA CẦM VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VẮC XIN NIU CAT XƠN PHÒNG BỆNH CHO GÀ

### I. MỤC TIÊU:

**1. Kiến thức**:

Nhận biết tên, đặc điểm và sử dụng được một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm.

**2. Kỹ năng**:

Biết sử dụng vắc xin bằng các phương pháp: Tiêm, nhỏ mũi, nhỏ mắt.

**3. Thái độ:**

Vận dụng vào thực tiễn sản xuất của gia đình và địa phương, rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi sử dụng văxin phòng dịch cho gia súc, gia cầm.

**4. Định hướng năng lực**: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

### II. CHUẨN BỊ:

**1. Giáo viên**:

- Chuẩn bị bơm tiêm, kim tiêm….
- Các hình ảnh có liên quan.
- SGV, SGK, giáo án.

**2. Học sinh:**

Xem trước bài 48 và đem bẹ chuối.

## III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

### A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 4’

- Em cho biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi.
- Khi sử dụng vắc xin cần chú ý những điều gì?

Các em đã biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi. Nhưng không phải vắc xin nào cũng sửdụng được mà phải tùy vào từng loại vật nuôi và tùy chủng loại vắc xin mà có cách sử dụng thích hợp. Hôm nay chúng sẽ cùng tìm hiểu cách nhận biết một số loại vắc xin và cách sử dụng các loại vắc xin đó.Ta vào bài 48.

### B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN

* Hoạt động 1: Vật liệu và dụng cụ cần thiết(8’).

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
|---|---|---|
| - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần I SGK trang 125.<br>- Giáo viên yêu cầu kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.<br>- Giáo viên đem các chủng loại vắc xin ra giới thiệu cho học sinh .<br>- Yêu cầu học sinh chia nhóm thực hành và dặn dò học sinh là phải cẩn thận trong khi thực hành.<br>- Yêu cầu học sinh ghi bài vào tập. | - Học sinh đọc thông tin phần I.<br>- Học sinh đem dụng cụ mình đã chuẩn bị ra.<br>- Học sinh lắng nghe.<br>- Học sinh tiến hành chia nhóm.<br>- Học sinh ghi bài vào tập. | **I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết:**<br>- 3 loại vắc xin Niu cát xơn:<br>- Vắc xin đậu gà đông khô.<br>- Vắc xin tụ huyết trùng cho gia cầm dạng nhủ hóa và dạng keo phèn.<br>- Nước cất.<br>- Bơm tiêm, kim tiêm, panh cặp, khay men.<br>- Bông thấm nước.<br>- thuốc sát trùng.<br>- Khúc thân cây chuối.<br>- Gà con, gà lớn. |

* Hoạt động 2: Quy trình thực hành(8’).

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
|---|---|---|
| - Yêu cầu học sinh nghiên cứu các cách quan sát trong SGK trang 125. | - Học sinh nghiên cứu mục 1. | **II. Quy trình thực hành:**<br>1. Nhận biết một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm: |

| | | |
|---|---|---|
| - Giáo viên hướng dẫn cách nhận biết các một số loại vắc xin qua:<br>+ Quan sát chung về loại vắc xin, đối tượng dung, thời gian sử dụng.<br>+ Dạng vắc xin: dạng bột hay dạng nước…<br>+ Liều dùng và cách dùng của loại văc xin đó.<br>- Yêu cầu 1 học sinh khác là m lại cho các bạn khác xem.<br>- Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc to phần các bước mục 2.<br>- Giáo viên lấy dụng cụ, hướng dẫn cho học sinh từng bộ phận và cách sử dụng các dụng cụ đó như thế nào.<br>- Giáo viên làm mẫu các bước cho học sinh quan sát và yêu cầu 1 học sinh làm lại lần nữa cho các khác xem.<br>- Giáo viên yêu cầu học sinh viết vào tập. | _ Học sinh lắng nghe và chú ý cách làm của giáo viên .<br><br>- 1 học sinh làm lại cho các bạn khác xem.<br>- 1 học sinh đọc to phần 2 các bước thực hiện.<br>- Học sinh chú ý lắng nghe và quan sát.<br><br>- Học sinh quan sát cách làm của giáo viên .<br><br>- Học sinh ghi bài vào tập. | Quan sát các loại vắc xin theo các bước:<br>a) Quan sát chung:<br>- Loại vắc xin<br>- Đối tượng dùng.<br>- Thời hạn sử dụng.<br>b)Dạng vắc xin: dạng bột, dạng nước, màu sắc của thuốc.<br>c) Liều dùng: tùy loại vắc xin. Cách dùng ( tiêm, nhỏ, phun hay hay chích,..).<br>2. <u>Phương pháp sử dụng vắc xin Niu cat xơn phòng bênh cho gà:</u><br>- Bước 1: Nhận biết các bộ phận và tháo, lắp, điều chỉnh bơm tiêm.<br>- Bước 2: tập tiêm trên thân cây chuối. Tay phải cầm bơm tiêm: bơm tiêm được tì trên ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn, ngón cái ấn xuống thân bơm. Cắm kim tiêm nghiêng với mặt nơi tiêm một góc $30^0$. Tay trái bơm vắc xin sau đó rút kim ra nhanh. Dùng panh cặp bông thấm cồn $70^0$ để sát trùng chỗ tiêm.<br>- Bước 3: Pha chế vaàhút văc xin đã hòa tan.<br>- Bước 4: Tập tiêm dưới da phía trong của cánh gà. Nhỏ mũi hoặc nhỏ mắt cho gà. |

* Hoạt động 3: Thực hành (17').

| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | Nội dung |
|---|---|---|
| - Các nhóm tiến hành thực hành,<br>- quan sát và trả lời và ghi vào bảng mẫu.<br>- Giáo viên yêu cầu học sinh nộp bài thu hoạch sau giờ thực hành của các nhóm quan sát của nhóm mình. | - Các nhóm tiến hành.<br><br>- Các nhóm trả lời vào bảng.<br><br>- Học sinh nộp bài thu hoạch. | **III. Thực hành:** |

| TT | Tên thuốc | Đặc điểm vắc xin (dạng vắc xin, màu sắc) | Đối tượng dùng | Phòng bệnh | Cách dùng: nơi tiêm, chích, nhỏ…, liều dùng | Thời gian miễn dịch |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1<br>2<br>3<br>4<br>5<br>6 | | | | | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 2'**

Yêu cầu học sinh cho biết cách nhận biết và cách sử dụng các loại vắc xin.

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG** : 1'

Về nhà tự sưu tầm các tên vacxin phòng từng loại bệnh cho gia cầm.

**** Rút kinh nghiệm***

Tuần 35
Ngày soạn: 3 / 05/
Ngày dạy: / 05/

## Tiết 51: ÔN TẬP

**I- MỤC TIÊU:** Sau bài này GV phải làm cho HS:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và hệ thống hoá được các kiến thức đã học. Tóm tắt được nội dung kiến thức dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi và bài tập.

**2. Kĩ năng:**

Rèn luyện kĩ năng hệ thống hoá nội dung kiến thức.

**3. Thái độ:**

Có ý thức tốt trong giờ ôn tập.

**4. Định hướng năng lực**: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

## II- CHUẨN BỊ:

**1. Giáo viên:**

- SGK, SGV, giáo án.
- Hệ thống hóa nội dung kiến thức đã học.

**2. Học sinh:**

SGK, ôn tập trước nội dung kiến thức ở nhà.

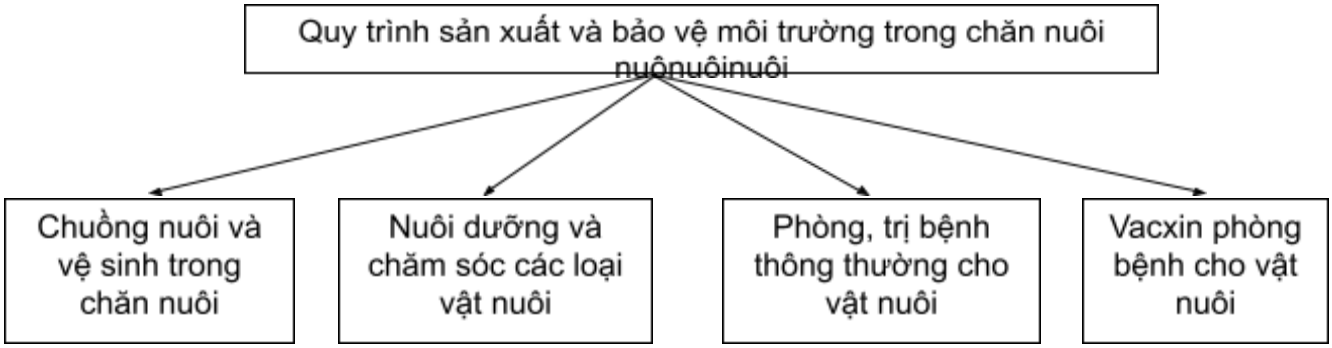
## III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

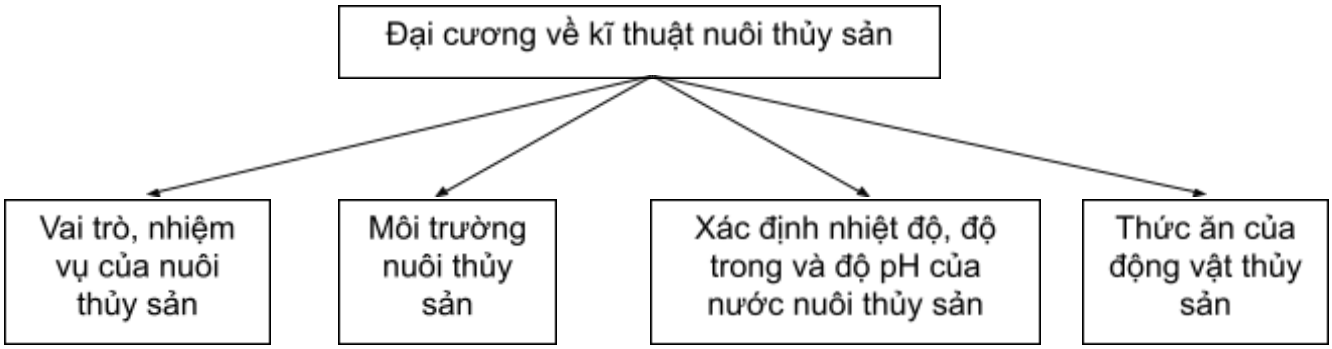
A. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 4'**

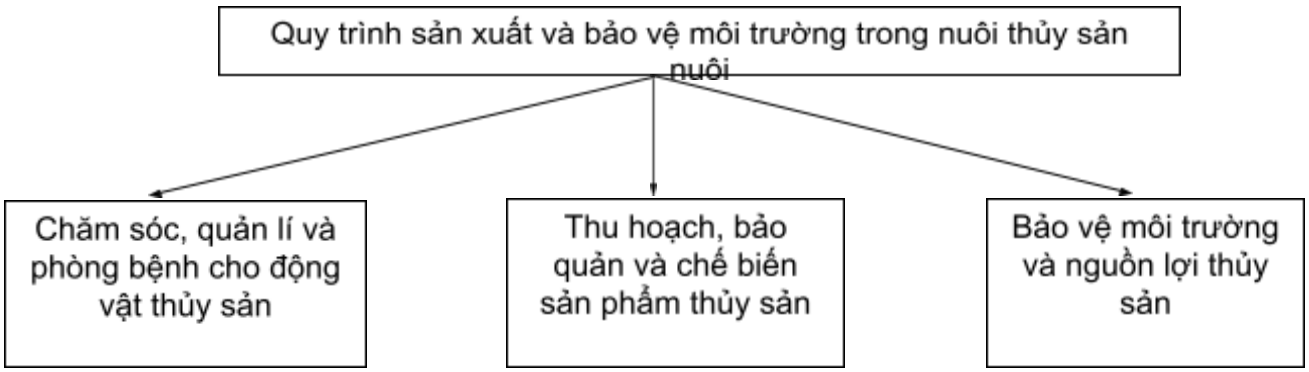
**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN**

***HĐ1: Hệ thống hoá nội dung kiến thức đã học***

- Cách tiến hành: GV hệ thống lại nội dung kiến thức đã học trong học kỳ II dưới dạng sơ đồ -> HS lắng ghe, tiếp thu và ghi chép



***HĐ2: Trả lời các câu hỏi và bài tập***

- Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi và bài tập.
- Thời gian: 19 phút.
- Đồ dùng dạy học: Không.
- Cách tiến hành:

+ GV giao các câu hỏi cho HS thảo luận nhóm, phân HS về từng nhóm để thảo luận.

1. Vai trò của chuồng nuôi? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?
2. Khi nào vật nuôi bị bệnh? Nguyên nhân sinh ra bệnh ở vật nuôi?
3. Văcxin là gì? Cho biết tác dụng và những điểm cần chú ý khi sử dụng văcxin?
4. Nuôi thủy sản có vai trò gì trong đời sống và nền kinh tế xã hội?
5. Nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản là gì?
6. Em hãy nêu tóm tắt tính chất lí học, hóa học, sinh học của nước nuôi thuỷ sản?
7. Thức ăn của tôm, cá gồm những loại nào?
8. Trình bày sự khác nhau giữa thức ăn nhân tạo và thức ăn của tôm, cá?
9. Em hãy trình bày tóm tắt biện pháp chăm sóc cho tôm, cá?
10. Muốn phòng bệnh cho tôm, cá theo em cần phải có những biện pháp gì?
11. Tại sao phải bảo quản và chế biến sản phẩm thuỷ sản? Nêu một số phương pháp bảo quản mà em biết?
12. Nêu ý nghĩa của bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?
13. Hãy trình bày một số nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường và nguồn lợi thuỷ sản?
14. Nêu một số biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái mà địa phương em đó thực hiện?

+ Cuối buổi GV tập chung toàn lớp, đề nghị các nhóm trình bày đáp án trả lời. GV nhận xét, uốn nắn và bổ sung.

**IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ:** 5 phút

- GV nhận xét giờ ôn tập về: sự chuẩn bị, tinh thần, thái độ của HS.
- GV hệ thống lại nội dung kiến thức chính của giờ ôn tập.
- GV yêu cầu HS về nhà ôn tập để giờ sau kiểm tra cuối năm.

**** Rút kinh nghiệm***

Tuần 35
Ngày soạn: 3 / 05/
Ngày dạy: / 05/

## Tiết 52: KIỂM TRA HỌC KỲ II

**I- MỤC TIÊU:** Sau bài này GV phải làm cho HS:

**1. Kiến thức:** Kiểm tra mức độ biết, hiểu, vận dụng về:

- Trình bày được vai trò của chuồng nuôi, biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi. Kĩ thuật nuôi vật nuôi non, đực giống và cái sinh sản.
- Nêu được nguyên nhân gây bệnh, cách phòng trị bệnh, tác dụng và cách sử sụng vacxin phòng bệnh cho vật nuôi.
- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của nuôi thủy sản. Nêu được một số tính chất lí, hóa, sinh của nước nuôi thủy sản. Xác định được độ trong, độ pH, nhiệt độ nước nuôi thủy sản.
- Nêu được các loại thức ăn của tôm, cá và mối quan hệ giữa chúng.
- Nêu được kĩ thuật chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho tôm, cá. Các phương pháp thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm thủy sản.
- Trình bày được ý nghĩa và một số biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản.

**2. Kĩ năng:**

Rèn luyện tính tự giác làm bài của HS trong giờ kiểm tra.

**3. Thái độ:**

Có ý thức tốt trong giờ kiểm tra.

**II- CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**

Đề bài, đáp án và thang điểm.

**2. Học sinh:**

Ôn tập nội dung kiến thức ở nhà, đồ dùng học tập.

**III- LÊN LỚP:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra:** GV phát đề kiểm tra cho HS.

**Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận**

**Ma trận KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC: 2015-2016**

**Môn: Công nghệ 7**

| Nội dung | Mức độ kiến thức kĩ năng | | | | | | | | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng thấp | | Vận dụng cao | | |
| | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | |
| Phần 2. LÂM NGHIỆP Chương II. | - Biết mục đích bảo vệ rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.<br>- Biết cách khai thác rừng và việc áp dụng khai thác | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khai thác và bảo vệ rừng | rừng ở Việt Nam.<br>- Nhiệm vụ trồng rừng của nước ta trong thời gian tới. | | | | | | | | |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ | 3<br>0.75<br>7.5% | 1<br>2<br>20% | | | | | | | 4<br>2.75<br>27.5% |
| Phần 3. CHĂN NUÔI | - Biết được sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.<br>- Biết nhận dạng dấu hiệu một số bệnh cho vật nuôi.<br>- Thức ăn vật nuôi và nguồn gốc thức ăn vật nuôi. | | - Hiểu được vai trò và nhiệm vụ của chăn nuôi.<br>- Thành phần dinh dưỡng trong thức ăn vật nuôi.<br>- Phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi.<br>- Ảnh hưởng của các yếu tố đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi. | | - Hiểu được vai trò các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi. | | - Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh. | | |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ | 5<br>1.25<br>12.5% | | 4<br>1<br>10% | 1<br>2<br>20% | | 1<br>2<br>20% | | 1<br>1<br>10% | 12<br>7.25<br>72.5% |
| Tổng câu<br>Tổng điểm<br>Tỉ lệ | 9<br>4<br>40% | | 5<br>3<br>30% | | 1<br>2<br>20% | | 1<br>1<br>10% | | 16<br>10<br>100% |

Đề bài

**I. Trắc nghiệm: (3 điểm)**

***Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) trước câu trả lời đúng.***

Câu 1. Khai thác rừng có các loại sau:

A. Khai thác trắng và khai thác dần.

B. Khai thác dần và khai thác chọn.

C. Khai thác trắng, khai thác dần và khai thác chọn.

D. Khai thác chọn và khai thác toàn bộ.

Câu 2. Khi nuôi gà với loại hình sản xuất trứng nên chọn:
A. Gà Tam Hoàng. B. Gà có thể hình dài.
C. Gà Ri. D. Gà có thể hình ngắn, chân dài.
Câu 3. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi?
A. Không đồng đều. B. Theo giai đoạn.
C. Theo thời vụ gieo trồng. D. Theo chu kì.
Câu 4. Khi tiến hành khai thác rừng thì chúng ta phải:
A. Chọn cây còn non để chặt. B. Khai thác trắng khu vực trồng rừng.
C. Chặt hết toàn bộ cây gỗ quý hiếm. D. Phục hồi rừng sau khi khai thác.
Câu 5. Nhiệm vụ trồng rừng của nước ta trong thời gian tới là:
A. Khai thác rừng phòng hộ.
B. Khai thác rừng ở nơi đất dốc.
C. Khai thác trắng sau đó trồng lại.
D. Tham gia phủ xanh 19,8 triệu ha đất lâm nghiệp.
Câu 6. Mục đích của nhân giống thuần chủng là:
A. Tạo ra nhiều cá thể của giống đã có. B. Lai tạo ra được nhiều cá thể đực.
C. Tạo ra giống mới. D. Tạo ra được nhiều cá thể cái.
Câu 7. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi là:
A. Cung cấp thực phẩm cho ngành sản xuất.
B. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
C. Cung cấp sản phẩm cho tiêu dùng trong nước.
D. Cung cấp sức kéo và phân bón.
Câu 8. Sự phát dục của vật nuôi là:
A. Sự tăng lên về khối lượng các bộ phận của cơ thể.
B. Sự phát triển của hợp tử và hệ tiêu hoá.
C. Sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể.
D. Sự tăng lên về kích thước các bộ phận của cơ thể.
Câu 9. Nếu thấy vật nuôi có hiện tượng bị dị ứng ( phản ứng thuốc) khi tiêm vắc xin thì phải :
A. Tiêm vắc xin trị bệnh cho vật nuôi.
B. Tiếp tục theo dõi.
C. Dùng thuốc chống dị ứng hoặc báo cho cán bộ thú y đến giải quyết kịp thời.
D. Cho vật nuôi vận động để tạo ra khả năng miễn dịch.
Câu 10. Thức ăn vật nuôi gồm có:
A. Nước và chất khô. B. Vitamin, lipit và chất khoáng.
C. Prôtêin, lipit, gluxit. D. Gluxit, vitamin, lipit, prôtêin.
Câu 11. Đây là loại thức ăn nào? Biết tỉ lệ nước và chất khô: nước 89,40% và chất khô 10,60%.

A. Rơm, lúa. B. Khoai lang củ. C. Rau muống. D. Bột cá.

Câu 12. Phương pháp cắt ngắn dùng cho loại thức ăn nào?

A. Thức ăn giàu tinh bột. B. Thức ăn hạt.

C. Thức ăn thô xanh. D. Thức ăn nhiều sơ.

**II. Tự luận: (7 điểm)**

Câu 1. (2 điểm) Bảo vệ rừng nhằm mục đích gì? Cho biết các biện pháp bảo vệ rừng?

Câu 2. (2 điểm) Thức ăn vật nuôi là gì? Nêu vai trò của chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi?

Câu 3. (2 điểm) Cho biết vai trò và nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta?

Câu 4. (1 điểm) Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh?

## ĐÁP ÁN

**I. Trắc nghiệm: (3 điểm)** Đáp án đúng 0.25 điểm/câu

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | C | B | C | D | D | A | B | C | C | A | D | C |

**II. Tự luận: (7 điểm)**

| Câu | Đáp án | Điểm |
|---|---|---|
| Câu 1 (2 điểm) | * Bảo vệ rừng nhằm mục đích:<br>- Giữ gìn tài nguyên thực vật, động vật, đất rừng hiện có.<br>- Tạo điều kiện thuận lợi để rừng phát triển, cho sản lượng cao và chất lượng tốt nhất.<br>* Biện pháp:<br>- Ngăn chặn và cấm phá hoại tài nguyên rừng, đất rừng.<br>- Kinh doanh rừng, đất rừng phải được Nhà nước cho phép.<br>- Chủ rừng và Nhà nước phải có kế hoạch phòng chống cháy rừng. | <br>0.5<br>0.5<br><br><br>0.5<br>0.25<br>0.25 |
| Câu 2 (2 điểm) | - Thức ăn vật nuôi: là những loại thức ăn mà vật nuôi có thể ăn được và phù hợp với đặc điểm sinh lí tiêu hóa của vật nuôi.<br>- Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi: thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi hoạt động và phát triển, cung cấp các chất dinh dưỡng cho vật nuôi lớn lên và tạo ra sản phẩm chăn, chống được bệnh tật. | 1<br>1 |
| Câu 3 (2 điểm) | * Vai trò của ngành chăn nuôi:<br>- Cung cấp thực phẩm.<br>- Cung cấp sức kéo.<br>- Cung cấp phân bón.<br>- Cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất khác.<br>* Nhiệm vụ phát triển ngành chăn nuôi nước ta: | <br>0.25<br>0.25<br>0.25<br>0.25 |

| | | |
|---|---|---|
| | - Phát triển chăn nuôi toàn diện.<br>- Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.<br>- Tăng cường đào tư cho nguyên cứu và quản lý. | 0.25<br>0.5<br>0.25 |
| Câu 4<br>(1 điểm) | - Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh: Nhiệt độ thích hợp; Độ ẩm: 60-75%; Độ thong thoáng tốt; Độ chiếu sáng thích hợp; Không khí ít khí độc.<br>- Muốn chuồng nuôi hợp vệ sinh, khi xây chuồng nuôi phải thực hiện đúng kĩ thuật và chọn địa điểm, hướng chuồng, nền chuồng, tường bao, mái che và bố trí các thiết bị khác. | 0.5<br>0.5 |

**IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ:** 1 phút.

GV thu bài kiểm tra sau đó hướng dẫn HS cách trả lời bài làm theo hệ thống câu hỏi để HS tự nhận xét, đánh giá bài làm của mình.

- ***Rút kinh nghiệm***